ZIM School of English and Test Preparation

Understanding Grammar for IELTS

Paragraph and Essay

A complete guide to improving your essay

Analyzing

Brainstorming and Outlining

Writing and Proofreading

Understanding
Grammar for IELTS

Paragraph and Essay

A complete guide to improving your essay

Analyzing

Brainstorming and Outlining

Writing and Proofreading

Đăng ký tham gia group hỗ trợ sử dụng sách miễn phí từ ZIM

Cách 1: Scan mã QR bên dưới để ***đăng ký tham gia group hỗ trợ sử dụng sách miễn phí từ ZIM.***

Hoặc truy cập đường link bên dưới.
https://qrco.de/zim-cskh-group

Cách 2: Scan mã QR bên dưới để ***tham gia trực tiếp group hỗ trợ sử dụng sách miễn phí từ ZIM.***

Hoặc truy cập đường link bên dưới.
https://qrco.de/zim-cskh-group-2

ZIM School of English and Test Preparation

Online 500.000đ

* Áp dụng cho các chương trình học online tại ZIM, không quy đổi tiền mặt
* Thời gian áp dụng trong vòng 90 ngày kể từ ngày mua sách

ZIM School of English and Test Preparation

Offline 1.000.000đ

* Áp dụng cho các chương trình học offline tại ZIM, không quy đổi tiền mặt
* Thời gian áp dụng trong vòng 90 ngày kể từ ngày mua sách

Tủ sách luyện thi IELTS cùng ZIM

Dịch vụ chấm và chữa bài IELTS Writing

Gói 1 bài viết	Gói 3 bài viết	Gói 5 bài viết
Dùng thử: 50.000đ/ bài	Dùng thử: Không áp dụng	Dùng thử: Không áp dụng
Đăng ký: 100.000đ/bài	Đăng ký: 240.000đ/3 bài	Đăng ký: 300.000đ/5 bài
IELTS Writing Task 1 hoặc Task 2	IELTS Writing Task 1 hoặc Task 2	IELTS Writing Task 1 hoặc Task 2
Thời hạn làm bài: 2 tuần	Thời hạn làm bài: 2 tuần	Thời hạn làm bài: 2 tuần
Trả bài: 5h chiều ngày tiếp theo	Trả bài: 5h chiều ngày tiếp theo	Trả bài: 5h chiều ngày tiếp theo
Đăng ký	Đăng ký	Đăng ký

Lời tựa

Trong phần 2 của bộ sách Understanding Grammar for IELTS, sách tập trung vào hoàn thiện kỹ năng viết bài với 2 nội dung chính: Hướng dẫn xây dựng đoạn văn và Hướng dẫn viết bài luận hoàn chỉnh.

- Cấu trúc đoạn văn: Câu chủ đề và các câu phát triển chủ đề
- 2 loại đoạn văn trong bài thi IELTS Writing
- Phân loại 4 dạng câu hỏi/ đề bài trong bài thi IELTS Writing
- Phân tích đề bài và lập dàn ý
- Cấu trúc 4P và cách viết các dạng bài

Mục lục

Part 1. IELTS Writing Task 1	7
Chapter 1. Nền tảng	7
Unit 1. Tổng quan về IELTS Writing Task 1	8
Unit 2. Nền tảng từ vựng - ngữ pháp	14
Unit 3. Cấu trúc bài viết và các bước làm bài	25
Chapter 2. Chiến lược làm bài	40
Unit 4. Biểu đồ dạng xu hướng	41
Lesson 4.1. Biểu đồ đường	41
Lesson 4.2. Các dạng biểu đồ theo xu hướng khác	50
Unit 5. Biểu đồ dạng so sánh	67
Lesson 5.1 Biểu đồ cột	67
Lesson 5.2 Biểu đồ tròn	75
Lesson 5.3 Bảng số liệu	84
Lesson 5.4 Biểu đồ kết hợp	92
Unit 6. Diagram	101
Lesson 6.1 Bản đồ (Map)	101
Lesson 6.2 Quy trình (Process)	115
Part 2. IELTS Writing Task 2	125
Chapter 1. Paragraph	125
Unit 1. Cấu trúc một đoạn văn	126
Lesson 1.1 Câu chủ đề	127
Lesson 1.2 Các câu phát triển	
Unit 2. Các loại đoạn văn thường dùng trong Task 2	147
Chapter 2. Essay	156
Unit 3. Tổng quan về IELTS Writing Task 2	157
Unit 4. Tổng quan về các dạng bài luận IELTS	159
Unit 5. Phân tích đề bài	162
Unit 6. Lập dàn ý	169
Unit 7. Các viết các dạng bài luận	177
Unit 8. Hướng dẫn tự học viết luận	226
Phụ lục	262

Part 1
IELTS
Writing Task 1

Chapter 1. Nền tảng

Unit

1 Tổng quan về IELTS Writing Task 1

1. Các yêu cầu và lưu ý chung

IELTS Writing Task 1 yêu cầu thí sinh sẽ phải viết một bản báo cáo để miêu tả và chỉ ra những đặc điểm nổi bật của một biểu đồ.

Ví dụ

You should spend about 20 minutes on this task.

> *The chart below gives data about the percentages of Internet users, categorized by age groups.*
> *Summarize the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.*

Write at least 150 words.

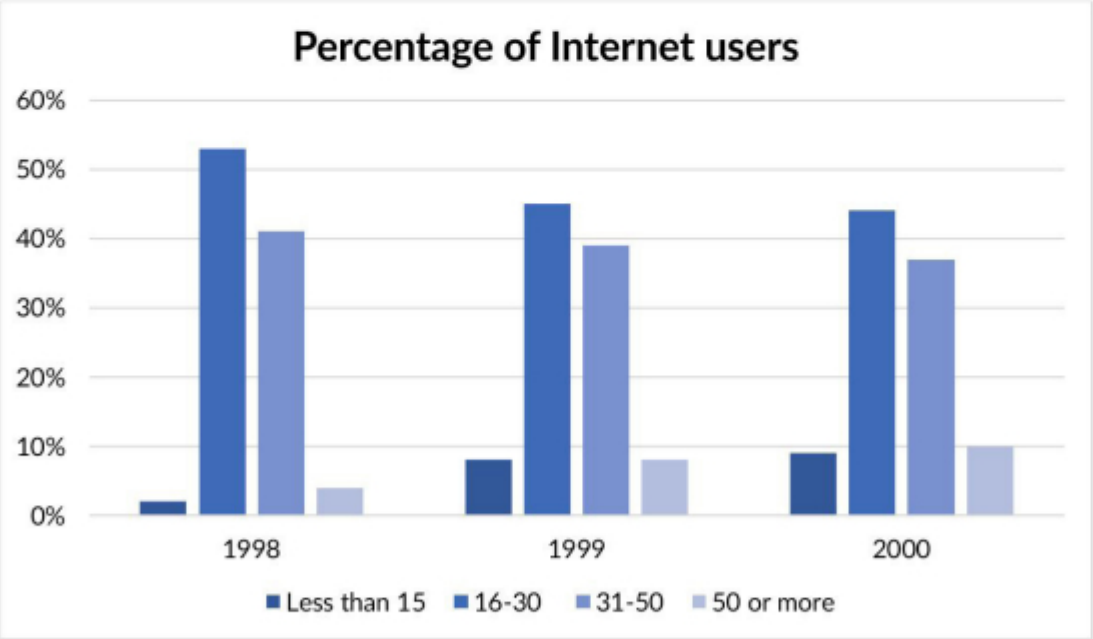

- *Thời gian: 20 phút*
- *Số từ tối thiểu: 150 từ*
- *Cách tính điểm: chiếm 1/3 số điểm bài thi Writing*

Lưu ý chung

1. Chỉ nên dành tối đa 20 phút cho phần Task 1. Thí sinh có 1 tiếng để hoàn thành cả 2 phần Task 1 và Task 2 của phần thi Writing. Phần Task 1 chỉ chiếm 1/3 số điểm và cần tối thiểu 150 từ (so với số từ tối thiểu 250 và chiếm 2/3 số điểm của Task 2), vì vậy thời gian dành cho phần này chỉ nên giới hạn trong 20 phút.

2. Đảm bảo viết được ít nhất 150 từ. Không có giới hạn tối đa về số từ, tuy nhiên không nên viết quá 200 từ (dài, tốn nhiều thời gian)

3. Không cho ý kiến cá nhân hoặc những thông tin không được đề cập đến trong biểu đồ vào bài viết. Tuyệt đối không nên dùng những từ như: I, We, You, They,...

4. Không nên đặt bút viết ngay mà cần lên dàn ý trước. Việc lên kế hoạch cụ thể trước khi viết sẽ giúp chúng ta viết bài một cách dễ dàng và trơn tru hơn.

5. Lựa chọn thông tin nổi bật, đáng chú ý để mô tả. Đề bài yêu cầu thí sinh "Summarise the information by selecting and reporting the main features" – tóm tắt, lựa chọn các thông tin chính chứ không phải liệt kê tất cả các thông tin được đề cập đến trong biểu đồ.

6. Chú ý đến việc sử dụng từ ngữ và cấu trúc câu linh hoạt, đa dạng. Đây sẽ là 2 trong 4 tiêu chí giám khảo sẽ sử dụng để đánh giá bài viết của thí sinh.

2. Các dạng bài và phân loại:

Có 4 dạng câu hỏi chính trong IELTS writing Task 1:

- *Dạng biểu đồ có dòng thời gian (Trend / Xu hướng)*
- *Dạng biểu đồ không có dòng thời gian (Comparison / So sánh)*
- *Dạng biểu đồ hình + diagram (mô tả):*
- *Dạng biểu đồ hỗn hợp:*

2.1 Dạng biểu đồ có dòng thời gian (Trend / Xu hướng)

Khi chúng ta thấy trong biểu đồ có từ hai khoảng thời gian khác nhau trở lên thì nó sẽ thuộc vào dạng biểu đồ xu hướng. Dưới đây là một số đề bài điển hình cho dạng bài này:

1. The graph below gives information from a 2008 report about comsumption of energy in the USA since 1980 with projections until 2030.

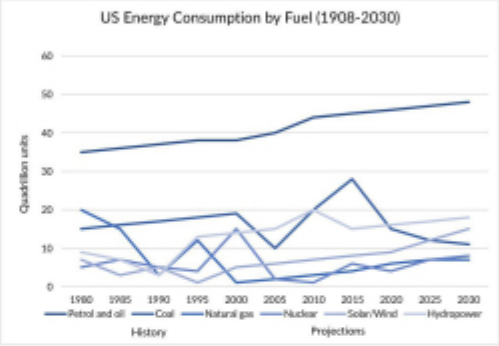

2. The chart below shows the total number of minutes (in billions) of telephone calls in the UK divided into three categories, from 1995 - 2002.

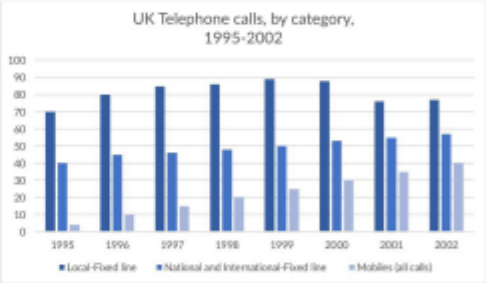

3. The tables below give information about sales of Fairtrade - labelled coffee and bananas in 1999 and 2004 in five European countries.

Sales of Fairtrade-labelled Coffee and Bananas (1999&2004)

Coffee	1999 (millions of euros)	2004 (millions of euros)
UK	1.5	20
Switzerland	3	6
Denmark	1.8	2
Belgium	1	1.7
Sweden	0.8	1

Coffee	1999 (millions of euros)	2004 (millions of euros)
Switzerland	15	47
UK	1	5.5
Belgium	0.6	4
Sweden	1.8	1
Denmark	2	0.9

4. The charts below give information on the ages of populations of Yemen and Italy in 2000 and projections for 2050.

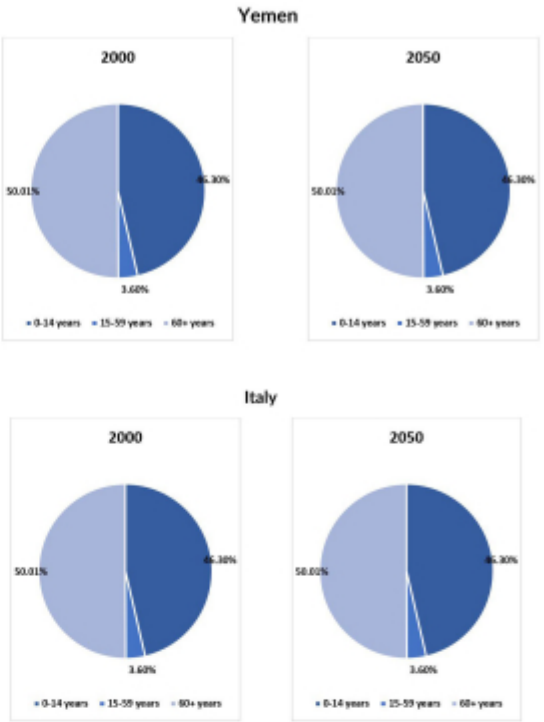

2.2 Dạng biểu đồ không có dòng thời gian (Comparison / So sánh)

Khi chúng ta thấy trong biểu đồ không đề cập tới năm hoặc chỉ nhắc đến một năm duy nhất thì nó thuộc vào dạng biểu đồ so sánh. Dưới đây là một số đề bài điển hình cho dạng bài này:

1. The chart below shows the expenditure of two countries on consumer goods in 2010.

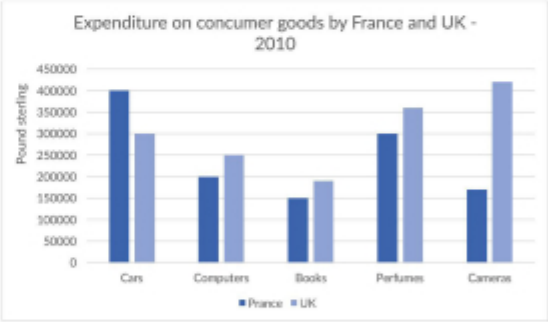

2. The table below gives information on consumer spending on different items in different countries in 2002

Percentage of national consumer expenditure by category-2002

Country	Food/ Drinks/ Tobacco	Clothing/ Footwear	Leisure/ Education
Ireland	28.91%	6.43%	2.21%
Italy	16.36%	9.00%	3.20%
Spain	18.80%	6.51%	1.98%
Sweden	15.77%	5.40%	3.22%
Turkey	32.14%	6.63%	4.35%

3. The first chart below shows how energy is used in an average Australian household. The second chart shows the greenhouse gas emissions which result from this energy use.

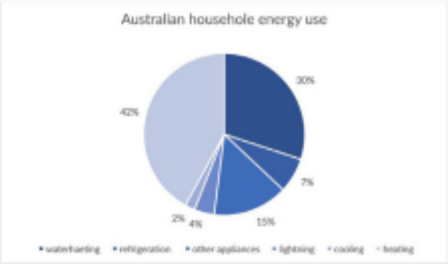

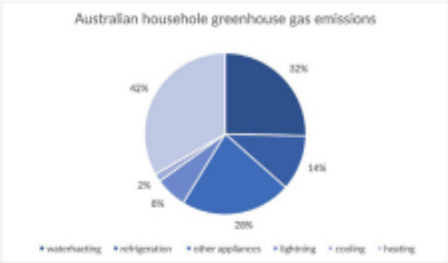

2.3 Dạng biểu đồ hình + diagram (mô tả):

Với dạng biểu đồ này chúng ta có hai loại chính như sau:

- Dạng biểu đồ quy trình (Process):

Biểu đồ quy trình cũng có hai loại chính là: Được đánh số thứ tự (Numbered) và Không có số thứ tự (Unnumbered)

1. The diagrams below shows the production of olive oil.

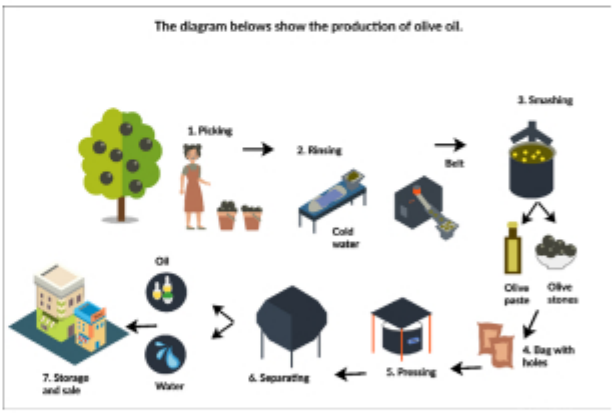

2. The diagram below shows the recycling process of plastic.

● Dạng mô tả bản đồ (Maps):

3. The maps below show the development of a particular area from 2005 to the present day.

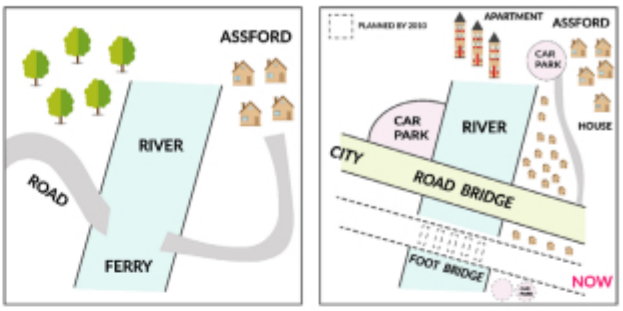

2.4 Dạng biểu đồ hỗn hợp:

Dạng biểu đồ hỗn hợp: Đôi khi chúng ta còn gặp dạng biểu đồ hỗn hợp, kết hợp giữa hai trong số các dạng biểu đồ trên, bao gồm biểu đồ đường (Line), biểu đồ cột (Bar), biểu đồ tròn (Pie), bảng số liệu (Table). Dưới đây là một đề bài điển hình:

3. The table and chart below show the domestic water use and cost in 5 countries.

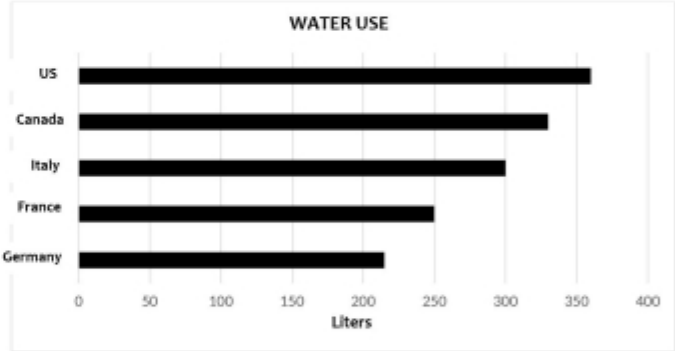

Cost of water (US dollars/m3)	
US	0.01
Canada	0.31
Italy	0.7
France	2.1
Germany	1.35

Unit 2

Nền tảng
Từ vựng - ngữ pháp

1. Ngôn ngữ miêu tả xu hướng

Bảng 1: Các từ vựng miêu tả xu hướng thường dùng

Xu hướng	Verb	Noun
Xu hướng tăng	● increase ● rise ● grow ● go up ● climb	● increase ● rise ● growth ● upward trend
Xu hướng giảm	● decrease ● decline ● fall ● drop	● decrease ● decline ● fall ● drop ● downward trend
Xu hướng duy trì ổn định ở mức nào đó	● remain/stay stable ● remain/stay unchanged ● stabilize	● stability
Xu hướng dao động	● fluctuate	● fluctuation
Đạt mức cao nhất	● hit the highest point ● reach a peak	
Giảm xuống mức thấp nhất	● hit the lowest point ● hit a low	

Bảng 2: Từ vựng miêu tả tốc độ/mức độ của sự thay đổi

	Adjectives	Adverbs
Thay đổi nhỏ	• slight • marginal • moderate	• slightly • marginally • moderately
Thay đổi nhỏ qua một thời gian dài	• gradual • slow • steady	• gradually • slowly • steadily
Thay đổi lớn	• considerable • significant • substantial	• considerably • significantly • substantially

2. Cấu trúc mô tả sự thay đổi

Ví dụ: Số lượng học sinh ở ZIM là 1,500 vào năm 2015 và con số này tăng lên mức 2,000 vào năm 2016.

Cấu trúc	Công Thức	Ví dụ
Cấu trúc 1	Subject + Verb + Adverb + Number+ Time period	The number of ZIM students increased significantly to 2,000 in 2016.
Cấu trúc 2	There+ be+ a/an + Adjective + noun + number + in + "what" + complement+ Time period	There was a significant increase of 500 in the number of ZIM students in 2016.
Cấu trúc 3	Subject + experienced/ saw/ witnessed + a/an + adj + noun + number+ time period	The number of ZIM students witnessed a significant increase of 500 in 2016.
Cấu trúc 4	A/an + adj + noun + number + was seen + in subject + time period	A significant increase of 500 was seen in the number of ZIM students in 2016.
Cấu trúc 5	Time period (khoảng thời gian) + witnessed/saw + a/an + adj + noun + in + noun phrase	The year 2016 witnessed a significant increase of 500 in the number of ZIM students.

3. Lưu ý về sử dụng giới từ khi miêu tả số liệu

*Cách dùng các giới từ như **at**, **to**, **by**, **of** khi mô tả số liệu:*

Giới từ	Cách dùng	Ví dụ
at	**stand at + số liệu:** đứng tại mức (vào 1 mốc cố định)	The crime rate stood at 5% in 2000. (Tỉ lệ tội phạm đứng ở mức 5% vào năm 2000)
	remain stable/remained the same at + số liệu: giữ nguyên tại mức	The figure for rice export in Vietnam remained stable at $15 million in 2015. (Số liệu xuất khẩu gạo giữ nguyên ở mức 15 triệu đô la vào năm 2015)
	peak at + số liệu: đạt mức cao nhất là bao nhiêu	The amount of electricity produced peaked at 10,000 units in 2000. (Lượng điện được sản xuất đạt mức cao nhất là 10,000 đơn vị vào năm 2000)
to	(verb) increase/decrease to + số liệu: tăng đến/giảm xuống mức	- The number of students increased to 10,000 after 2 years. (Số lượng học sinh tăng đến mức 10,000 sau 2 năm)
	(noun) an increase/decrease to + số liệu: một sự tăng đến/giảm xuống mức	- There was an increase to 10,000 in the number of students after 2 years. (Có một sự tăng đến mức 10,000 trong số lượng học sinh sau 2 năm.)
by	**(verb) increase/decrease by + số liệu:** tăng thêm/giảm đi bao nhiêu	- The number of students increased by 2,000 after 2 years (Số lượng học sinh tăng thêm 2,000 sau 2 năm)

of	**(noun) an increase/decrease of + số liệu:** một sự tăng thêm/ giảm đi bao nhiêu	- There was an increase of 2,000 in the number of students after 2 years. (Có một sự tăng thêm 2,000 trong số lượng học sinh sau 2 năm.)
	reach a peak/reach the highest point of + số liệu: đạt lên mức cao nhất là bao nhiêu	The amount of electricity produced reached a peak of 10,000 units in 2000. (Lượng điện được sản xuất đạt mức cao nhất là 10,000 đơn vị vào năm 2000)
	hit a low/hit the lowest point of + số liệu: chạm mức thấp nhất là bao nhiêu	The amount of electricity produced hit the lowest point of 5,000 units in 1980. (Lượng điện được sản xuất chạm mức thấp nhất là 5,000 đơn vị vào năm 1980)
around/ be - tween... and...	**- fluctuate/a fluctuation around + số liệu:** biến động trong khoảng **- fluctuate/a fluctuation between... and....:** biến động ở mức giữa.... và....	- The unemployment rate of Vietnam fluctuated around 10% from 2007 to 2010. (Tỉ lệ thất nghiệp ở Việt Nam biến động trong khoảng 10% từ 2007 đến 2010) - The unemployment rate of Vietnam fluctuated between 8% and 12% from 2007 to 2010. (Tỉ lệ thất nghiệp ở Việt Nam biến động trong khoảng từ 8 đến 12% từ 2007 đến 2010)

4. Các cấu trúc so sánh

Trong phần đề bài có yêu cầu ***"Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant"***, vì vậy việc so sánh giữa các đối tượng, các số liệu là điều cần thiết.

Sau đây là một số cấu trúc so sánh số liệu thường dùng.

Ví dụ

Tỉ lệ giáo viên nữ ở bậc Tiểu học là hơn 90%, tỉ lệ giáo viên nam ở bậc Tiểu học là gần 10%, số liệu vào năm 2010.

Các cách để so sánh 2 số liệu này.

Dùng câu đơn
● The percentage of female teachers at Primary school stood at over 90%, 10 times as much as that of male teachers. ● Females accounted for over 90% of the teaching staff at Primary school as opposed to/compared to/in comparison with only 10% male counterparts. ● At 90%, the figure for female teachers at Primary school was 10 times as much as that of their counterparts.
Dùng mệnh đề trạng ngữ
● There were 90% female teachers at Primary school while the figure for males stood at only 10%. ● Females accounted for over 90% of the teaching staff at Primary school whereas their counterparts made up only under 10%
Dùng mệnh đề quan hệ
● The percentage of female teachers at Primary school, which stood at over 90%, was over 10 times as much as that of males. ● Standing at over 90%, the percentage of female teachers was 10 times as much as that of males.

Practice

Bài 1. Nối các đường với miêu tả phù hợp

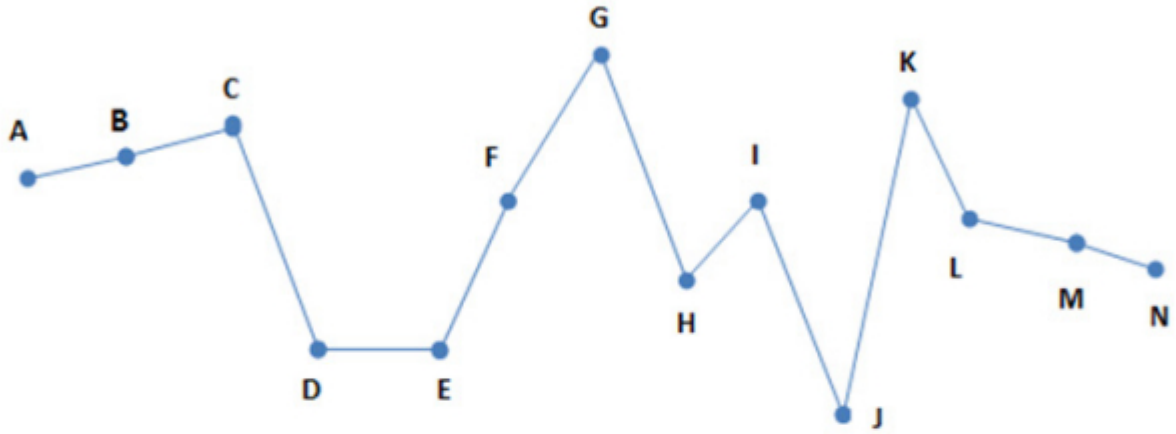

1.	A-C	a.	remained stable
2.	C-D	b.	increased substantially
3.	D-E	c.	fell slowly
4.	E-G	d.	reached a peak
5.	G	e.	dropped significantly
6.	G-L	f.	rose gradually
7.	J	g.	hit the lowest point
8.	L-N	h.	fluctuated

Bài 2. Điền từ thích hợp vào chỗ trống để miêu tả biểu đồ dưới đây.

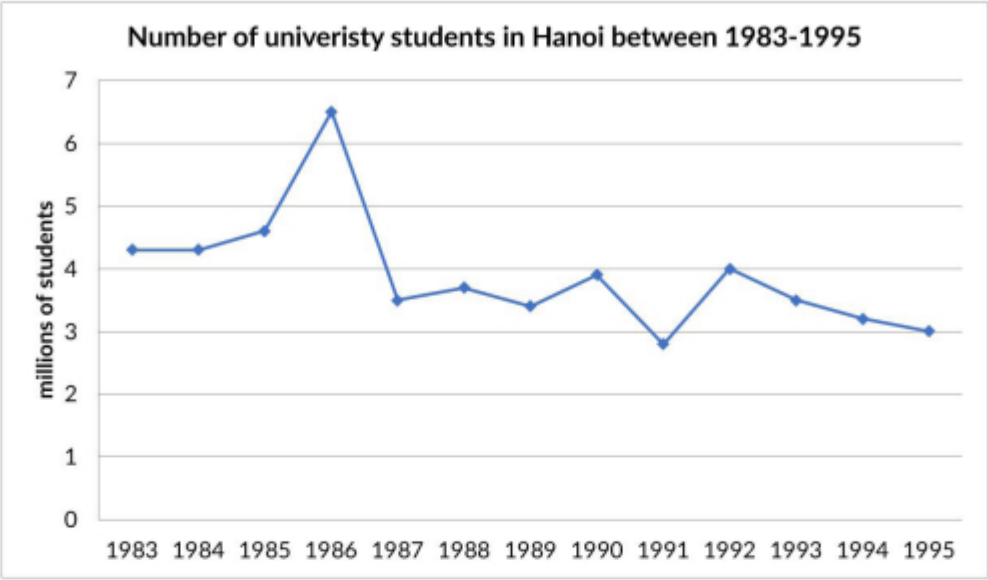

The number of students studying at university began at over 4 million in 1983 and then (1) ..... steadily to nearly 5 million in 1985. In the following year, the figure (2) ..... at 6.5 million before (3).....3.5 million in 1987. There was (4) ..... in the number of college students between 1987 and 1990, which was followed by (5)..... to a low of just under 3 million in 1991. The year 1992 (6)..... a recovery back to 4 million students, but the figure then (7)..... to 3 million by the end of the period.

Bài 3. Dựa vào biểu đồ và những gợi ý bên dưới, áp dụng các công thức trên để viết thành câu hoàn chỉnh.

The chart gives information about the percentage of overweight men and women in Australia from 1980 - 2010

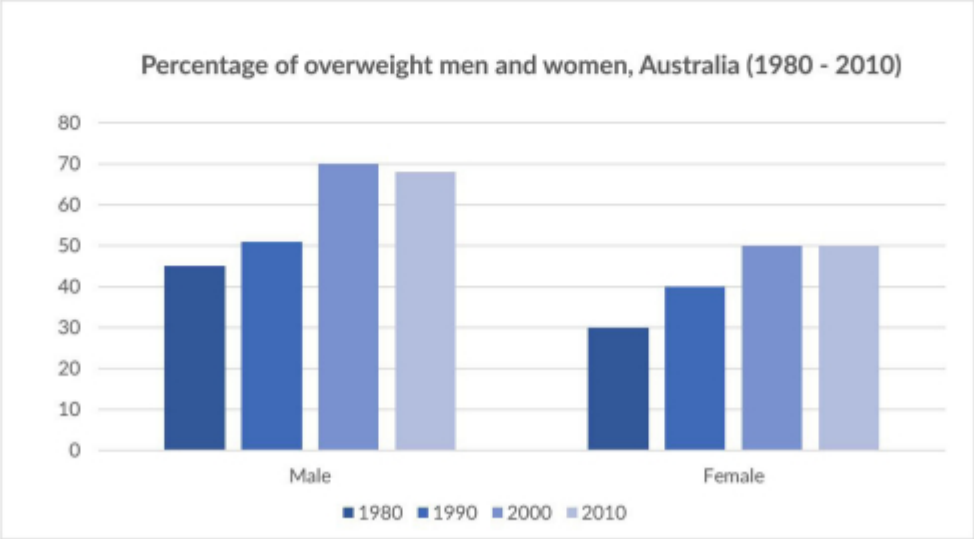

Ví dụ: mô tả số liệu của Males từ năm 1980 đến năm 1990.

Cách 1: The percentage of overweight males increased slightly to 50% in 1990.

Cách 2: A slight increase of about 2% was seen in the percentage of overweight men.

1) Mô tả số liệu của Males từ năm 2000 đến năm 2010.

Cách 1: .....

Cách 2: .....

2) Mô tả số liệu của Females từ năm 2000 đến năm 2010.

Cách 1: .....

Cách 2: .....

3) Mô tả số liệu của Females từ năm 1980 đến 2000.

Cách 1: .....

Cách 2: .....

Bài 4. Dựa vào biểu đồ và những gợi ý bên dưới, áp dụng các công thức trên để viết thành câu hoàn chỉnh.

The table below presents the food consumption per a person weekly in a European country in 1992, 2002, 2012.

Food	1992	2002	2012
Vegetables	2140	2190	2220
Meat	1148	1211	1132
Wheat	837	920	977
Bean	532	546	590
Cheese	113	125	125

Ví Dụ: Mô tả số liệu của Vegetables từ năm 1992 đến năm 2012.

Cách 1: The amount of vegetables consumed rose slightly to 2220 grams in 2012.

Cách 2: The year 2012 witnessed a slight rise to 2220 grams in the amount of vegetable consumption.

1) Mô tả số liệu của Meat từ năm 1992 đến năm 2012.

Cách 1: .....

Cách 2: .....

2) Mô tả số liệu của Cheese từ năm 2002 đến năm 2012.

Cách 1: .....

Cách 2: .....

3) Mô tả số liệu của Bean từ năm 2002 đến năm 2012.

Cách 1: .....

Cách 2: .....

Bài 5. Dựa vào biểu đồ và những gợi ý bên dưới, áp dụng các công thức trên để viết thành câu hoàn chỉnh.

The chart below shows the expenditure of two countries on the consumer goods in 2010.

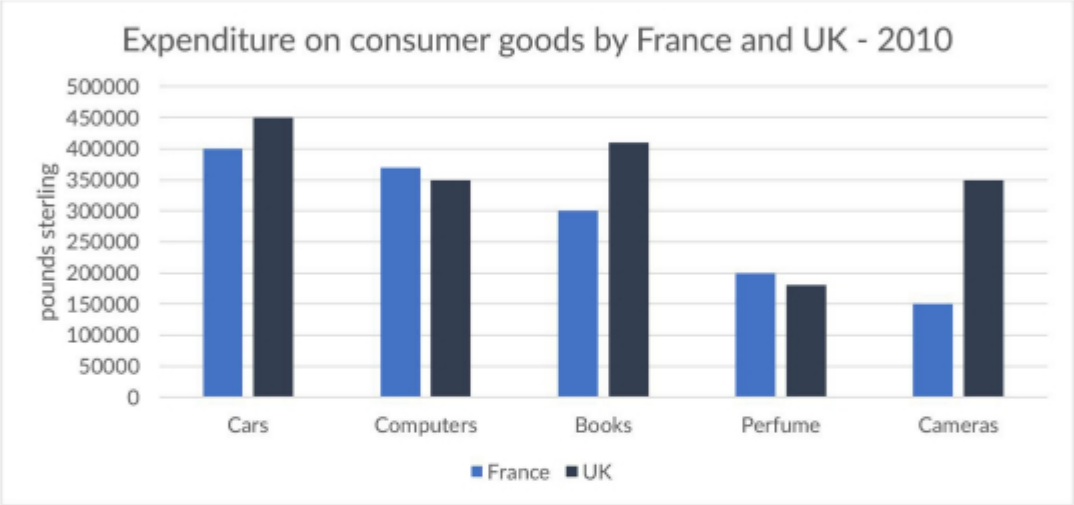

Ví Dụ: So sánh số liệu về Cars của hai nước France và UK

Cách 1: The amount of expenditure on cars in France was 400.000 pounds, compared to around 450.000 pounds in the UK.

Cách 2: There were around 450.000 pounds spent on cars in the UK, while the figure for France stood at 400.000 pounds.

1) So sánh số liệu về Computers của hai nước France và UK.

Cách 1: .....

Cách 2: .....

2) So sánh số liệu về Books của hai nước France và UK.

Cách 1: .....

Cách 2: .....

3) So sánh số liệu về Cameras của hai nước France và UK.

Cách 1: .....

Cách 2: .....

Key

Bài 1.

1. f
2. e
3. a
4. b
5. d
6. h
7. g
8. c

Bài 2.

1. increased
2. peaked
3. decreasing to
4. a fluctuation
5. a decline
6. witnessed
7. decreased gradually

Bài 3

Mô tả số liệu của Male từ năm 2000 đến năm 2010.

Cách 1: There was a slight drop of about 2% in the percentage of overwieght men in 2010.

Cách 2: The percentage of overweight males experienced a slight decline of around 2% in 2010

Mô tả số liệu của Female từ năm 2000 đến năm 2010.

Cách 1: The percentage of overweight women remained unchanged at 50% in 2010.

Cách 2: The year 2010 saw a stability in the percentage of overweight females, at 50%.

Mô tả số liệu của Female từ năm 1980 đến 2000.

Cách 1: A significant increase of 10% was witnessed in the percentage of overweight

women in 2000.

Cách 2: The percentage of overweight females experienced a considerable rise of 10% in 2010.

Bài 4

Mô tả số liệu của Meat từ năm 1992 đến năm 2012.

Cách 1: The amount of meat consumed decreased marginally to 1132 grams in 2012.

Cách 2: A marginal drop of 16 grams was seen in the amount of meat consumption in 2012.

Mô tả số liệu của Cheese từ năm 2002 đến năm 2012.

Cách 1: The amount of cheese consumed remained unchanged at 125 grams in 2012.

Cách 2: The year 2012 saw a stability in the amount of cheese consumption, at 125 grams.

Mô tả số liệu của Bean từ năm 2002 đến năm 2012.

Cách 1: A slight increase of 44 grams was witnessed in the amount of bean consumed in 2000.

Cách 2: The amount of bean consumed experienced a slight rise of 44 grams in 2010.

Bài 5

So sánh số liệu về Computers của hai nước France và UK.

Cách 1: The amount of spending on computers in France was around 370.000 pounds in comparison with about 350.000 pounds in the UK.

Cách 2: There were around 370.000 pounds spent on computers in France, whereas the figure for the UK stood at about 350.000 pounds.

So sánh số liệu về Books của hai nước France và UK.

Cách 1: Standing at just above 400.000 pounds, the amount of expenditure on books in the UK was about 100.000 higher than that in France.

Cách 2: The amount of expenditure on books in France was 300.000 pounds, as opposed to just above 400.000 pounds in the UK.

So sánh số liệu về Cameras của hai nước France và UK.

Cách 1: The amount of spending on cameras in France was around 350.000 pounds, about 200.000 pounds higher than that in the UK.

Cách 2: There were around 200.000 pounds spent on cameras in the UK, while the figure for France stood at around 350.000 pounds.

Unit

3 Cấu trúc bài viết và các bước làm bài

1. Cấu trúc bài viết

Một bài viết Task 1 thường được chia ra thành 4 phần (4 đoạn):

Mở bài	• 1 câu - Viết lại đề bài theo cách khác
Overview	• 1-2 câu - Tóm tắt một hay hai điểm đáng chú ý nhất của biểu đồ
Detail 1	• 3-4 câu - Mô tả nhóm thông tin 1
Detail 2	• 3-4 câu - Mô tả nhóm thông tin 2

Ví dụ

The chart shows the annual GDP growth rates in 3 countries from 2007 to 2010.

Bài mẫu

The chart gives data about the yearly rate of GDP growth in Tunisia, Japan and Ecuador from 2007 to 2010.

Introduction

It can be seen that the rate of GDP growth in Japan increased steadily while the figures for the other two nations experienced a decline over the period.

Overview

Looking at the chart in more detail, the Japanese yearly rate of growth in GDP experienced a gradual rise, from 2% in the year 2007 to just under 7% in 2010. Meanwhile, there was a continual decrease in Tunisia's figures throughout the period, from approximately 6% to only 3%, which was much lower than that of Japan.

Detail paragraph 1

Starting at 3% in the first year of the period, the percentage of GDP growth in Ecuador rose to over 4% the next year, followed by a significant drop to only 1% in 2009. This figure soon recovered to roughly 2% in 2010, which was the lowest among the three countries.

Detail paragraph 2

2. Các bước viết bài

3 bước viết bài miêu tả biểu đồ:

Bước 1 - Phân tích tổng quát: Đọc hiểu chủ đề và các yêu cầu cơ bản của đề bài, bao gồm: Đối tượng của biểu đồ, đơn vị tính và mốc thời gian mà số liệu được thu thập.

Bước 2 - Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin: Phân tích biểu đồ, chọn lọc các đặc điểm nổi bật và sắp xếp các đặc điểm đó vào các đoạn văn.

Bước 3 - Hoàn thiện bài viết: Viết bài dựa vào sự tổng hợp và sắp xếp thông tin ở bước 2.

Bước 1: Phân tích tổng quát

Đây là bước rất quan trọng trước khi bắt tay vào viết bài mà nhiều học sinh hay bỏ qua, dẫn đến những lỗi sai "hệ thống" cho cả bài, ví dụ về đối tượng của bài, về thì của động từ,...

Thí sinh nên dành 1-2 phút để phân tích đề bằng cách trả lời những câu hỏi sau:

- *Đối tượng (chủ ngữ) của biểu đồ là gì?*
- *Đơn vị là gì?*
- *Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?*

Ví dụ:

The chart below shows male and female fitness membership between 1970 and 2000.

Phân tích đề:

• Đối tượng (chủ ngữ) là gì?

Để xác định đúng đối tượng ứng với số liệu, căn cứ đầu tiên có thể thấy ngay ở đề bài là "male and female fitness membership". Bản thân từ "membership" mang nghĩa "số lượng thành viên" nên ta có thể viết: "Female fitness membership was 1000 in 1970"

Ngoài ra khi muốn đề cập đến số lượng của một danh từ đếm được, ta có thể dùng "the number of", vì vậy, cũng có thể viết "The number of females involved in fitness activities was 1000 in 1970."

• Đơn vị là gì?

Đơn vị ở đây là người.

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

Số liệu của biểu đồ này được ghi lại trong giai đoạn 1970-2000 → chia thì quá khứ.

Chú ý:

Phân biệt cách dùng các chủ ngữ thường gặp trong biểu đồ: ***The number of..., the amount of..., The proportion of...***

Chủ ngữ	Ví dụ sử dụng
The number of + Countable noun (plural) + V (singular): Số lượng (danh từ đếm được)	The number of students at ZIM increases by about 1000 every year.
The amount of + Uncountable noun + V (singular): Lượng (danh từ không đếm được)	The amount of electricity produced from nuclear power increased gradually to 2 million KWh.
The percentage of + Noun (countable or uncountable) + V (singular): Tỉ lệ của (danh từ đếm được hoặc không đếm được)	The percentage of electricity produced from nuclear power increased by 10% in 2010.
The proportion of + Noun (countable or uncountable) + V (singular): Tỷ trọng của (danh từ đếm được hoặc không đếm được)	The proportion of boys joining Math classes is 10% higher than that of girls.
The figure(s) for + Noun (countable or uncountable) + V (singular/plural): Số liệu cho (danh từ đếm được hoặc không đếm được)	The figure for visitors to Vietnam was 20 million in 2015. The figure for unemployment in Vietnam was over 15 thousand people in 2010.

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Bước 2.1 Viết câu mở bài

Nội dung của phần mở bài là câu trả lời cho câu hỏi: Các biểu đồ trình bày về cái gì? Hãy bắt đầu bài viết với 1 câu mở đầu bằng cách viết lại ý của câu hỏi với ngôn từ của mình (paraphrasing).

Ví dụ:

The chart shows the average number of commuters travelling each day by car, bus or train in the UK between 1970 and 2000.

Phân tích các thành phần của đề bài này để tiến hành paraphrase.

	Subject	Verb	What	Where	When
Đề bài	The chart	shows	the average number of commuters travelling each day by car, bus or train	in the UK	between 1970 and 2000.
Viết lại	The chart	illustrates	how many people commuted daily by three different means of transport	in the UK	over a period of 30 years.
		compares	figures for daily commuters by three different means of transport		from 1970 to 2000.

Mở bài hoàn thiện: ***"The chart illustrates how many people commuted daily by three different means of transport in the UK over a period of 30 years."***

Hoặc ***"The graph compares figures for daily commuters by three different means of transport in the UK from 1970 to 2000."***

Note: Tips để viết lại phần WHAT của đề bài:

Phần **"WHAT"** là đối tượng chính mà đề bài nhắc tới, và đây cũng là phần khó viết lại nhất

đối với học sinh.

Một số phương pháp thường dùng để paraphase "WHAT":

Cách paraphrase thường dùng	Ví dụ
The number of + countable noun (plural) = how many + countable noun (plural) + verb	The chart shows the number of young males and females playing sports in 2000. = The chart shows how many young men and women played sports in 2000.
The amount of + uncountable noun = how much + uncountable noun + verb	The chart illustrates the amount of electricity produced from three sources in 2010. = The chart illustrates how much electricity was produced from three sources in 2010.
The percentage of + noun (countable or uncountable) = the proportion of + noun (countable or uncountable)	The chart shows the percentage of men and women participating in soccer. = The chart illustrates the proportion of male and female participants in soccer.
The figure/figures for + N (countable or uncountable) "The figure/figures for" được dùng hầu hết trong các trường hợp. Để nói về danh từ đếm được số nhiều, danh từ không đếm được hay tỉ lệ đều dùng được "figures for"	- The chart shows the number of young males and females playing sports in 2000. = The chart shows figures for young men and women playing sports in 2000. - The chart illustrates the amount of electricity produced from three sources in 2010. = The chart illustrates figures for electricity production from three sources in 2010. - The chart shows the percentage of women participating in soccer. → The chart illustrates figures for soccer participation among females.

Bước 2.2 Xác định các ý sẽ cho vào phần Overview

• Nhìn biểu đồ, tìm ra một hay hai điểm đáng chú ý nhất của biểu đồ (xu hướng của các đường, đối tượng nào có số liệu nổi bật,...)

• Viết từ 1 – 2 câu tóm tắt lại hai đặc điểm ấy.

• Không đưa số liệu cụ thể vào phần này (để lại sẽ viết ở phần thân bài)

Ví dụ một số từ ngữ gợi ý cho việc viết câu tổng quan về đặc điểm chính của biểu đồ: "Overall, It is evident/ obvious/ apparent/ clear that..."

Chú ý:

Không dùng đại từ nhân xưng như "As you can see from the chart,..." hoặc "We can see that..."

Bước 2.3 Lựa chọn, nhóm thông tin vào 2 đoạn Detail

Đề bài của Task 1 luôn có câu ***"Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant."***

Thông tin và số liệu trong một biểu đồ thường rất nhiều, thí sinh không thể đề cập đến hết các số liệu đó mà cần "selecting and reporting the main features" – lựa chọn và báo cáo các số liệu chính, và "make comparisons where relevant" – so sánh khi cần thiết.

Nói chung, thí sinh cần lựa chọn số liệu và nhóm chúng một cách hợp lý vào 2 đoạn detail. Cách lựa chọn ý chính để viết trong Overview (bước 3) và cách chia thông tin hợp lý vào 2 đoạn detail tùy thuộc vào dạng bài và sẽ được giới thiệu chi tiết trong những Chương sau.

Bước 3: Hoàn thiện bài viết sau khi chúng ta đã có đầy đủ các thông tin cần thiết từ các bước trên.

Practice

Bài 1: Phân tích các biểu đồ sau

Biểu đồ 1. The line graph shows the percentages of 3 types of crime: car theft, house burglary & street robbery in England & Wales from 1970 to 2015.

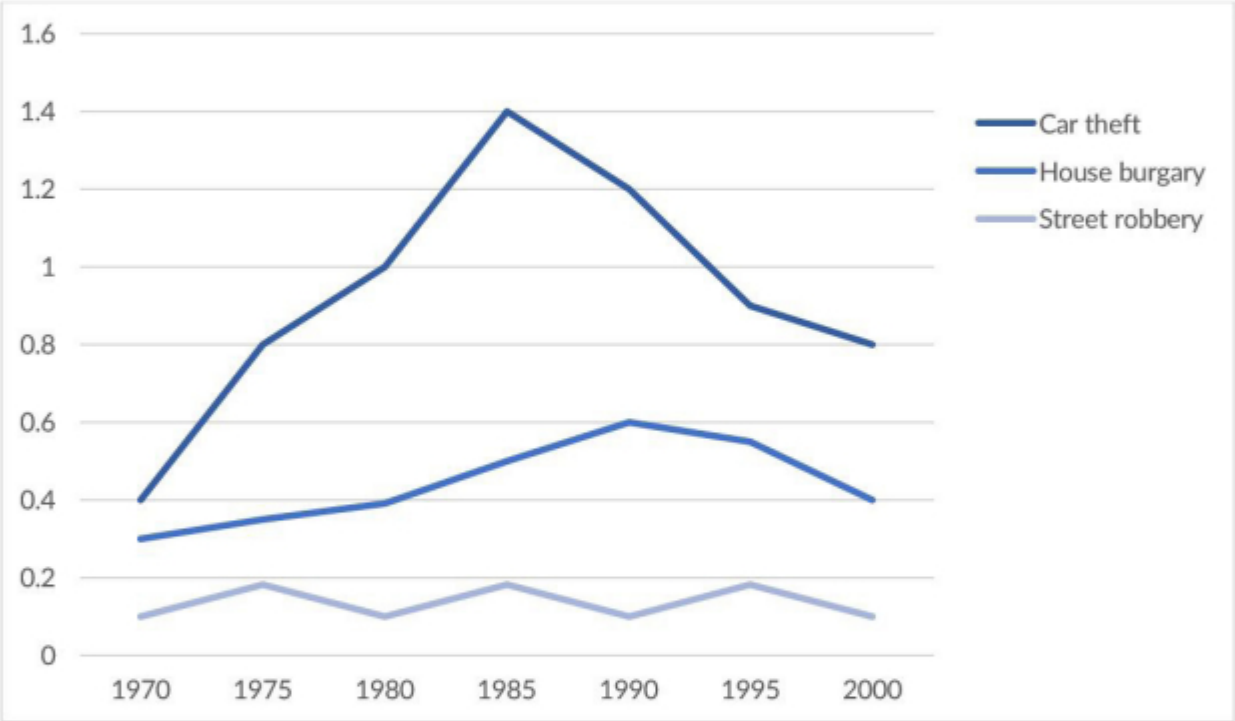

- **Đối tượng (chủ ngữ) là gì?**

.....

.....

- **Đơn vị là gì?**

.....

.....

- **Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?**

.....

.....

Biểu đồ 2. The chart below shows the number of films produced in five countries over three years.

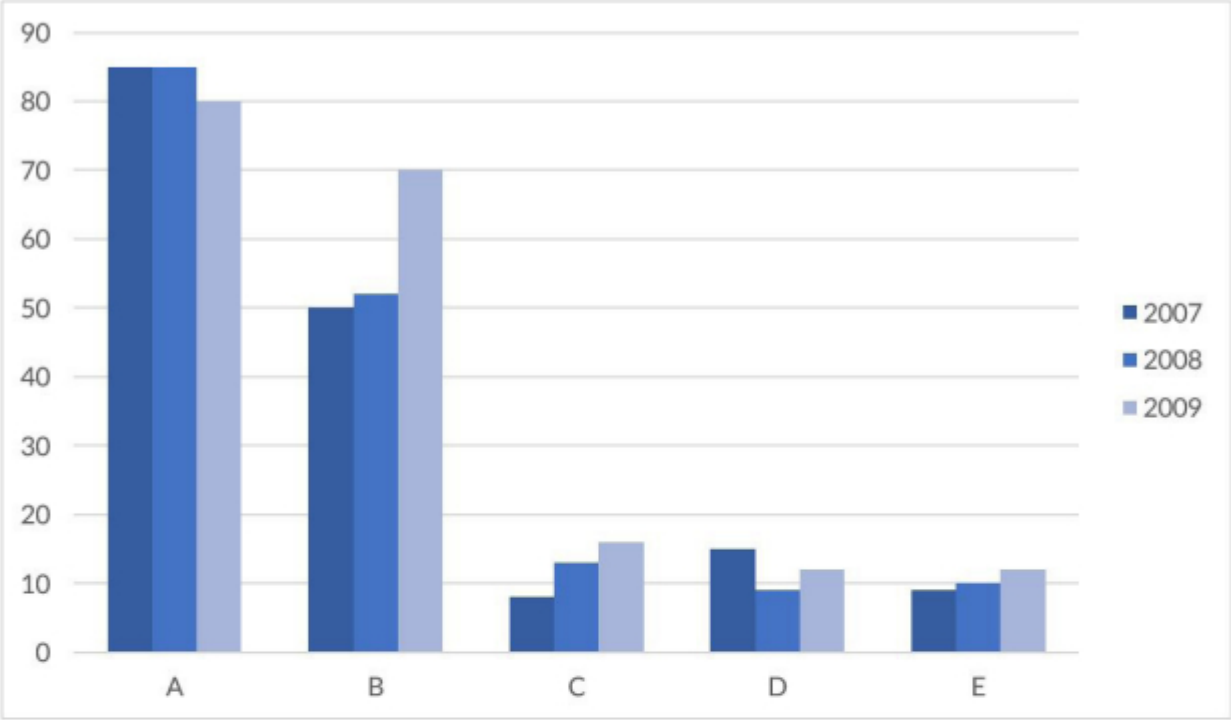

- **Đối tượng (chủ ngữ) là gì?**

.....

.....

.....

.....

- **Đơn vị là gì?**

.....

.....

- **Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?**

.....

.....

Biểu đồ 3. The chart below shows the average amount of money spent by students per week while studying abroad in 4 countries.

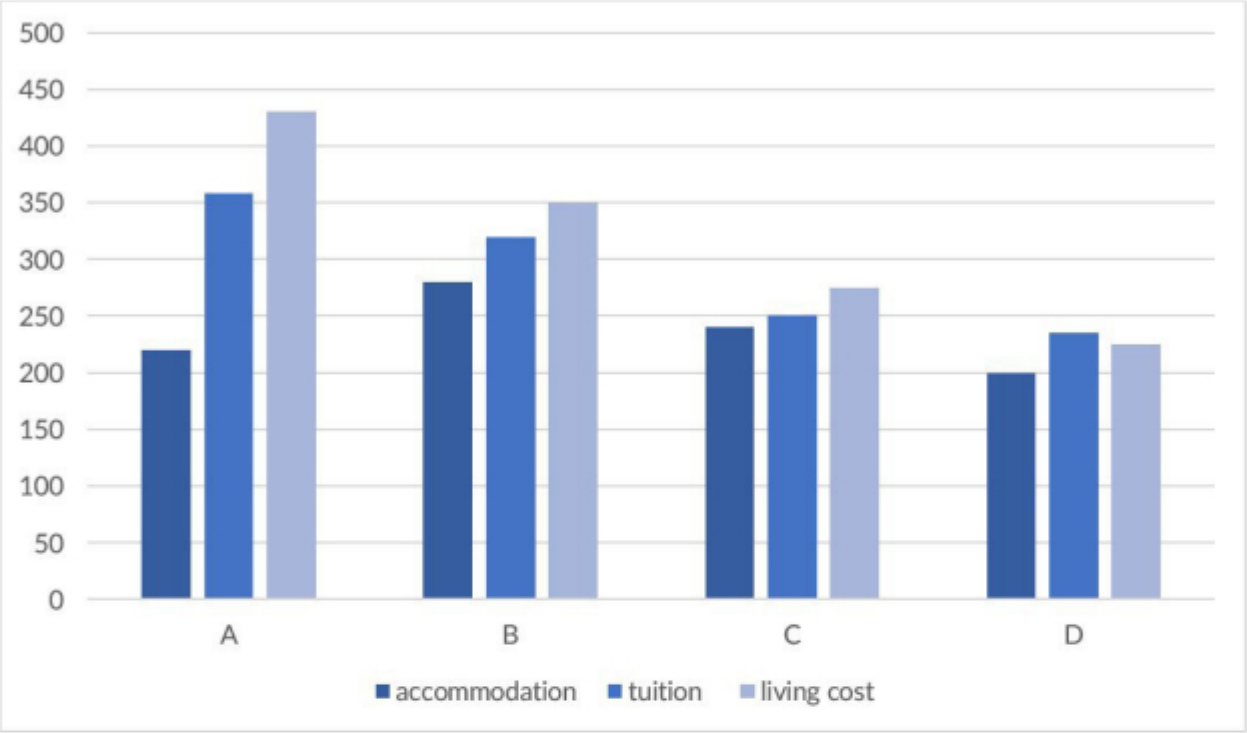

• Đối tượng (chủ ngữ) là gì?

.....

.....

.....

.....

• Đơn vị là gì?

.....

.....

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

.....

.....

Biểu đồ 4. The charts show the main methods of transport of people travelling to one university in 2004 and 2009.

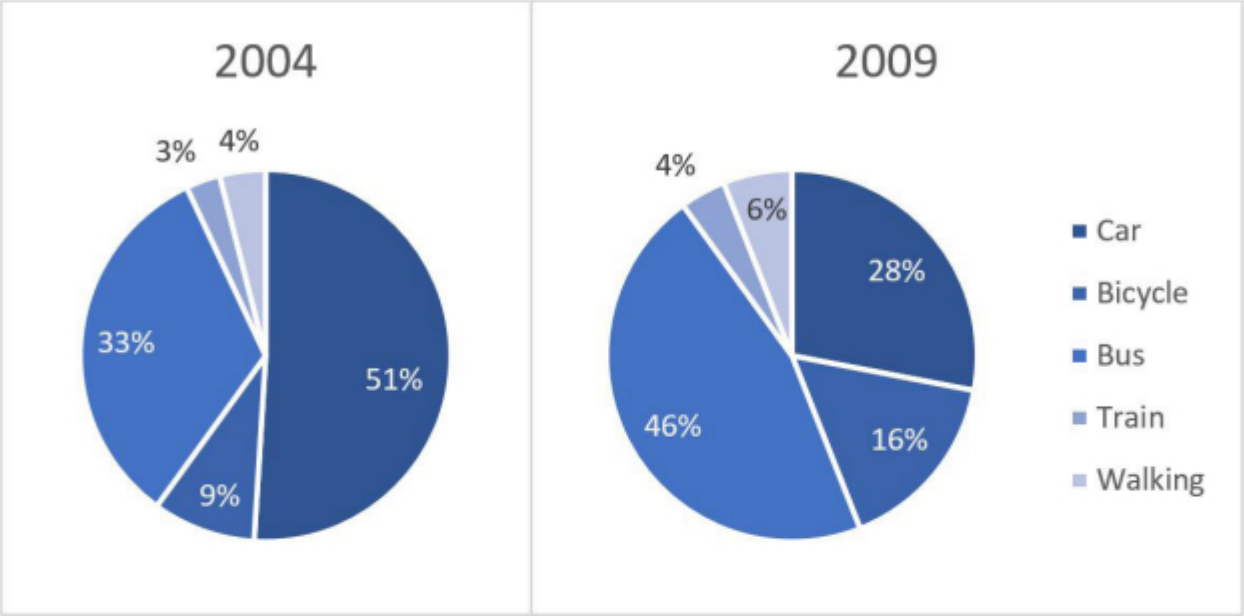

- **Đối tượng (chủ ngữ) là gì?**

.....

.....

.....

.....

- **Đơn vị là gì?**

.....

.....

- **Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?**

.....

.....

Biểu đồ 5. The charts show the main methods of transport of people travelling to one university in 2004 and 2009.

	1911	1961	2011
Total Population (Millions)	36,070,364	46,196,200	56,065,700
% People aged 15	1.86%	1.48%	1.23%
Females aged 15	335,730	333,900	333,700
Males aged 15	334,241	349,400	354,400
% People aged 75	0.23%	0.55%	0.70%
Females aged 75	47,351	254,900	210,100
Males aged 75	34,012	160,200	181,300

- **Đối tượng (chủ ngữ) là gì?**

.....

.....

- **Đơn vị là gì?**

.....

.....

- **Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?**

.....

.....

Bài 2: Viết lại các đề bài ở bài 1

1. The line graph shows the percentage of 3 types of crime: car theft, house burglary & street robbery in England & Wales from 1970 to 2015

→ .....

.....

2. The chart below shows the number of films produced in five countries over three years.

→ .....

.....

3. The chart below shows the average amount of money spent by students per week while studying abroad in 4 countries.

→ .....

.....

4. The charts show the main methods of transport of people travelling to one university in 2004 and 2009.

→ .....

.....

5. The table shows the proportion of female and male aged 15 and aged 75 from 1911 to 2001 in the UK

→ .....

.....

Key

Bài 1

Biểu đồ 1

- Đối tượng (chủ ngữ):

The percentage/proportion of car thefts/house burglaries/street robberies

= The car theft/house burglary/street robbery rate

= The figure(s) for car theft/house burglary/street robbery

- Đơn vị: Phần trăm (%)

- Mốc thời gian và thì của động từ: Quá khứ đơn

Biểu đồ 2

- Đối tượng (chủ ngữ) là gì?

The number of films produced in country A/B/C... = The figure(s) for country A/B/C...

- Đơn vị: the number of films

- Mốc thời gian và thì của động từ: Quá khứ đơn

Biểu đồ 3

- Đối tượng (chủ ngữ):

The average amount of money spent by overseas students per week in country A/B/...

= The weekly spending of overseas students in country A/B/...

= The weekly expenditure of overseas students in country A/B/...

= The figure(s) for country A/B/...

- Đơn vị: $ hoặc dollars

- Mốc thời gian và thì của động từ: Hiện tại đơn

Biểu đồ 4

- Đối tượng (chủ ngữ): The percentage/proportion of people travelling by car/bus/... to the university

- Đơn vị: Phần trăn (%)

- Mốc thờ gian và thì của động từ: Quá khứ đơn

Biểu đồ 5

- Đối tượng (chủ ngữ): The proportion of males/females aged 15/75 = The proportion/percentage of males/females at the age of 15/75 = The proportion of 15 year-old children/75-year-old people
- Đơn vị: phần trăm (%)
- Mốc thời gian và thì của động từ: Quá khứ đơn

Bài 2

1. The given line chart depicts information about the percentages of three separate types of crime (car theft, house burglary and street robbery) committed in two countries between 1970 and 20oo.

2. The bar chart provides information about movie production in five different countries (labelled A-E) from 2007 to 2009.

3. The bar chart illustrates the average expenditure per week for accommodation, tuition and living costs of students studying abroad in four countries.

4. The given pie charts compare the percentage of students using five different means of transportation (Car, Train, Bus, Bicycle, and Walking) to travel to a particular university during 2004 and 2009.

5. The table gives information about the percentages of males and females at the age of 15 and 75 in the UK during the years 1911, 1961 and 2011.

Part 1
IELTS
Writing Task 1

Chapter 2.
Chiến lược làm bài

Unit

4 Biểu đồ dạng xu hướng

Lesson 4.1: Biểu đồ đường

Ví dụ:

The graph below shows consumers' average annual expenditure on cell phone, national and international fixed-line and services in America between 2001 and 2010.

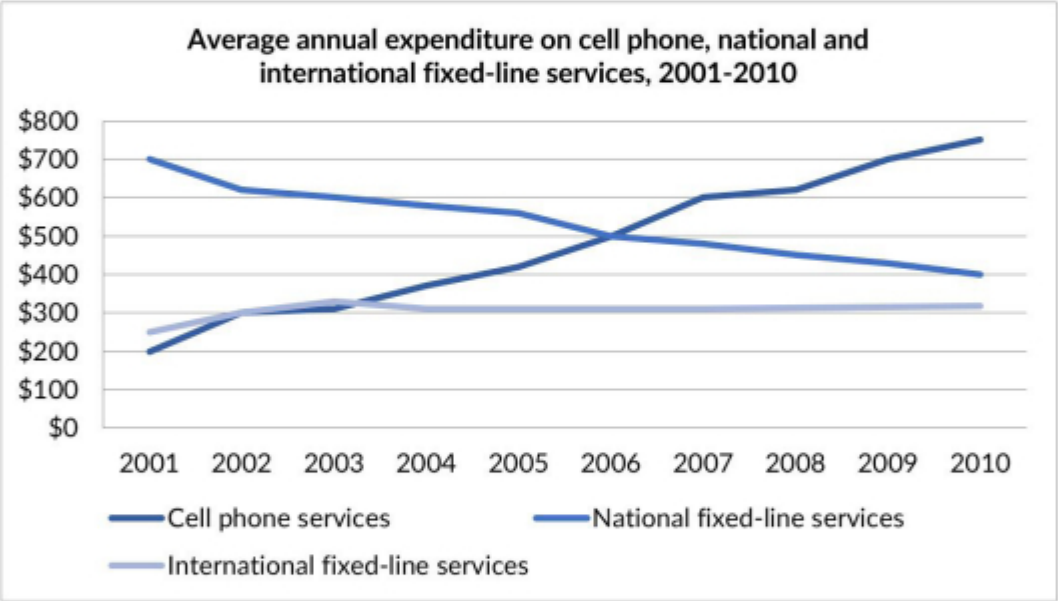

Bước 1: Phân tích tổng quát

- **Đối tượng (chủ thể) của biểu đồ là gì?** Đối tượng được đưa ra ở đây là sự chi tiêu hàng năm (lượng tiền).
- Chủ ngữ ở đây là **"The amount of money spent on cell phone services/ national-fixed-line services/ international fixed-line services"** Hoặc **"Average yearly spending/ expenditure on cell phone services/ national fixed-line services/ international fixed-line services"**
- **Đơn vị là gì?** Đơn vị được tính bằng $ - dollar
- **Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?** Khoảng thời gian trong 9 năm bắt đầu từ năm 2001. Vậy nên chúng ta sẽ dùng thì "quá khứ đơn" xuyên suốt cả bài.

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Bước 2.1: Viết lại đề bài - viết đoạn mở bài

The graph below shows consumers' average annual expenditure on cell phone, national and international fixed-line and services in America between 2001 and 2010.

→ **Introduction**

The line graph illustrates the average amount of money spent annually on mobile phone services, and, national and international landline services in the US over a period of 9 years.

Bước 2.2: Xác định ý và viết Overview (5 phút)

Tìm 1-2 đặc điểm chung của biểu đồ. Với dạng biểu đồ đường (có xu hướng), Overview đươc viết theo 2 ý sau:

● Đặc điểm về xu hướng: nhìn từ đầu năm đến cuối năm xem xu hướng của các đường là gì? Là tăng? giảm? dao động liên tục? hay giữ nguyên?

● Đặc điểm về độ lớn: tìm xem dây nào nằm cao nhất, thấp nhất, hoặc thay đổi lớn nhất

Áp dụng vào bài, ta thấy:

● *Đặc điểm về xu hướng: Một đường có xu hướng tăng (cell phone services), một đường có xu hướng giảm (national fixed-line services), một đường gần như giữ nguyên trong cả giai đoạn (international fixed-line services)*

● *Đặc điểm về độ lớn: Không có đường nào nằm cao nhất hoặc thấp nhất trong suốt quá trình, tuy nhiên có thể thấy đường international fix-lined services ở vị trí thấp nhất trong hầu hết các năm.*

Bước 2.3: Lựa chọn, nhóm thông tin và viết 2 đoạn Thân bài (10 phút)

Với dạng dưới 3 đường, cách nhóm thông tin hiệu quả đó là chia đôi quãng thời gian của biểu đồ rồi phân tích cho 2 đoạn detail, cụ thể:

Thân bài 1: So sánh các đường ở điểm đầu, xu hướng cho đến điểm giữa (2001-2006)

● Năm 2001: ta thấy số tiền lớn nhất là chi cho national fixed-line services khoảng $700, trong khi con số đó ở international fixed-line services chỉ là $250 và cell phone services chỉ $200 (lưu ý: bắt đầu Detail 1 thường là câu so sánh số liệu các đường ở năm đầu tiên)

● 5 năm tiếp theo: chi tiêu trung bình hàng năm của national fixed-line services giảm đi khoảng $200, ngược lại chi tiêu cho cell phones tăng thêm khoảng $300. Chi tiêu cho International fixed-line services dao động trong khoảng dưới $300.

Lưu ý: *Những năm 2002, 2003, 2004 số liệu không có gì nổi bật, nên chỉ cần nói luôn xu hướng cho đến năm 2006.*

Thân bài 2: Xu hướng từ điểm giữa đến điểm cuối, so sánh điểm cuối (năm 2006 – hết)

● 2006: số liệu cho national fixed-line và cell phone services bằng nhau ở mức $500.

● Từ 2006-2010: cell phone services tiếp tục tăng và đạt gần $750, trong khi national fixed-line services giảm xuống còn khoảng $400. Chi tiêu cho international fixed-line services giữ nguyên trong giai đoạn này.

Lưu ý: *Tương tự những năm 2007, 2008, 2009 số liệu không có gì nổi bật, nên chỉ cần nói luôn xu hướng cho đến năm cuối cùng, thường sẽ có so sánh ở số liệu năm cuối cùng.*

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The line graph illustrates the average amount of money spent anually on mobile phone services, and, national and international landline phone services in the US over a period of 9 years.

It is clear that while the annual spending on mobile phone services increased significantly, the opposite was true for national landline phone service expenditure. Also, the figure for international fixed-line services was lowest during the period.

In 2001, there was an average of nearly $700 spent on national landline phone services by US residents, in comparison with only around $200 each on mobile phone and international landline services. Over the next five years, the average amount spent on national fixed-line phone services fell by approximately $200. By contrast, yearly spending on cell phone services witnessed a significant increase of roughly $300. At the same time, the figure for overseas landline services fluctuated slightly below $300.

In 2006, US consumers spent the same amount of money on mobile and national fixed-line services, with just over $500 on each. From the year 2006 onwards, it can be seen that the average yearly expenditure on mobile phone services surpassed that of national fixed-line phone service expenditure and became the most common means of telecommunication. To be more specific, yearly spending on mobile phone services increased to nearly $750 in the last year, while the figure for national landline phone services decreased to about $400 by the end of the period. During the same period, there was stability in the figure for overseas phone services.

Một số cấu trúc viết nâng cao

Công thức	Ví dụ
Before/After + V-ing, S + V + adv	Eg: After declining dramatically from 2001 to 2006, the expenditure on cell phone services steadily increased.
There was a/an + adj2 + N1, followed by + a/an + adj2 + N2	Eg: There was a downward fluctuation in the amount of acid rain, followed by a steady decline.
Starting at + số liệu + năm, S + V + adv	Eg: Starting at 100 students in 2015, the number of ZIM students increased significantly to reach a peak of 400 students in 2016.
S + V + adv, V-ing, and then V	Eg: The number of households that did not use cars substantially decreased from 90 to 20 million, hitting the lowest point in 2010, but then slightly increased to 15 million during the last year.

Practice

Bài 1

The graph below shows the percentage of Australian exports to 4 countries form 1990-2012

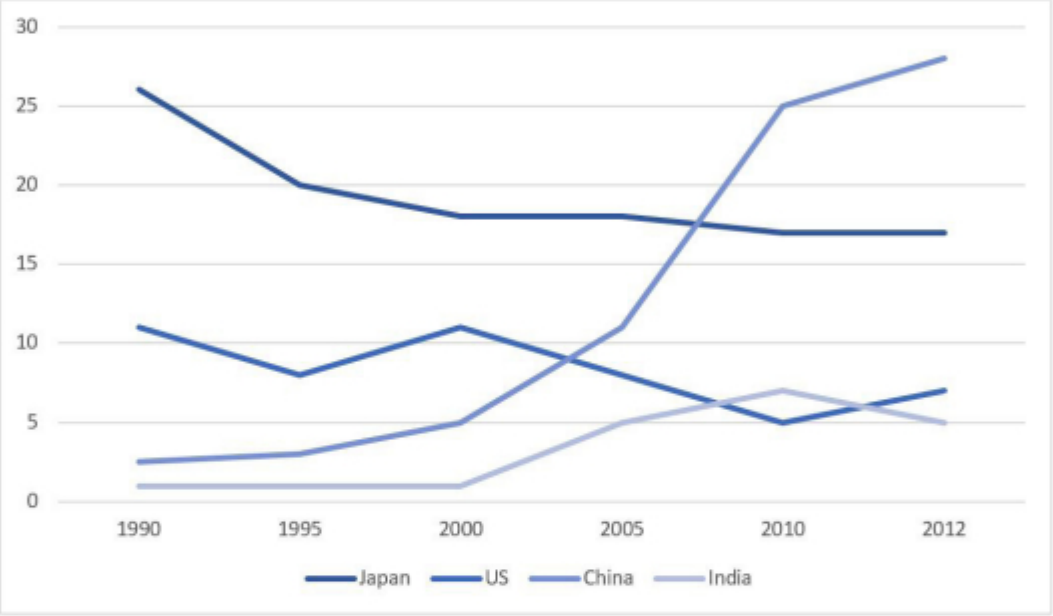

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- *Đoạn tổng quan:*

.....

.....

- *Thân bài:*

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

Bài 2

The chart below gives information about car ownership in the UK from 1975 to 2005 (percentage)

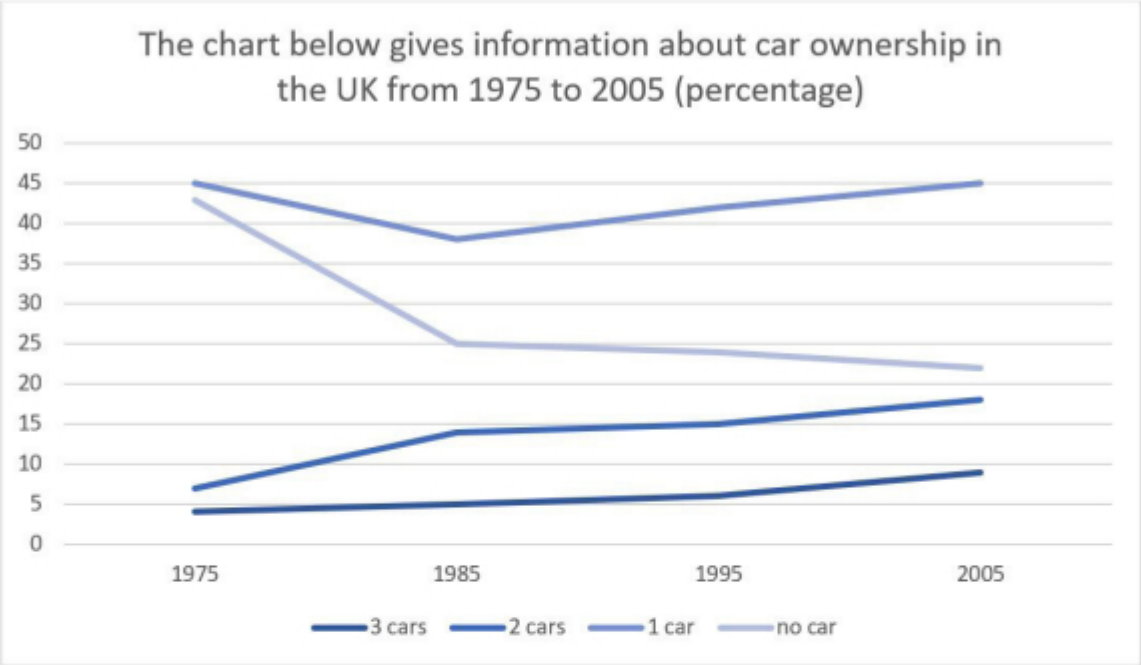

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- *Đoạn tổng quan:*

.....

.....

- *Thân bài:*

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

Key

Đáp án mang tính chất gợi ý

Bài 1

Bước 1: Phân tích tổng quát

• Chủ thể chính trong đề bài: The percentage of Australian exports

• Đơn vị đo lường: %

• Thì sử dụng: Quá khứ đơn do đề bài cho thời gian từ 1990 đến 2012

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

• Đoạn tổng quan:

Người viết có thể chỉ ra xu hướng nổi bật ở mỗi đường:

Ví dụ: "Trong khi lượng xuất khẩu từ Úc sang Trung Quốc và Ấn Độ tăng lên, lượng xuất khẩu sang 2 nước còn lại giảm xuống".

Một số cách diễn đạt khác: "Trung Quốc có lượng nhập khẩu từ Úc tăng mạnh nhất trong các nước."

• Thân bài:

Chia theo đường: Đây là cách giúp học sinh dễ tiếp cận hơn, khi nhóm các đường có điểm giống nhau hoặc đối lập nhau viết trong một đoạn. Với bài này, ta có thể chia như sau:

● Đoạn 1: Japan và China (hai đường này có xu hướng thay đổi giống nhau hơn: chỉ lên hoặc xuống).

● Đoạn 2: US và India (hai đường này có xu hướng thay đổi giống nhau: dao động lên xuống trong quá trình).

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The given line graph illustrates the proportions of Australian products exported to four countries between 1990 and 2012.

In general, while Australian exports to China and India increased over the period, the US and Japan saw a decline in products imported from Australia. In addition, China ex-

perienced the biggest increase in exports over the period, making it the biggest export market of Australia from around 2007 onwards.

In 1990, Japan was the leading export market of Australia, receiving over 25% of all exported goods. China, however, received only a mere 5%. By 2012, the percentage of exports to Japan had dropped to below 20%, while the figures for China saw a dramatic rise to almost 30%.

Meanwhile, Australia exported just over 10% of its goods to the US in 1990, which was around ten times higher than the exports to India. Over the following twenty-two years, the figures for the US fluctuated, and dropped to 5% by 2012. The percentage of exports to India, on the other hand, remained unchanged until 2000, and then increased to about 7% in 2010, before dropping slightly to roughly 5% in 2012.

Bài 2

Bước 1: Phân tích tổng quát

• Chủ thể chính trong đề bài: The percentage of car ownership in the UK
• Đơn vị đo lường: %
• Thì sử dụng: Số liệu đề bài từ năm 1975 đến 2005 nên thì cần được sử dụng là thì quá khứ.

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

• Đoạn tổng quan:
Phần trăm người dân UK có 3 xe tăng.
Phần trăm người dân UK sở hữu 1 xe chiếm nhiều nhất
• Thân bài:
Đoạn 1: Miêu tả số liệu từ năm 1975 đến năm 1985.
Đoạn 2: Miêu tả số liệu từ năm 1985 đến năm 2005.
Bước 3: Hoàn thiện bài viết

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The line graph shows how car ownership in the UK changed between 1975 and 2005.

Overall, the proportion of people who owned two or three cars rose while the figure for those who owned no car declined. Additionally, having one car was the most common situation during the period shown.

In 1975, nearly half of the UK population had one car while people with no car took up a smaller percentage, at roughly 43%. These figures both declined over the following ten years, to around 37% for people having one car and 25% for those with no car. The percentage of those who owned 2 or 3 cars was approximately 7% and 3% respectively in 1975, and both experienced increases over the next 10 years to around 13% and 5% respectively.

Over the next 20 years, the percentage of those with one car gradually rose back up to 45% whereas the percentage of those with no car continued to decline to about 22%. On the other hand, the proportion of people having 2 or 3 cars continued to rise over the following 20 years to 19% and 9% respectively.

Lesson

4.2 Các dạng biểu đồ theo xu hướng khác

1. Dạng biểu đồ cột (Bar Chart)

Phân tích ví dụ sau

The chart gives information about the percentage of overweight men and women in Austalia from 1980 to 2010.

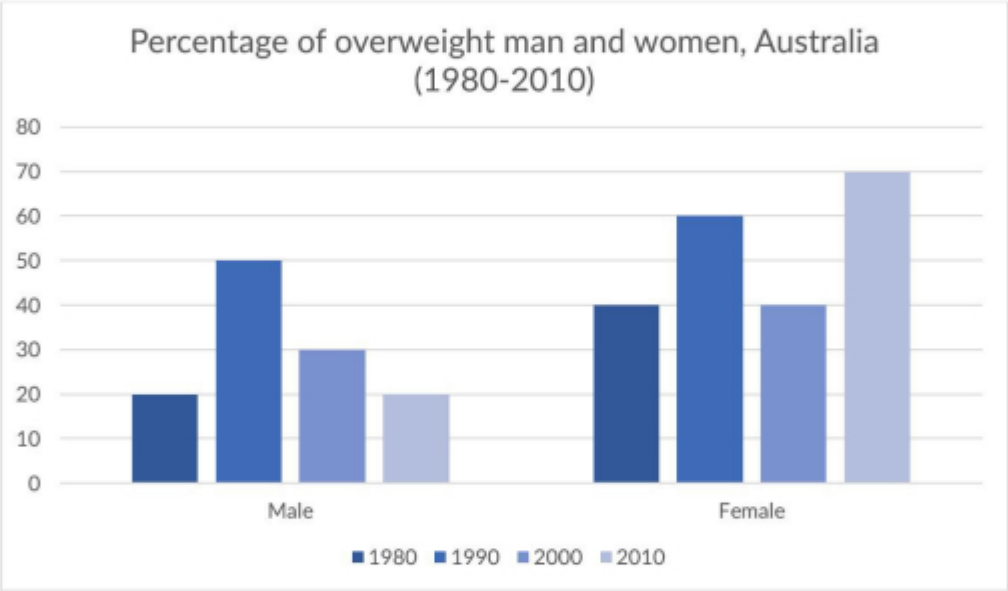

Bước 1: Phân tích tổng quát

• Đối tượng (chủ thể) của biểu đồ là gì?

The percentage of overweight men and women in Australia

• Đơn vị là gì?

Phần trăm (%)

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

Khoảng thời gian được đưa ra là vào năm 1980-2010, nên chúng ta sẽ dùng thì quá khứ đơn.

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Đoạn tổng quan:

• Đặc điểm về xu hướng: Phần trăm người thừa cân (cả nam và nữ) đều tăng.

• Đặc điểm về độ lớn: Số lượng nam thừa cân nhiều hơn cho với nữ.

Thân bài

Đoạn 1: Miêu tả & so sánh số liệu năm 1980, sau đó miêu tả và so sánh xu hướng cho tới năm 2000.

Đoạn 2: Miêu tả và so sánh xu hướng giai đoạn còn lại và số liệu năm cuối.

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The bar chart illustrates the rate of overweight adults in Australia, at the start of each decade, beginning in 1980.

Overall, it is clear that the percentage of overweight males was significantly higher than females in eachyear. Additionally, the rate of both men and women who were overweight rose over the research period.

In 1980, just under 50% of Australian men were overweight, compared to only about onethird of females, which were the lowest figures for each gender during the research period. Over the next 20 years, the rates of overweight male and female citizens in Australia both saw significant increases, with the figure for men reaching a peak of almost 70% in 2000.

From 2000 to 2010, slightly fewer men were overweight, as illustrated by a decline of roughly 3% in 2010, whereas the figure for women remained unchanged, with exactly half of Australian women being overweight in the final year.

2. Dạng biểu đồ tròn (Pie chart)

Phân tích ví dụ sau

The pie charts below show the comparison of different kinds of energy production in France in two years.

Comparison of Energy Production

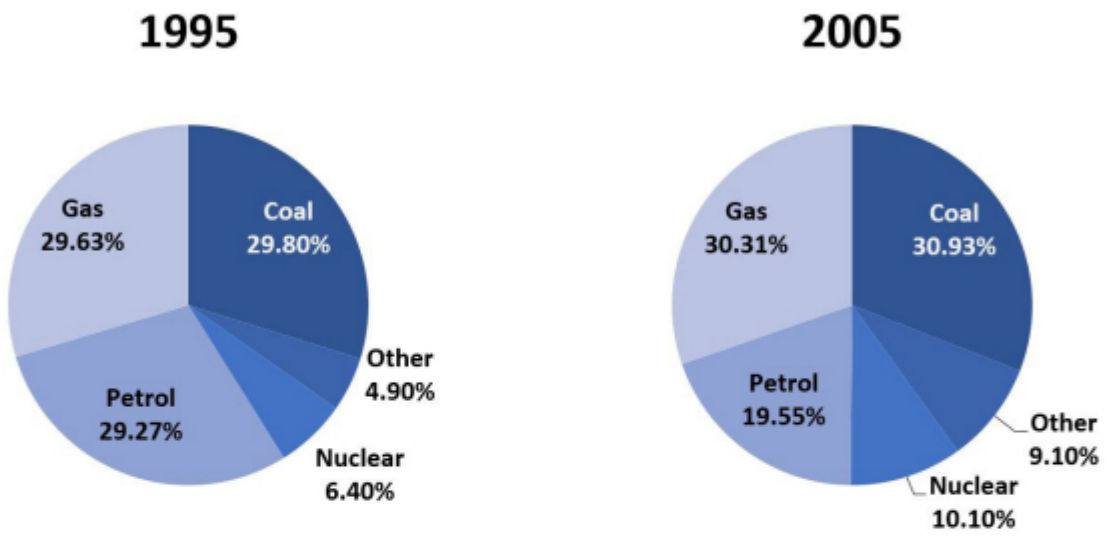

Bước 1: Phân tích tổng quát

• Đối tượng (chủ thể) của biểu đồ là gì?

Tỉ lệ năng lượng được sản xuất từ than (coal), gas và xăng (petrol),... = The proportion of energy produced by coal/gas/petrol

• Đơn vị là gì?

Đơn vị phần trăm: percent (%)

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

Khoảng thời gian từ 1995 đến 2005 → chia thì quá khứ

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Bước 2.1: Mở bài – Viết lại mở bài

The pie charts below show the comparison of different kinds of energy production in France in two years.

→ ***Mở bài hoàn chỉnh:*** *The charts compare the proportion of energy produced by different sources in France in 1995 and 2005.*

Bước 2.2: Lựa chọn thông tin và viết đoạn tổng quan

Tương tự những dạng biểu đồ theo xu hướng khác, phần Overview sẽ viết theo 2 đặc điểm tổng quan về xu hướng và về độ lớn.

● Đặc điểm về xu hướng: Tỉ lệ năng lượng sản xuất bởi Coal, Gas, Nuclear và Other tăng, còn số liệu cho Petrol giảm.

● Đặc điểm về độ lớn: Coal và Gas là 2 nguồn sản xuất năng lượng chính ở cả 2 năm.

→ ***Đoạn tổng quan hoàn chỉnh:*** *It is clear that the proportion of energy generated by petrol decreased over the period, while the figures for the other energy sources had the opposite trend. In addition, coal and gas were the most significant sources of energy in both years.*

Bước 2.3: Lựa chọn, nhóm thông tin và viết 2 đoạn thân bài

Với dạng này, chúng ta có thể chia 2 body theo 2 cách sau:

• *Cách 1: Chia theo năm*

• *Cách 2: Chia theo đối tượng*

Cách 1: Chia thông tin theo năm

Thân bài 1: so sánh các đối tượng ở năm 1995 (lần lượt nhắc đến số liệu từ lớn đến bé – Lưu ý: nếu có đối tượng là "other" thì kể cả số liệu lớn hay nhỏ cũng nên nhắc đến sau cùng)

• Tỉ lệ năng lượng được tạo ra bởi Coal là lớn nhất (29.8%), số liệu cho Gas và Petrol thấp hơn 1 chút.

• Nuclear chỉ sản xuất 6.4% trong tổng số năng lượng, số liệu cho other sources thấp nhất.

→ ***Đoạn thân bài 1 hoàn chỉnh:*** *In 1995, energy produced by coal accounted for the highest proportion, at 29.80% of the total energy production in France. The figures for gas and petrol were slightly lower, at 29.63% and 29.27% respectively. Meanwhile, only 6.40% of the total energy was generated by nuclear and the lowest figure can be seen in the percentage of energy produced by other sources, at nearly 5%.*

Thân bài 2: so sánh xu hướng các đối tượng đến năm 2005

• Tỉ lệ năng lượng được tạo ra bởi Coal tăng nhẹ và duy trì con số lớn nhất (30.93%).

• Số liệu cho Gas tăng, ngược lại số liệu cho Petrol giảm mạnh.

• Hai nhóm còn lại là Nuclear và Other đều tăng đáng kể.

→ ***Đoạn thân bài 2 hoàn chỉnh:*** *In 2005, the percentage of energy from coal rose slightly and remained the highest figure in the chart, at 30.93%. The figure for gas increased to 30.31%, while that of petrol experienced a dramatic fall of nearly 10%. There were sharp increases to 10.10% and 9.10% in the figures for nuclear and other sources respectively.*

Bài mẫu

(Toàn bộ bài viết theo cách 1 – 2 mốc thời gian)

The charts compare the proportion of energy produced by different sources in France in 1995 and 2005.

It is clear that the proportion of energy generated by petrol decreased over the period, while the figures for the other energy sources had the opposite trend. In addition, coal and gas were the most significant sources of energy in both years.

In 1995, energy produced by coal accounted for the highest proportion, at 29.80% of the total energy production in France. The figures for gas and petrol were slightly lower, at 29.63% and 29.27% respectively. Meanwhile, only 6.40% of the total energy was generated by nuclear and the lowest figure can be seen in the percentage of energy produced by other sources, at nearly 5%.

In 2005, the percentage of energy from coal rose slightly and remained the highest figure in the chart, at 30.93%. The figure for gas increased to 30.31%, while that of petrol experienced a dramatic fall of nearly 10%. There were sharp increases to 10.10% and 9.10% in the figures for nuclear and other sources respectively.

Cách 2: Chia thông tin theo đối tượng

Thân bài 1: So sánh 2 nhóm Coal và Gas (2 nhóm có số liệu lớn nhất, cùng tăng)

• Tỉ lệ năng lượng được tạo ra bởi Coal là cao nhất (29.8%) vào năm 1995 và số liệu này tăng rất nhỏ sau 10 năm

• Tương tự: số liệu cho Gas là 29.63% và tăng rất ít cho đến 2005.

→ ***Đoạn thân bài 1 hoàn chỉnh:*** *In 1995, energy produced from coal accounted for the highest proportion, at 29.80% of the total energy production in France and this figure experienced a slight increase of just over 1% to 30.9% in 2005. Similarly, in the first year, gas was responsible for generating 29.63% of energy, which rose marginally to 30.1% ten years later.*

Thân bài 2: Các nhóm còn lại

- Tỉ lệ năng lượng tạo ra bởi Nuclear và Other tăng thêm khoảng 5%
- Ngược lại số liệu cho Petrol giảm xuống còn 19.55%

→ ***Đoạn thân bài 2 hoàn chỉnh:*** *Regarding the remaining sources of energy, the proportion of energy production from nuclear power and other sources grew by approximately 5%, to just over 10% and 9% respectively. Petrol, in contrast, experienced a decrease in its figure, from 29.27% in 1995 to around a fifth in 2005.*

Bài mẫu

(Toàn bộ bài viết theo cách số 2 – theo nhóm đối tượng)

The charts compare the proportion of energy produced by different sources in France in 1995 and 2005.

It is clear that the proportion of energy generated by petrol decreased over the period, while the figures for the other energy sources had the opposite trend. In addition, coal and gas were the most significant sources of energy in both years.

In 1995, energy produced from coal accounted for the highest proportion, at 29.80% of the total energy production in France, and this figure experienced a slight increase of just over 1% to 30.9% in 2005. Similarly, in the first year, gas was responsible for generating 29.63% of energy, which rose marginally to 30.1% ten years later.

Regarding the remaining sources of energy, the proportion of energy production from nuclear power and other sources grew by approximately 5%, to just over 10% and 9% respectively. Petrol, in contrast, experienced a decrease in its figure, from 29.27% in 1995 to around a fifth in 2005.

3. Bảng số liệu (Table)

Dạng bài này được viết tương tự dạng biểu đồ đường

Phân tích ví dụ sau.

The table below shows the number of cars made in Argentina, Australia and Thailand from 2003 to 2009.

	2003	2005	2009
Argentina	235,008	352,759	466,089
Australia	452,163	341,268	245,624
Thailand	735,852	1,162,356	999,963

Bước 1: Phân tích tổng quát

• Đối tượng (chủ ngữ) của biểu đồ là gì?

Số lượng xe ô tô sản xuất tại ba nước khác nhau.

• Đơn vị là gì?

Đơn vị được tính là nghìn xe.

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

Khoảng thời gian trong 6 năm bắt đầu từ năm 2003. Vậy nên chúng ta sẽ dùng thì "quá khứ đơn" xuyên suốt cả bài.

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Bước 2.1: Mở bài - Viết lại đề bài

Bước 2.2: Xác định ý và viết đoạn tổng quan:

• Đặc điểm về xu hướng: số lượng xe ở Thái lan và Argentina tang, Australia giảm.

• Đặc điểm về độ lớn: Thailand sản xuất nhiều nhất ô tô trong khoảng thời gian này.

Bước 2.3: Lựa chọn, nhóm thông tin và viết 2 đoạn Detail (10 phút)

Thân bài 1: Năm đầu tiên

Phân tích:

• Trong năm 2000, 735,852 cars được sản xuất tại Thái Lan, nhiều hơn so với Australia với khoảng 450,000 xe. Số liệu cho argentina, chỉ bằng 1/3 số liệu cho thái lan và bằng một

nửa số liệu của Australia với 235,088 xe.

Thân bài 2: Xu hướng thay đổi, so sánh số liệu điểm cuối.

• Thailand vẫn giữ vị trí số 1. Số lượng ô tô sản xuất tang mạnh đến 1,162,356 vào năm 2005 trước khi giảm xuống khoảng 1 triệu vào năm 2009.

• Cũng như vậy, số lượng xe ở Argentina tăng trong cả quá trình lên tới 466,089 xe, - trở thành nhà sản xuất xe lớn nhất.

• Số liệu cho Australia, trải nhiệm xu hướng giảm trong cả quá trình, xuống dưới 250,000 xe vào cuối năm

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The table provides information about car production in three different countries over a period of 6 years, starting from 2003.

It is clear that Thailand produced the largest number of cars over the period. Also, while the number of cars manufactured in Thailand and Argentina increased, the opposite was true for Australia.

In 2003, 735852 cars were produced in Thailand, significantly more than in the Australia, with just over 450000 cars. The figure for Argentina, however, was only about a third of the figure for Thailand and half that of Australia, at 235088.

Over the following six years, Thailand was still in the highest position in car manufacturing among the three countries. Their car production soared to 1162356 cars in 2005 before dropping to approximately 1000000 in 2009. Likewise, the number of cars manufactured in Argentina increased throughout the period to 466089 cars, which made them become the second biggest car manufacturer in the last year. The figure for Australia, however, experienced a downward trend over the period, decreasing to just under 250000 cars by the end of the period.

Practice

Bài 1

The chart shows the employment status of adults in the US in 2003 and 2013

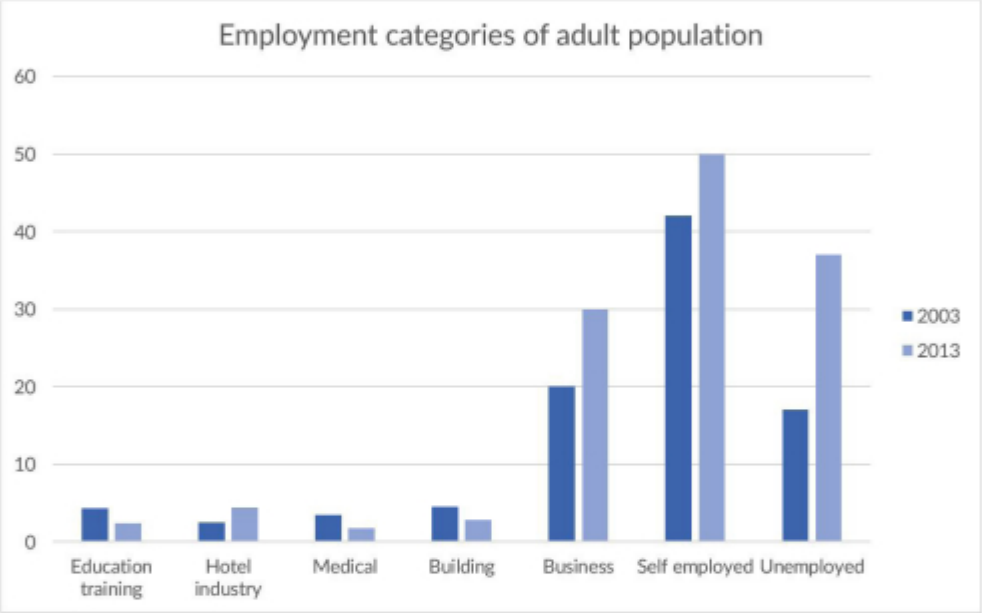

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

• *Đoạn tổng quan:*

.....

.....

• *Thân bài:*

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

Bài 2

The charts show the main methods of transport of people travelling to one university in 2004 and 2009.

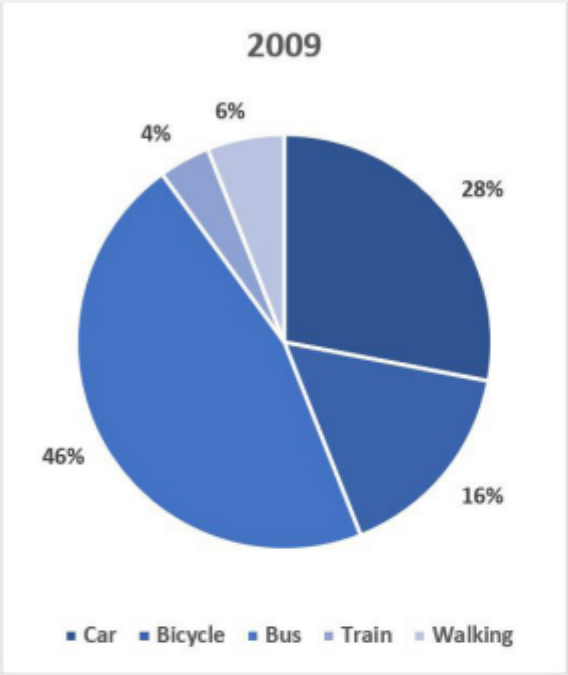

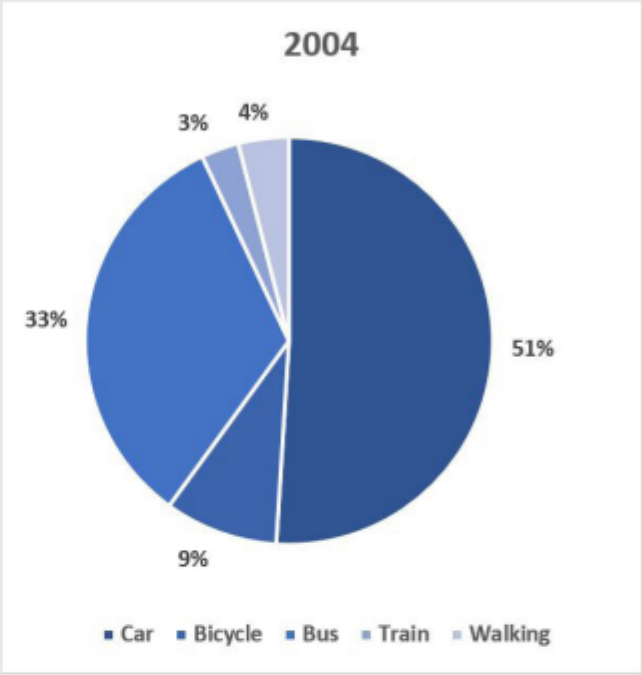

* car parking charges in the university 2006

** new bus stop in the university in 2008

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- *Đoạn tổng quan:*

.....

.....

- *Thân bài:*

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

Bài 3

The charts below show the percentage of volunteers by organizations in 2008 and 2014.

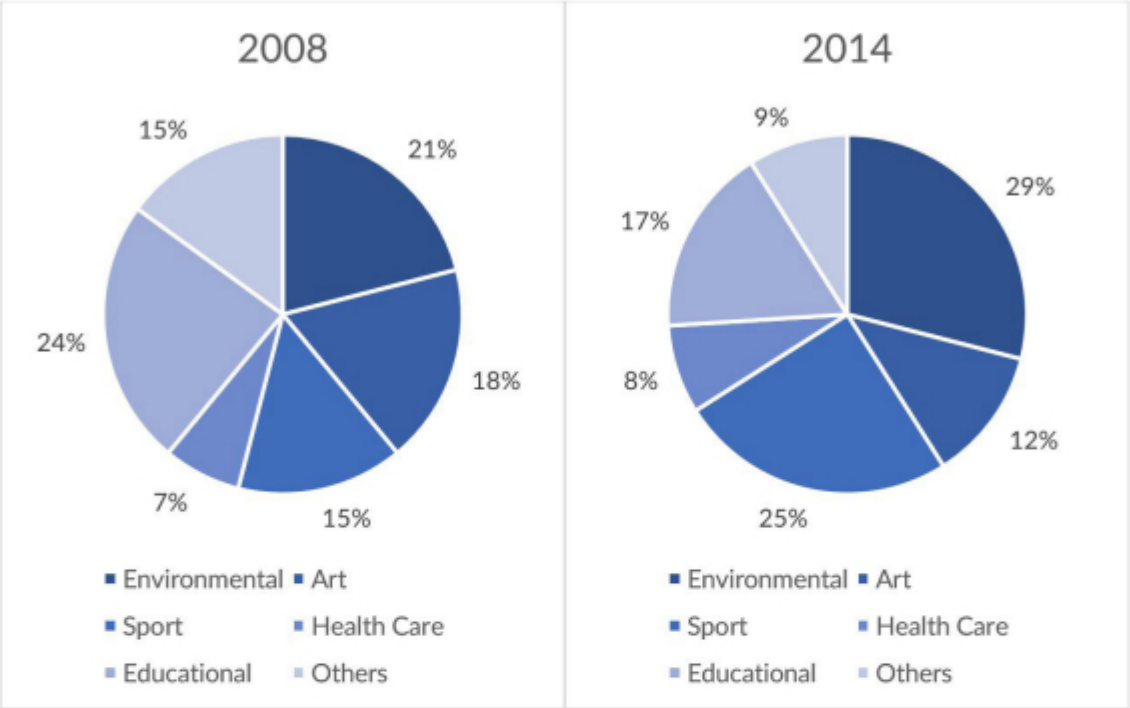

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

• *Đoạn tổng quan:*

.....

.....

• *Thân bài:*

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

Bài 4

The table below presents the food consumption per a person weekly in a European country in 1992, 2002 and 2012.

Food	1992	2002	2012
Vegetables (grams)	2140	2190	2220
Meat	1148	1211	1132
Wheat	837	920	977
Bean	532	546	590
Cheese	113	125	125

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

• *Đoạn tổng quan:*

.....

.....

.....

.....

• *Thân bài:*

.....

.....

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

Key

Bài 1.

Bước 1: Phân tích tổng quát:

• Đối tượng (chủ thể) của biểu đồ là gì?

The employment status of adults.

• Đơn vị là gì?

Phần trăm (percentage).

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

Từ năm 2003 đến năm 2013, thì quá khứ.

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Mở bài: Viết lại thông tin ở phần mở bài

Tổng quan:

• Đặc điểm về xu hướng: Phần trăm của nhóm Education training, hotel industry, building, self-employed tăng, trong khi đó phần trăm của các nhóm medical, unemployed business giảm.

• Đặc điểm về độ lớn: Trong cả hai năm, phần trăm của những người làm kinh doanh (business) đều cao nhất.

Thân bài: Nhóm thông tin vào 2 đoạn thân bài

• **Thân bài 1:** *Miêu tả các nhóm có số liệu tăng*

• **Thân bài 2:** *Miêu tả các nhóm có số liệu giảm*

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The given bar chart illustrates the percentage of American adults in different fields of employment from 2003 to 2013.

In general, it can be seen that there were increases in the percentages of people working in education training, the hotel industry, the building industry, and the self-employment sector, while the medical, and business sectors saw decreases over this ten-year period.

The unemployment rate also significantly dropped during this time. In 2003, approximately 8%, 3%, and 10% of American adults were employed in education training, the hotel industry, and building respectively. The figures for these fields all rose to around 20% over the following ten years. Additionally, the percentage of selfemployed people almost tripled, from around 10% to just over 30% during the period. In 2013, around a quarter of the American working population chose to run their own businesses, which had seen a two-fold decrease from 2003. Similarly, percentages of those in the medical industry also dropped by half, from 20% to 10%, over the period.

Bài 2.

Bước 1: Phân tích tổng quát

• Đối tượng (chủ ngữ) của biểu đồ là gì?

Nhìn vào đề bài, ta có thể thấy đối tượng được đưa ra ở đây là "Tỉ lệ NGƯỜI đi đến 1 trường đại học bằng ô tô/xe đạp/..."

• Đơn vị là gì?

Đơn vị: phần trăm (%).

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

Mốc thời gian 2 năm 2004 và 2009. Vậy nên chúng ta sẽ dùng thì "quá khứ đơn" xuyên suốt cả bài.

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Mở bài - Viết lại đề bài

Xác định ý và viết đoạn tổng quan

• Đặc điểm về xu hướng : tỉ lệ người đi bằng car giảm mạnh, trong khi các phương tiện khác trở nên phổ biến hơn, đặc biệt là bus

• Đặc điểm về độ lớn: tỉ lệ người dùng train là ít nhất trong cả 2 năm

Lựa chọn, nhóm thông tin và viết 2 đoạn Detail

Cách 1: Chia theo thời gian

Đoạn thân bài 1 - so sánh các đối tượng ở năm 2004

• Năm 2004: Hơn 1 nửa số người đi đến trường bằng ô tô, trong khi khoảng 1/3 đi bằng bus.

• Tỉ lệ người chọn xe đạp, đi bộ hay tàu ở mức thấp (9%, 4%, 3%)

Đoạn thân bài 2 - so sánh các đối tượng từ 2004-2009 (lưu ý ở đây có 2 mốc thời gi***an 2006: thu phí đỗ ô tô và 2008: thêm điểm dừng bus ở trường)***

• Năm 2008: 1 bus stop mới được xây, vì thế số lượng người đi bằng bus tăng mạnh. Ngược lại, do có thêm phí đỗ xe ô tô nên số lượng người đi bằng ô tô giảm mạnh xuống 28%.

• Đồng thời, số người đi xe đạp, tàu và đi bộ tăng nhẹ (cụ thể số liệu)

Cách 2: Chia theo đối tượng

Đoạn thân bài 1 - so sánh Car và Bus (2 đối tượng có số liệu lớn và xu hướng trái ngược nhau)

• Năm 2004: Hơn 1 nửa số người đi đến trường bằng ô tô, trong khi khoảng 1/3 đi bằng bus.

• Năm 2008: 1 bus stop mới được xây, vì thế số lượng người đi bằng bus tăng mạnh. Ngược lại, do có thêm phí đỗ xe ô tô nên số lượng người đi bằng ô tô giảm mạnh xuống 28%.

Đoạn thân bài 2 - so sánh các đối tượng còn lại

• Năm 2004: Tỉ lệ người chọn xe đạp, đi bộ hay tàu ở mức thấp (9%, 4%, 3%)

• Năm 2008: số người đi xe đạp, tàu và đi bộ tăng nhẹ (cụ thể số liệu)

Chọn 1 trong 2 cách để viết 2 đoạn thân bài

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The pie charts detail the proportions of different forms of transport (car, bicycle, bus, train, walking) used by students to travel to a specific university in 2004 and 2009.

Overall, it can be seen that while the use of private cars significantly decreased over the five-year period, the usage of buses, bicycles, trains and walking all experienced an increase.

In 2004, 51% of students drove cars to the university campus, however, this figure dropped dramatically to 28% in 2009. This was probably due to car parking fees introduced in 2006. In contrast, the number of students who travelled to university by bus increased from 33% to 46% over the five-year period. This increase may be a consequence of a new bus stop which was added in 2008.

The percentage of students' who either walked, rode a bicycle or caught a train to university also increased between 2004 and 2009, from 4%, 9% and 3% to 6%, 16% and 4% respectively.

Bài 3.

Bước 1: Phân tích tổng quát:

• Đối tượng (chủ ngữ) của biểu đồ là gì?

Phần trăm những người tham gia tình nguyện (The percentage of volunteers).

• Đơn vị là gì?

Phần trăm (Percentage).

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

Từ năm 2008 đến năm 2014, thì quá khứ đơn.

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Viết tổng quan:

• Đặc điểm về xu hướng: Phần trăm của các nhóm Environment, sport, healthcare tăng, trong khi đó phần trăm của Others, art, educational giảm.

• Đặc điểm về độ lớn: Trong năm đầu tiên, phần trăm của những người làm tình nguyện ở các tổ chức giáo dục là lớn nhất, nhưng trong năm 2014, thì số liệu của nhóm environment là lớn nhất.

Nhóm thông tin vào 2 đoạn Thân bài

• Thân bài 1: Miêu tả các nhóm có số liệu tăng

• Thân bài 2: Miêu tả các nhóm có số liệu giảm

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The pie charts show the proportions of people volunteering in various kinds of organisations, in 2008 and 2014.

It is clear that while volunteer participation in environmental, sport, and health care organisations increased, the opposite was true for other types of organisations. Additionally, the percentages of health care volunteers were by far the lowest during the two years.

In 2008, volunteering in educational organisations was the most common choice, accounting for nearly a quarter of all volunteers, while 21% and 18% of volunteers took part in environmental and art projects respectively. 15% of volunteers worked in sports organisations, and another 15% in other organisations, while only 6% volunteered in health care.

In 2014, significantly more volunteers worked in environmental and sport organizations compared with the other fields, at 29% and 25% respectively. Meanwhile, the figures for art and other volunteers both fell by 6%. There was also a slight fall in volunteers in educational organizations, at 17%, while volunteering in health care was still the least preferred option, at only 8%.

Bài 4.

Bước 1: Phân tích tổng quát:

• Đối tượng (chủ ngữ) của biểu đồ là gì?

Sự tiêu thụ thức ăn (food consumption).

• Đơn vị là gì?

Gram.

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

Từ năm 1992 tới năm 2012.

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Đoạn tổng quan

• Đặc điểm về xu hướng: số liệu của nhóm Meat (thịt) giảm, trong khi đó số liệu của tất cả các nhóm còn lại tăng.

• Đặc điểm về độ lớn: lượng tiêu thụ của rau luôn luôn cao nhất

Thân bài

• Thân bài 1: Mô tả số liệu của nhóm rau và thịt.

• Thân bài 2: Mô tả số liệu của các nhóm còn lại.

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The table provides information about the weekly food consumption of people in a particular European country in three years (1992, 2002, and 2012).

Overall, vegetables made up the largest part of people's diets in all three years, while cheese made up the smallest portion of people's food intake. It is also notable that the trends remained the same over the three given years.

The consumption of vestables and meat was the highest in people's diets in 1992, at 2140 grams and 1148 grams respectively. The amount of vegetables people consumed rose slightly over the years to reach 2220 grams in 2012. There was a small increase of more than 60 grams in the amount of meat in 2002; however, the figure dropped back to 1132 grams in 2012.

Wheat, beans, and cheese made up the rest of people's diets, at 837 grams, 532 grams, and 113 grams respectively in 1992. These figures all grew over the next twenty years to reach 977 grams, 590 grams, and 125 grams respectively in 2012.

Unit

5 Biểu đồ dạng so sánh

Lesson 5.1: Biểu đồ cột (Bar Chart)

Phân tích ví dụ sau

The chart below shows information about students studying in six main subjects at a US university in 2010.

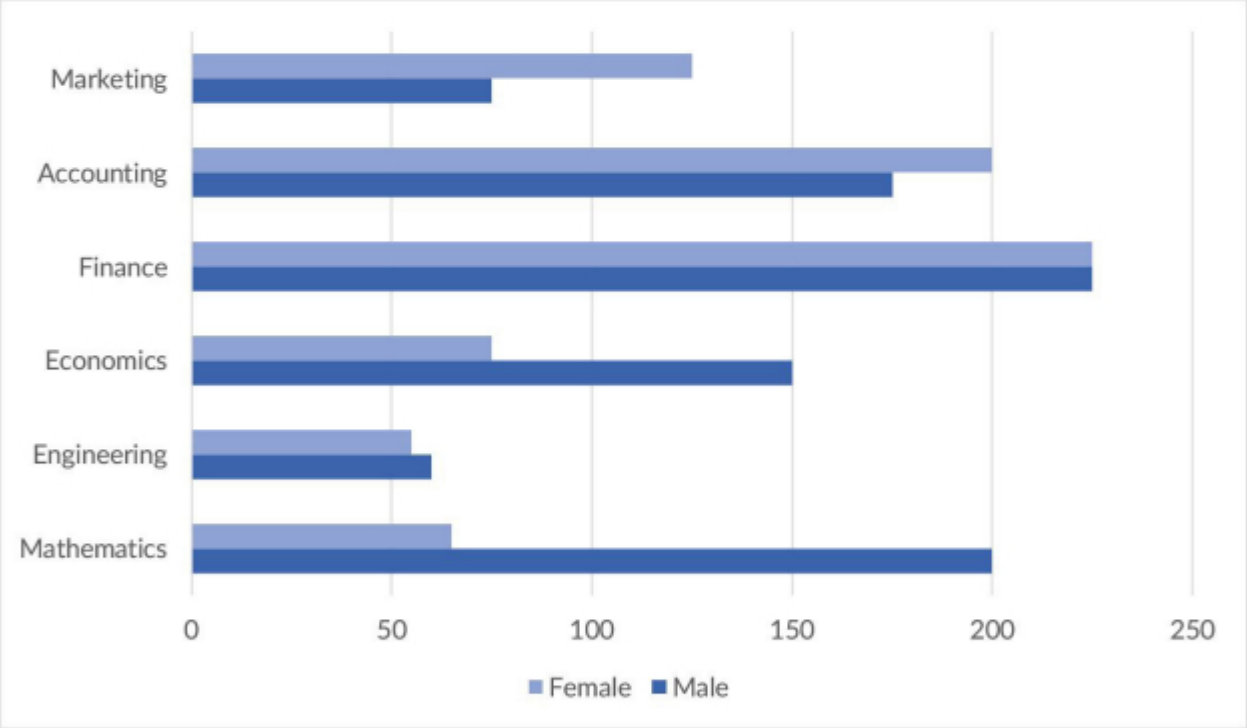

Bước 1: Phân tích tổng quát

Các thông tin cơ bản cần phải chú ý:

• Chủ thể chính trong đề bài:

The number of female/male students studying + name of subject.

• Đơn vị là gì?

Số lượng người.

• **Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?**

Khoảng thời gian tại năm 2010. Do đó, chúng ta sẽ dùng thì "quá khứ đơn" xuyên suốt cả bài.

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Đoạn tổng quát:

Với dạng bài không có sự thay đổi thời gian như này, chúng ta sẽ không có đặc điểm về xu hướng. Thay vào đó, chúng ta sẽ quan sát đặc điểm về giá trị.

Các thông tin giá trị cần phải chú ý:

• Nhóm có gía trị cao nhất.

• Nhóm có gía trị thấp nhất.

• Nhóm có sự chênh lệch lớn nhất giữa các giá trị.

Với biểu đồ đã cho, các thông tin lưu ý bao gồm:

• Ngành Finance là ngành được chọn nhiều nhất bởi cả hai giới tính.

• Ngành Engineering là ngành được chọn ít nhất.

• Ngành có số lượng học sinh nam và nữ chênh lệch nhiều nhất là Mathematics.

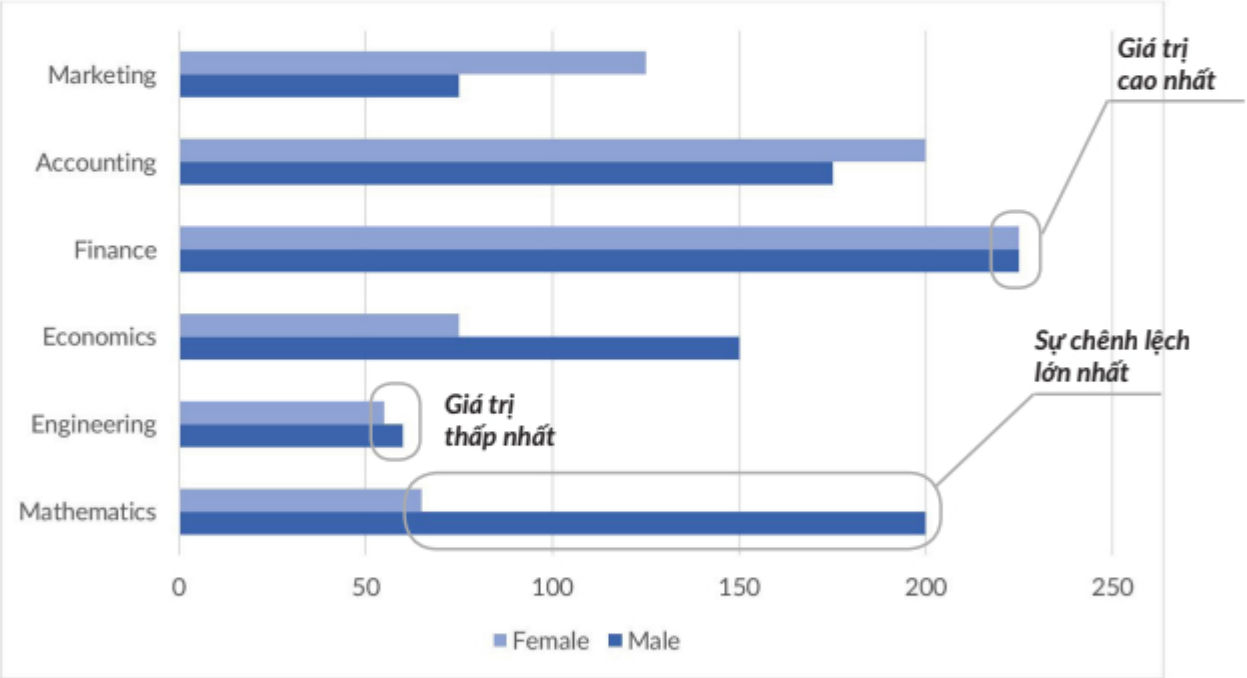

Phần thân bài:

Với dạng bài so sánh 2 đối tượng (X và Y), chúng ta sẽ chia 2 body theo tiêu chí sau:

Thân bài 1: Phân tích các môn học mà số lượng học sinh nữ (female students) lớn hơn hoặc bằng số lượng học sinh nam (male students).

• Finance thu hút số lượng học sinh nam và nữ giống nhau ~ 230 học sinh mỗi giới tính.

• Accounting có số lượng học sinh thấp hơn chút ít: 200 nữ, 170 nam

• Ngành Marketing chứng kiến số lượng học sinh nữ nhiều hơn nam 40 học viên.

Thân bài 2: Phân tích các môn học mà số lượng học sinh nữ (female students) nhỏ hơn số lượng học sinh nam (male students).

• Có 200 học sinh tham gia ngành Mathematics, con số đối nghịch với 60 học sinh nữ.

• Ngành Engineering chỉ có khoảng hơn 50 học sinh theo học

• Số lượng học sinh nam theo học Economics khoảng 150 học sinh, gấp đôi số lượng học sinh nữ (75)

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The bar chart illustrates the number of male and female students selecting six major subjects in a US college in the year 2010

It is clear that Finance was the most popular area of qualification among both sexes in 2010, while the opposite was true for Engineering. In addition, the biggest difference was in the number of males and females enrolled in Mathematics.

As can be seen from the chart, a finance course had an equal number of males and females with approximately 230 students. The number of males and females who studied Accounting was relatively lower, with 170 and 200 students respectively. Similarly, the number of female students who chose Marketing as their major (about 120 students) was also higher than that of males (about 80 students).

Looking at the chart in more detail, the second most popular subject among males was Mathematics, with 200 students, whereas the number of females who chose this subject was significantly lower at almost 60 students. In addition, the figure for male economics students was 150, almost twice as much as female economics students.

Practice

Bài 1

The chart below shows the percentage of male and female teachers in six different types of educational setting in the UK in 2010.

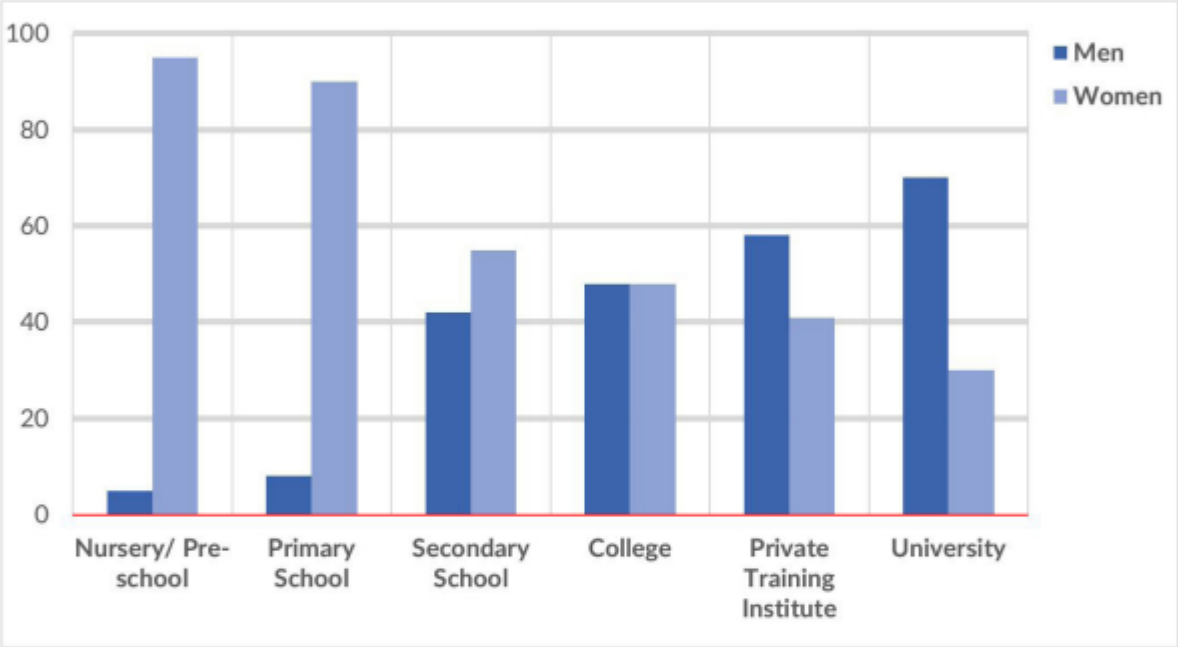

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- **Đoạn tổng quan:**

.....

.....

- **Thân bài:**

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

Bài 2

The bar chart shows the average size class in primary schools and lower secondary schools in 6 countries compared to the world average in 2006.

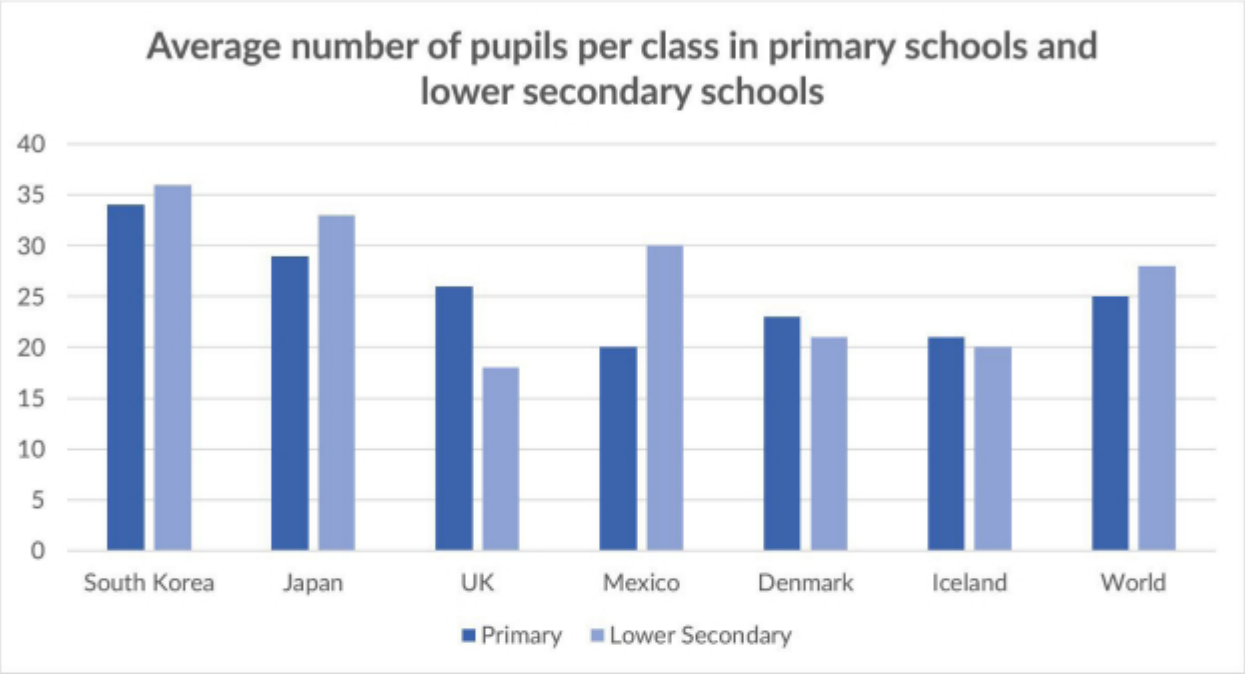

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- **Đoạn tổng quan:**

.....

.....

- **Thân bài:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

Key

Bài 1

Bước 1: Phân tích tổng quan đề bài:

• Đối tượng (chủ ngữ) của biểu đồ là gì?

Phần trăm giáo viên nam và nữ tại 6 hệ thống trường khác nhau.

• Đơn vị là gì?

Đơn vị được tính bằng %.

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

Khoảng thời gian tại năm 2010. Vậy nên chúng ta sẽ dùng thì "quá khứ đơn" xuyên suốt cả bài.

Bước 2: Lựa chọn và sắp xếp thông tin

Mở bài – Viết lại đề bài

Đoạn tổng quan:

Các thông tin nổi bật cần chú ý:

• Đặc điểm về giá trị lớn nhất: pre-school giáo viên nữ và university giáo viên nam

• Đặc điểm về giá trị chênh lệch nhiều nhất: pre-school

• Bậc học càng cao, thì phần trăm của giáo viên nam sẽ càng tăng. Ngược lại, phần trăm của nữ giảm theo bậc học.

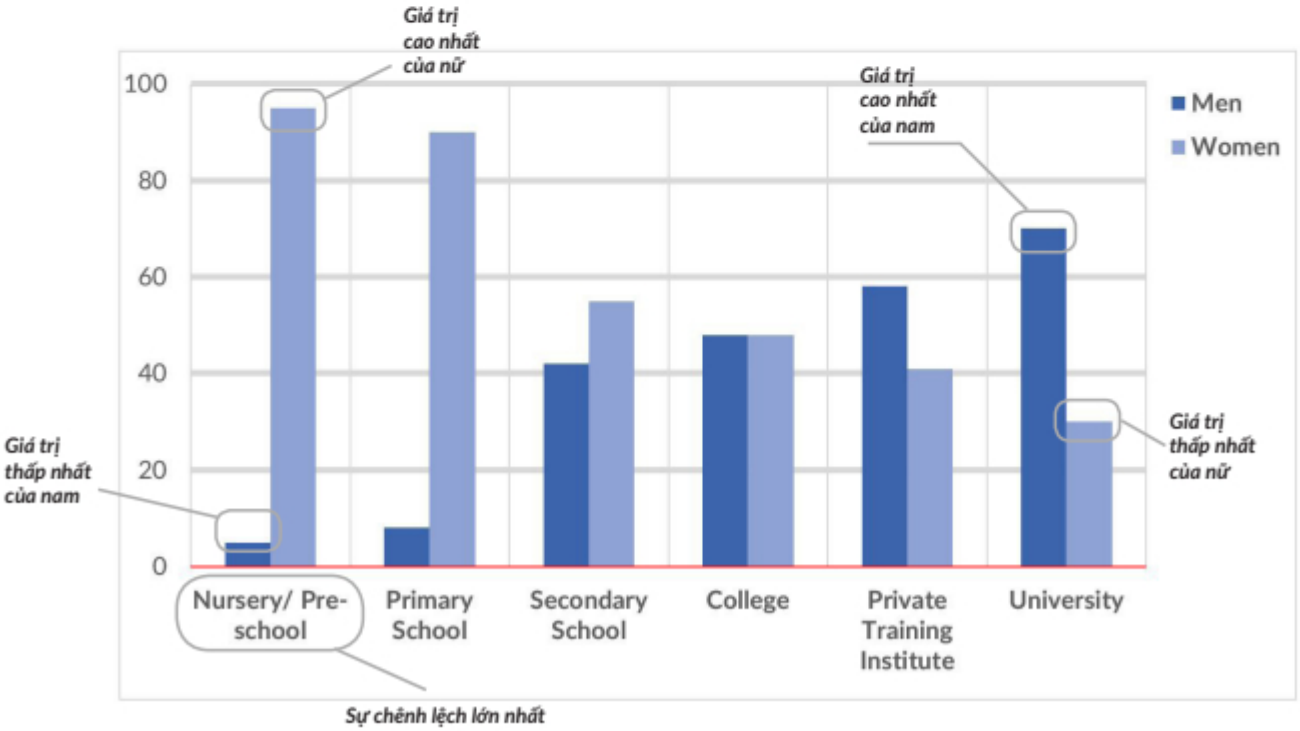

Thân bài:

Thân bài 1: Phân tích các hệ thống trường mà phần trăm nam giới lớn hơn phần trăm nữ giới, vậy chúng ta có

• Gần 95% số lượng nữ giới tham gia đá bóng, trong khi con số này ở nam chỉ là 5%.

• Môn thể thao khác (other) chiếm vị trí thứ 2, với 90% nữ giới – và chỉ có 10% nữ.

• Secondary school chênh lệch không nhiều: 55% nữ, 45% nam.

Thân bài 2: Phân tích các ngành học mà phần trăm nam giới thấp hơn hoặc bằng phần trăm nữ giới tham gia

• College: 50% nữ, 50% nam

• Phần trăm nữ giới tại training institute (48%) cao hơn 1 chút cho với nữ (42%).

• University có hơn gấp đôi số lượng nam (khoảng 70%) hơn nữ (30%).

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The bar chart gives information about the proportion of teachers by gender in six types of educational institutions in the UK in 2010.

Overall, the higher the level of education, the higher the figure for male teachers, and the opposite was true for that of female teachers. Additionally, the biggest difference between the percentages of male and female teachers is seen in pre-school education.

Women dominated the teaching profession in primary education, with over 90%, whereas the percentage of males was just around 5%. The same pattern can be witnessed in primary schools, with the figure for females being far higher than that of their counterparts, with 90% and 10% respectively. The gap between two genders was much narrower in secondary schools, with 55% for females and 45% for males.

It is noticeable that the proportions of male and female teachers in colleges were the same, at 50%, whereas the the figures for male teachers in private training institutes was higher than that of females, with nearly 60% and over 40% respectively. University recorded the highest percentage of male teachers, at about 70%, over two times higher than the figure for females.

192 words

Bài 2

Bước 1 – Phân tích tổng quát

• Đối tượng đề cập trong bài:

So sánh số lượng học sinh ở 6 quốc gia với trung bình thế giới.

• Đơn vị là gì?

Số lượng học sinh mỗi lớp.

• Thì sử dụng trong bài

Khoảng thời gian được đưa ra là vào năm 2006, nên chúng ta sẽ dùng thì quá khứ đơn trong bài viết.

Bước 2 – Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Mở bài – Viết lại đề bài

Đoạn tổng quan:

• Số liệu của Lower Secondary School lớn hơn so với Primary Schools.

• Số lượng học sinh ở những quốc gia châu Á (South Korea & Japan) nhiều hơn so với các quốc gia khác.

Thân bài 1: *Miêu tả và so sánh số liệu của Primary Schools.*

Thân bài 2: *Miêu tả và so sánh số liệu của Lower Secondary Schools.*

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The bar chart illustrates the average class size in primary and secondary schools in six different countries, and compares these figures with the world average.

In general, the world average number of pupils in a lower secondary school class was higher than the figure for primary schools. In addition, Asian countries (South Korea and Japan) had a higher number of students on average in classrooms compared with other countries.

In 2006, South Korea, Japan, and the UK all had larger primary school classes when compared with the world average. South Korea had the largest primary school classes, at around 34 students per class. On the other hand, Mexico, Denmark, and Iceland all had smaller than world average primary school classes, at 20, 23, and 21 students per class respectively.

With regards to lower secondary school classes, South Korea, Japan, and Mexico, all had higher than world average class sizes, with South Korea again having the largest classes, at an average of 36 students per class. The UK, Denmark, and Iceland, all had smaller than world average classes, with 18, 21, and 20 students per class respectively.

Lesson

5.2 Biểu đồ tròn

Nhận biết dạng bài

Pie chart dạng biểu đồ hình tròn dùng để so sánh các đối tượng ở mức tổng thể. Mỗi phần biểu diễn số liệu (thường ở dạng phần trăm) cho một đối tượng nào đó, tên các đối tượng với màu hoặc ký hiệu của chúng thường được liệt kê bên cạnh.
Trong phần này, chúng ta sẽ tập trung vào phân tích và so sánh biểu đồ tròn không có dòng thời gian.

The pie charts below show the average household expenditures in Japan and Malaysia in the year 2010.

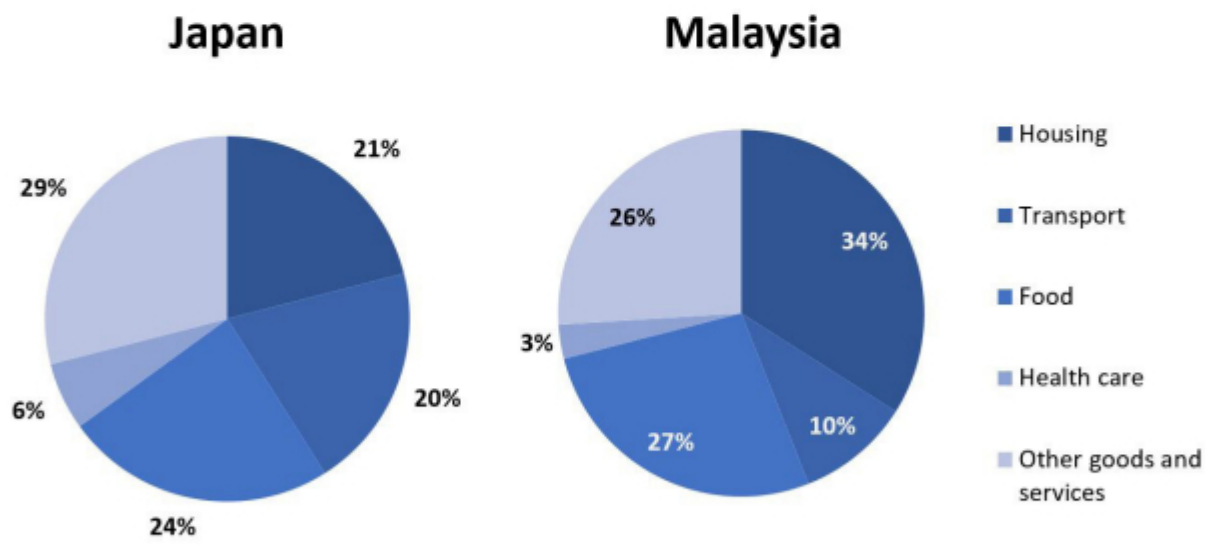

Bước 1: Phân tích tổng quát

• Đối tượng (chủ ngữ) của biểu đồ là gì?

Nhìn vào đề bài, ta có thể thấy cả biểu đồ (100%) là tổng chi tiêu, vì vậy có thể suy ra đối tượng ở đây là: Tỉ lệ chi tiêu cho Housing/Transport/Food...của các hộ gia đình ở Japan và Malaysia.

• **Đơn vị là gì?**

Phần trăm (%)

• **Mốc thời gian vào 2010 → chia thì quá khứ**

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Đoạn tổng quát:

Với dạng bài không có xu hướng, cũng tương tự như dạng bài biểu đồ cột, chúng ta tập trung vào các giá lớn nhất, bé nhất của các đối tượng đã cho. So song với đó là sự chênh lệch giữa các giá trị này. Đâu là nhóm có sự chênh lệch lớn nhất.

Với bài này có thể thấy:

• Chi tiêu cho Food, Housing chiếm tỉ lệ lớn nhất ở cả hai nước

• Chi tiêu cho Healthcare là ít nhất.

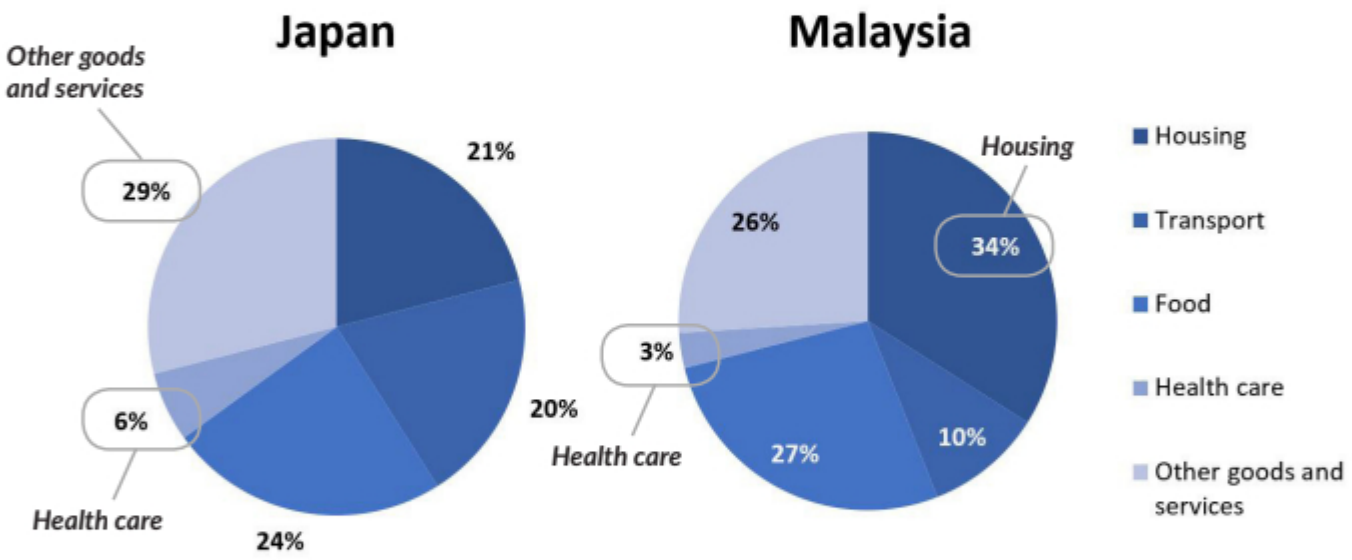

Thân bài:

Với dạng so sánh 2 đối tượng (2 nước) theo nhiều tiêu chí (chi tiêu vào các nhóm hàng hóa dịch vụ) như thế này, không nên chia detail theo từng nước mà nên chia theo tiêu chí để thấy rõ được sự so sánh giữa 2 nước ở từng tiêu chí

Thân bài 1: so sánh nhóm Housing, Food ở 2 nước.

• Housing: chiếm lượng tiền lớn nhất ở Malaysia (34%), trong khi đó người dân ở Japan chỉ dành 21% cho nhóm này.

• Food: số liệu cho cả 2 nước khá giống nhau.

Thân bài 2: So sánh các nhóm còn lại.

- Transport: chiếm 20% chi tiêu của Japan, gấp đôi số liệu cho Malaysia
- Healthcare: số liệu thấp nhất ở cả 2 nước
- Others: số liệu lớn, trên ¼ ở 2 nước

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The charts illustrate the proportion of spending on different goods and services of households in two different countries in 2010.

Overall, it is clear that people in both countries spent the largest proportion of their income on housing and food, while healthcare was the service people spent the lowest amount of money on.

The proportion of spending on housing was highest in Malaysia, at 34% while Japanese families allocated just 21% of their budget for this. In terms of food, the figures for both nations were similar, at 24% and 27% for Malaysia and Japan respectively.

Regarding the remaining categories, transport accounted for exactly a fifth of total expenditure in Japan, which was twice as much as the figure for Malaysia. Healthcare was the lowest expense in the two countries, while the percentage of money spent on other goods and services were quite significant, at over a quarter in both countries.

Practice

Bài 1

The charts give information about world forest in six different regions.

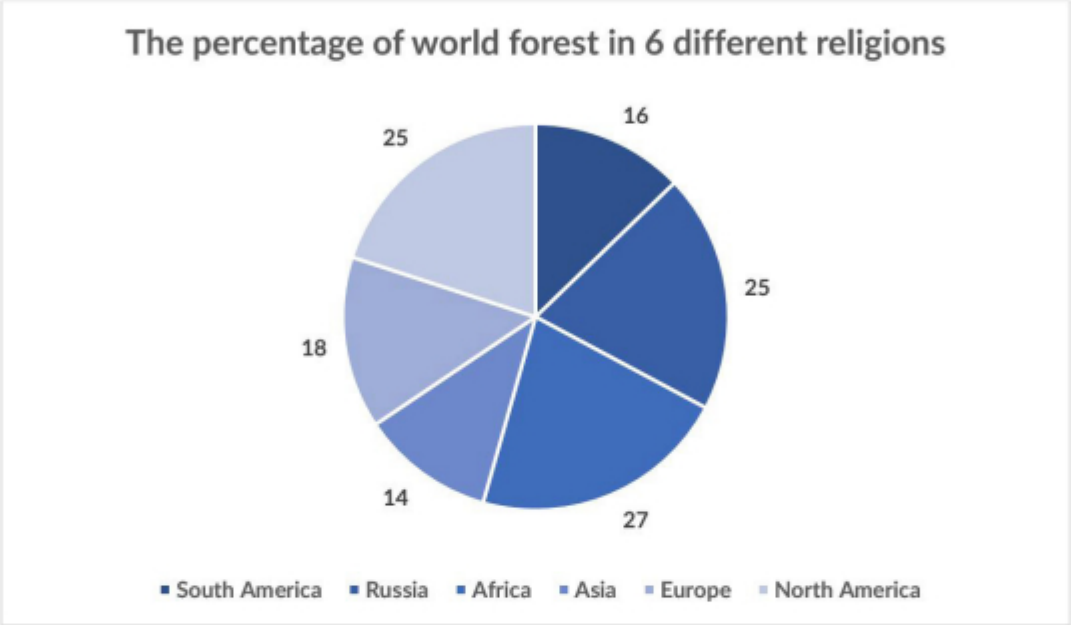

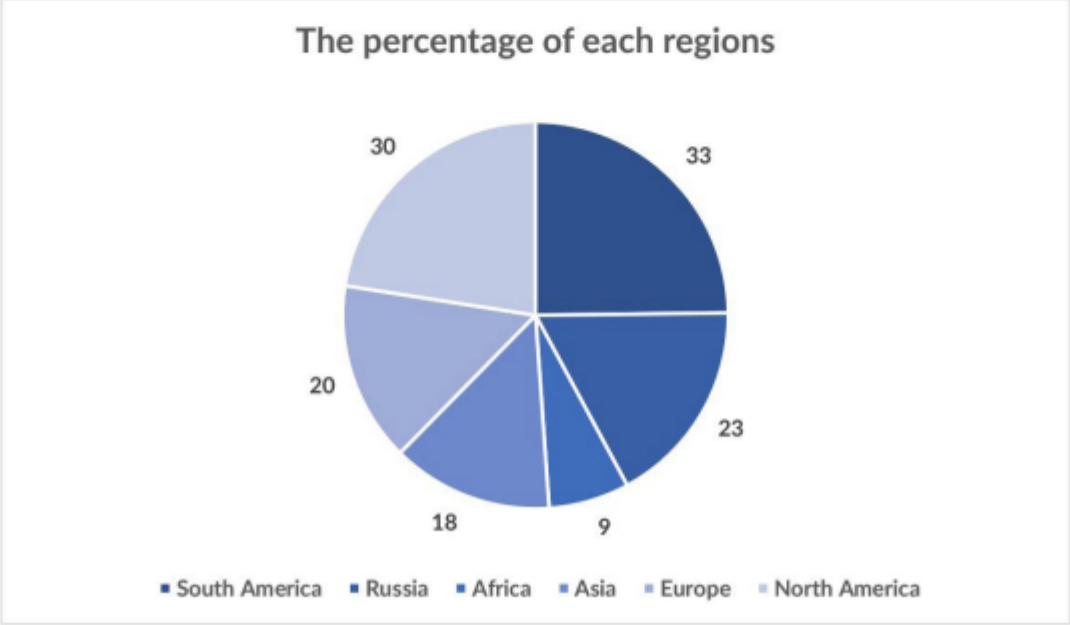

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- **Đoạn tổng quan:**

.....

.....

.....

- **Thân bài:**

.....

.....

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2

The charts show the sources of electricity produced in 4 countries between 2003 and 2008.

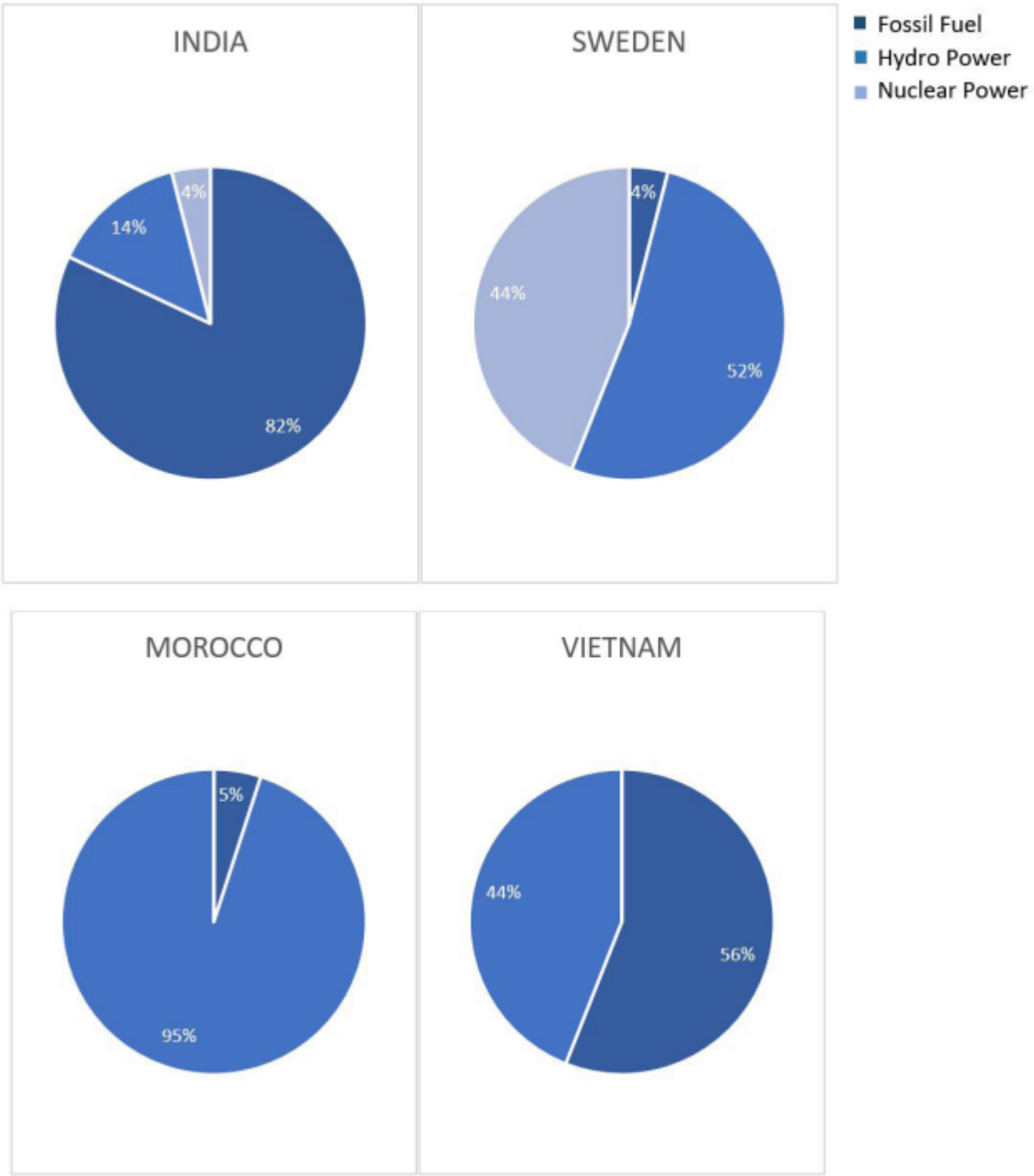

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- **Đoạn tổng quan:**

.....

.....

.....

- **Thân bài:**

.....

.....

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Key

Bài 1.

Bước 1 – Phân tích tổng quan
• Dạng bài: Biểu đồ tròn kép
• Đối tượng đề cập: Phần trăm rừng và gỗ ở 6 vùng khác nhau
• Thì sử dụng: Hiện tại đơn (Trong bài không đề cập đến thời gian)

Bước 2 – Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin
Đoạn tổng quát:
Tập trung các giá trị lớn nhất và nhỏ nhất có trong biểu đồ
• Africa có tỉ lệ rừng lớn nhất, trong khi Asia có tỉ lệ rừng thấp nhất.
• Russia có tỉ lệ gỗ lớn nhất, trong khi Africa nhỏ nhất.
Thân bài
Thân bài 1 - Mô tả và kết hợp so sánh số liệu của biểu đồ đầu tên.
• So sánh số liệu diện tích rừng của các vùng với nhau, theo thứ tự từ cao xuống thấp.
Thân bài 2 - Mô tả và kết hợp so sánh số liệu của biểu đồ thứ hai.
• So sánh phần trăm gỗ của các vùng đã cho theo thứ tự từ cao xuống thấp.

Bước 3: Hoàn thiện bài viết
The pie charts compare the proportions of forested area in six regions around the world, and the percentage of timber in those places.
Overall, it can be seen that Africa contains the largest proportion of world forest, while the opposite is true for Asia. Additionally, Russia has the largest percentage of timber out of all six regions. Furthermore, despite having the largest proportion of world forest, Africa contributes the lowest proportion of timber.
Regarding the first chart, the percentage of world forest is highest in Africa, at 27%, followed by Russia and North America, at exactly a quarter each. 18% of world forest is found in Europe, whilst forests in South America and Asia account for 16% and 14% respectively.
In terms of the second chart, 33% of timber is found in Russia, similar to that of North America, at 30%. South America contains 23%, which is 3% higher than the figure for Europe. The amount of timber in Asia is much lower, at 18%, while Africa contains only half of that, at 9%.

Bài 2.

Bước 1 - Phân tích tổng quan

• Đối tượng (chủ ngữ) của biểu đồ là gì?

Nguồn năng lượng (Sources of electricity)

• Đơn vị là gì?

Phần trăm (Percentage).

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

Không có mốc thời gian → So sánh số liệu.

Bước 2 – Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Tổng quan:

• Giá trị lớn nhất: Nhiên liệu hóa thạch là nguồn nhiên liệu chính của Việt Nam và Ấn Độ

• Giá trị nhỏ nhất: Những loại nhiên liệu này, tuy nhiên, lại chỉ chiếm một phần nhỏ ở hai nước còn lại.

Thân bài:

Thân bài 1: So sánh số liệu của Fossil Fuel giữa 4 nước

Thân bài 2: So sánh số liệu của Hydropower giữa 4 nước

Thân bài 3: So sánh số liệu của Nuclear power giữa 4 nước

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The given pie charts give information about the proportion of three different sources that were used to produce electricity in four countries, namely India, Sweden, Morocco and Vietnam, from the year 2003 to 2008.

Overall, Vietnam and Morocco did not use nuclear power for electricity production. It can also be seen that while fossil fuel was the largest source of electricity supply in Vietnam and India, it only occupied a relatively marginal proportion in the other two countries during the examined years.

In Vietnam, 56% of the total amount of electricity was from fossil fuel, and only 5%, however, was the figure for Morocco. The rest was produced from hydro power in both nations.

Between 2003 and 2008, fossil fuel contributed 82% to the entire quantity of electricity in India, which was also the highest among the four countries. Meanwhile, this source was responsible for the smallest proportion in Sweden, where hydro power constituted the biggest, at 52%. Nuclear power was used to generate 44% of the amount of electricity in Sweden while the figure for India was merely 3.5%.

Lesson

5.3 Bảng số liệu

Phân tích ví dụ

The table below shows the average band scores for students from 4 different countries taking the IELTS Test in 2009.

	Listening	Reading	Writing	Speaking	Overall
Germany	6.8	6.3	6.6	6.9	6.7
France	6.3	6.1	6.5	6.6	6.5
Vietnam	6.3	6.1	6.2	6.7	6.3
Malaysia	6.2	6.4	6.0	6.8	6.4

Bước 1: Phân tích tổng quát

• Đối tượng (chủ ngữ) của biểu đồ là gì?

Điểm số trung bình của học sinh đến từ 4 quốc gia khác nhau (the average band scores for students from 4 different countries).

• Đơn vị là gì?

Đơn vị được tính bằng số điểm.

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

Khoảng thời gian tại năm 209. Vậy nên chúng ta sẽ dùng thì "quá khứ đơn" xuyên suốt cả bài.

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Đoạn tổng quan:

Với dạng bài không có sự thay đổi thời gian như này, chúng ta sẽ không có đặc điểm về xu hướng. Thay vào đó, chúng ta sẽ quan sát đặc điểm về giá trị. Để dễ nhìn hơn chúng ta sẽ phân tích bảng theo tiêu chí hàng ngang và tiêu chí hàng dọc như sau:

- **Tiêu chí hàng ngang (nhóm quốc gia)**

	Cao nhat	Thap Nhat
Germany	Speaking (6.9)	Reading (6.5)
France	Speaking (6.6)	Reading (6.1)
Vietnam	Speaking (6.7)	Reading (6.1)
Malaysia	Speaking (6.8)	Writing (6.0)

- **Tiêu chí hàng dọc (nhóm kĩ năng)**

	Cao nhat	Thap nhat
Listening	Germany (6.8)	Malay (6.2)
Reading	Malaysia (6.4)	French,Vietnam (6.1)
Writing	German (6.6)	Malay (6.0)
Speaking	German (6.9)	Malay (6.6)

Từ 2 bảng trên, ta có thể rút ra đặc điểm tổng quan về giá trị như sau

- Speaking là kỹ năng tốt nhất của học sinh của cả 4 quốc gia (tiêu chí hàng ngang)
- Trong khi học sinh Đức đạt điểm số cao nhất ở 3 kỹ năng Listening, Reading và Speaking, học sinh ở Malaysia đạt điểm số cao nhất ở kĩ năng Reading (tiêu chí hàng dọc)

Thân bài

Với dạng này, chúng ta có thể chia body theo tiêu chí hàng dọc (kĩ năng) hoặc hàng ngang (quốc gia), vậy chúng ta sẽ có cách tiếp cận sau:

Thân bài 1: Phân tích 2 nước Germany và Malaysia

- Học sinh Đức có điểm số overall cao nhất đạt 6.7, trong khi Malaysia chỉ là 6.4
- Học sinh Đức và Malaysia là 2 nhóm dẫn đầu ở điểm số speaking với lần lượt 6.9 và 6.7
- Trong khi reading là kĩ năng thấp điểm nhất của học sinh Đức (6.3), học sinh Malaysia

thấp nhất ở Writing (6.0)

Thân bài 2: phân tích 2 nước France và Vietnam

• Điểm overall của học sinh France cao hơn chút ít cho với Vietnam (6.5 và 6.3)

• Điểm số listening và reading của cả 2 quốc gia này bằng nhau (6.3 và 6.1)

• Điểm số Writing của học sinh Pháp cao hơn khá nhiều học sinh việt nam (6.5 và 6.1)

Lưu ý: Vì table thường rất nhiều dữ liệu, nên chúng ta chỉ tập trung vào các đặc điểm chính, không cần miêu tả hết.

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The table illustrates the average IELTS band score received by students from four nations in the year 2009.

It is clear that Speaking was the best IELTS skill for all students, regardless of their nationality in 2009. Also, while German students gained the highest scores in the three skills of Listening, Writing, and Speaking, the highest band score in Reading was achieved by Malaysian students.

As can be seen from the table, the highest average overall band score was by German students at 6.7, compared with Malaysian students at 6.4. Furthermore, German and Malaysian students were the two most outstanding groups in speaking skills with average band scores of 6.9 and 6.7 respectively. Meanwhile, the lowest figure in Germany was Reading skills at 6.3, while in Malaysia it was Writing skills at 6.0.

Of the other countries, French students achieved a higher overall band score (6.5) than Vietnamese students (6.3). Similarly, the figure for Writing in France was significantly higher than that in Vietnam with 6.5 and 6.1 respectively. Also, the average band scores of both nations in listening and reading skills were equal, with 6.3 for listening and 6.1 for reading.

Practice

Bài 1

The table below gives information on consumer spending on different items in four different countries in 2008.

Percentage of national consumer expenditure by category - 2008

Country	Cars	Computers	Books
China	28.91%	16.23%	2.21%
Thailand	16.36%	5.93%	3.2%
Japan	18.8%	5.51%	1.98%
Vietnam	15.77%	5.4%	3.22%

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- **Đoạn tổng quan:**

.....

.....

- **Thân bài:**

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

Bài 2

The table below shows expenditures on advertsing of four car companies in the UK in 2002.

	Types of advertising (millions of dollars)				
	Press	Cinema	Outdoor	Radio	TV
Renault	45	6	7	15	59
Rover	38	0	2	15	45
Vauxhall	8	5	7	15	65
Cetirizine	12	0	3	15	70

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- **Đoạn tổng quan:**

.....

.....

- **Thân bài:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

Key

Bài 1.

Bước 1: Phân tích tổng quan

• Đối tượng (chủ ngữ) của biểu đồ là gì?

Phần trăm chi tiêu của người tiêu dùng cho 3 nhóm tiêu dùng khác nhau (information on consumer spending on different items).

• Đơn vị là gì?

Đơn vị được tính bằng phần trăm.

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

Khoảng thời gian tại năm 2008. Vậy nên chúng ta sẽ dùng thì "quá khứ đơn" xuyên suốt cả bài.

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Đoạn tổng quan:

• Tiêu chí hàng ngang (nhóm quốc gia)

	Cao nhat	Thap Nhat
China	Cars (28.91)	Books (4.21)
Thailand	Cars (16.36)	Books (3.2)
Japan	Cars (18.8)	Books (1.23)
Vietnam	Cars (14.5)	Books (3.22)

- **Tiêu chí hàng dọc (nhóm kĩ năng)**

	Cao nhat	Thap nhat
Cars	China (28.91)	Vietnam (14.5)
Computers	China (16.23)	Vietnam (5.4)
Books	China (3.22)	Japan (1.23)

Từ 2 bảng trên, ta có thể rút ra đặc điểm tổng quan về giá trị như sau

• Cars là nhóm chi tiêu nhiều nhất trong 4 quốc gia, books nhất

• Trung quốc là nước chi tiêu nhiều nhất cho tất cả sản phẩm trong năm 2008.

Thân bài

Thân bài 1: Miêu tả nhóm cars

Thân bài 2: Miêu tả 2 nhóm còn lại (computers và books)

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The table shows people in 5 countries spent their money on cars, computers and books in 2008.

Overall, spending on cars took up the greatest percentages in the total budget of people in all countries, whereas the reverse was true for the expenditure on books.

Chinese people spent nearly 30% of their budget on cars, much higher than the figures for Japan, at merely 18.8%. Spending on cars, meanwhile, only took up around 16% and 15% in the budgets of Thai and Vietnamese people respectively.

16.23% of the family budget was used for computers in China, three times as much as the figures for the other nation, at between 5% and 6%. Books accounted for the lowest percentage of the total spending in all naitons, at about 3.2% for Vietnam and Thailand, 2.21% for China and 1.98% for Japan.

Bài 2.

Bước 1 - Phân tích tổng quát:

• Đối tượng (chủ ngữ) của biểu đồ là gì?

Chi tiêu cho việc quảng cáo (expenditures on advertising).

• Đơn vị của bài là gì?

Millions of dollars.

Lưu ý: Mặc dù đơn vị ghi phía trên đề bài là "Millions of dollars", nhưng khi chúng ta sử dụng vào bài, thì "Million" sẽ không có "s" và "of" trước "dollars". Ví dụ: 1 triệu đô la → one million dollars .

Bước 2 - Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Đoạn tổng quan:

• Gía trị lớn nhất nếu xét theo hàng dọc: số tiền dành cho quảng cáo trên TV của tất cả các hãng xe là lớn nhất, trong khi đó ở rạp chiếu phim là nhỏ nhất.

• Gía trị lớn nhất hàng ngang: Renault chi nhiều tiền nhất cho quảng cáo.

Đoạn thân bài:

Thân bài 1: So sánh số liệu của TV và Press

Thân bài 2: So sánh số liệu của các mục còn lại

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The table shows the amount of money that four car manufacturing companies spent on different forms of advertsing in the UK in 2002.

It is clear that Renault spent the largest amount of money on advertsing during 2002. In additon, TV advertsements were by far the most popular advertsing format while the opposite was true for cinema advertsing.

In 2002, Cetrizine allocated $70 million for TV advertsements while the fgure for Vauxhall was slightly lower, at $65 million. Meanwhile, $59 million was spent on TV commercials by Renault, and only $45 million by Rover. In terms of press advertsing, the amount of money spent by Renault was again largest, at $45 million, slightly higher than that of Rover, at $38 million. In contrast, Vauxhall and Cetrizine only spent $8 million and $12 million on press advertsing, respectvely.

Of the other forms, advertsing in cinemas and outdoors incurred the lowest costs, with less than $10 million spent by each company. It is also notable that expenditure on radio advertsing by all car manufacturers was similar, at $15 million each.

Lesson

5.4 Biểu đồ kết hợp

Phân tích ví dụ

The table and chart below show the domestic water use and cost in 5 countries.

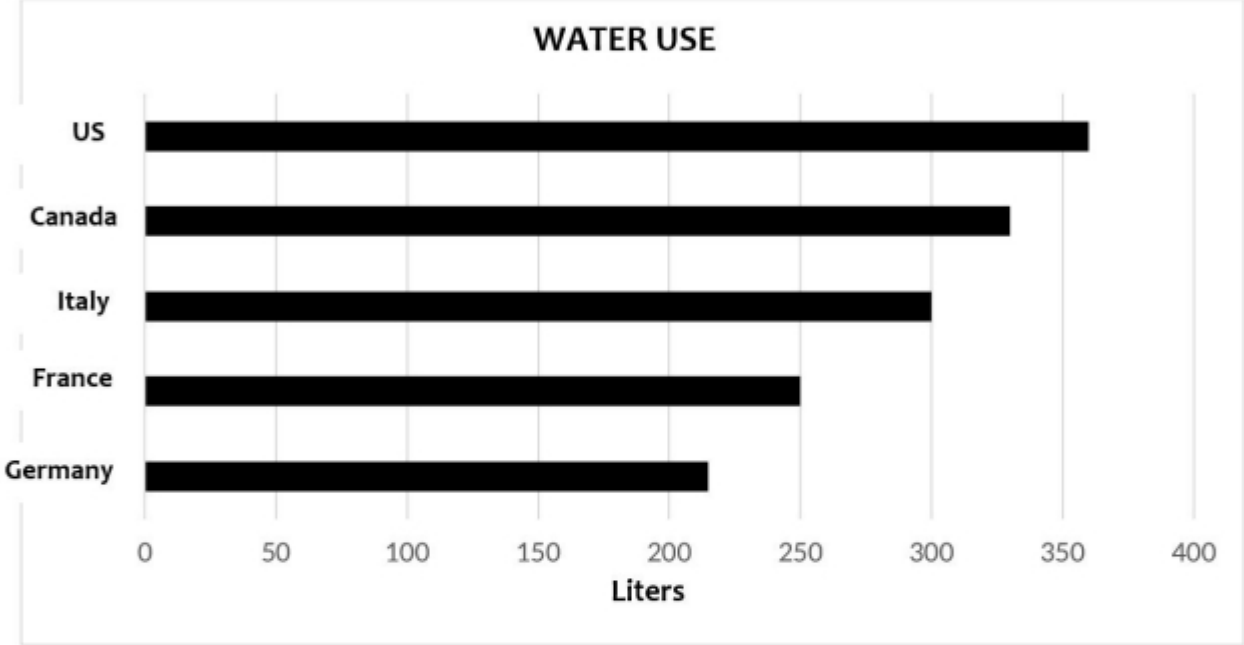

Cost of water (US dollars/m3)	
US	0.01
Canada	0.31
Italy	0.7
France	2.1
Germany	1.35

Bước 1: Phân tích tổng quát

- Thời gian: Không có mốc cụ thể. Thì hiện tại đơn sẽ được mặc định sử dụng.
- Dạng biểu đồ: Biểu đồ cột kết hợp với bảng số liệu

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Đoạn mở bài:

• Biểu đồ cột:

The chart graph	• gives information about • illustrates • compares	• the household water consumption in the US, Canada, Italy, France and Germany, • how much water is used in households in 5 various countries.

• Bảng số liệu

The table	• (tương tự cột trên)	• the water cost in these 5 countries. • how much water costs in those countries.

Đoạn tổng quan:

Như đã nói ở phần Phân tích, cách tiếp cận đơn giản nhất khi viết Overview cho dạng bài Mixed Charts là chỉ ra điểm nổi bật nhất ở các biểu đồ. Người viết có thể tham khảo một số cách viết sau:

• *'Overall, the US experiences the highest domestic water consumption while water is most expensive in France.'*

• *'In summary, households in Germany consume the smallest amount of water, while the cost of water is lowest in the US.'*

• *'In general, water is cheapest in the US among the 5 countries, and this country also experiences the highest rate of domestic water use.'*

Nhóm thông tin đưa vào 2 đoạn thân bài

Cách tiếp cận đơn giản, hiệu quả nhất với một bài Mixed Charts là miêu tả lần lượt từng biểu đồ, mỗi biểu đồ ứng với một đoạn thân bài.

Đầu tiên, chúng ta cùng phân tích thông tin ở Bar chart:

• *Khoảng 360 lít nước được sử dụng bởi các hộ gia đình ở Mỹ. Con số này ở Canada thấp hơn*

một chút, khoảng 330 lít. Mức tiêu thụ nước ở Ý và Pháp lần lượt là 300 và 250 lít. Các hộ gia đình ở Đức dùng ít nước nhất: chỉ khoảng 210 lít.

> → ***Thân bài 1 hoàn chỉnh:*** *About 360 litres of water is used by households in the US. Water use in Canadian households is slightly less, at roughly 330 litres. Domestic water use in Italy and France are 300 and 250 litres, respectively. Meanwhile, German households consume the smallest amount of water at approximately 210 litres.*

Tiếp tục miêu tả thông tin ở Table:

• *Người dân Pháp phải trả $2.1 cho mỗi mét khối nước. Nước ở Đức thì rẻ hơn đáng kể, khoảng $1.35/m3. Con số này cao gần gấp đôi so với giá nước ở Ý – $0.7/m3. Giá nước rẻ nhất ở 2 quốc gia vùng Bắc Mỹ: lần lượt $0.31/m3 ở Canada và $0.01/m3 ở Mỹ.*

> → ***Thân bài 2 hoàn chỉnh:*** *French households spend US$2.1 per m3 of water used, while water costs considerably less in Germany at about US$1.35 per m3. This figure is nearly twice as much as the cost of water in Italy, which is only US$0.7 per m3. It is even cheaper to buy water in North America, where the cost is US$0.31 per m3 in Canada, and only US$0.01 per m3 in the US.*

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The bar chart gives information about the household water consumption in the US, Canada, Italy, France and Germany, and the table compares the water cost in these 5 countries. Overall, the US experiences the highest domestic water consumption, while water is most expensive in France.

As can be seen from the chart, about 360 litres of water is used by households in the US. Water use in Canadian households is slightly less, at roughly 330 litres. Domestic water use in Italy and France are 300 and 250 litres, respectively. Meanwhile, German households consume the smallest amount of water at approximately 210 litres.

French households spend US$2.1 per m3 of water used, while water costs considerably less in Germany at about US$1.35 per m3. This figure is nearly twice as much as the cost of water in Italy, which is only US$0.7 per m3. It is even cheaper to buy water in North America, where the cost is US$0.31 per m3 in Canada, and only US$0.01 per m3 in the US.

Practice

Bài 1

The table and chart below provide a breakdown of the total expenditure and the average amount of money spent by students per week while studying abroad in 4 countries.

Expenditure of studying abroad	
Country	US ($)
A	875
B	735
C	540
D	435

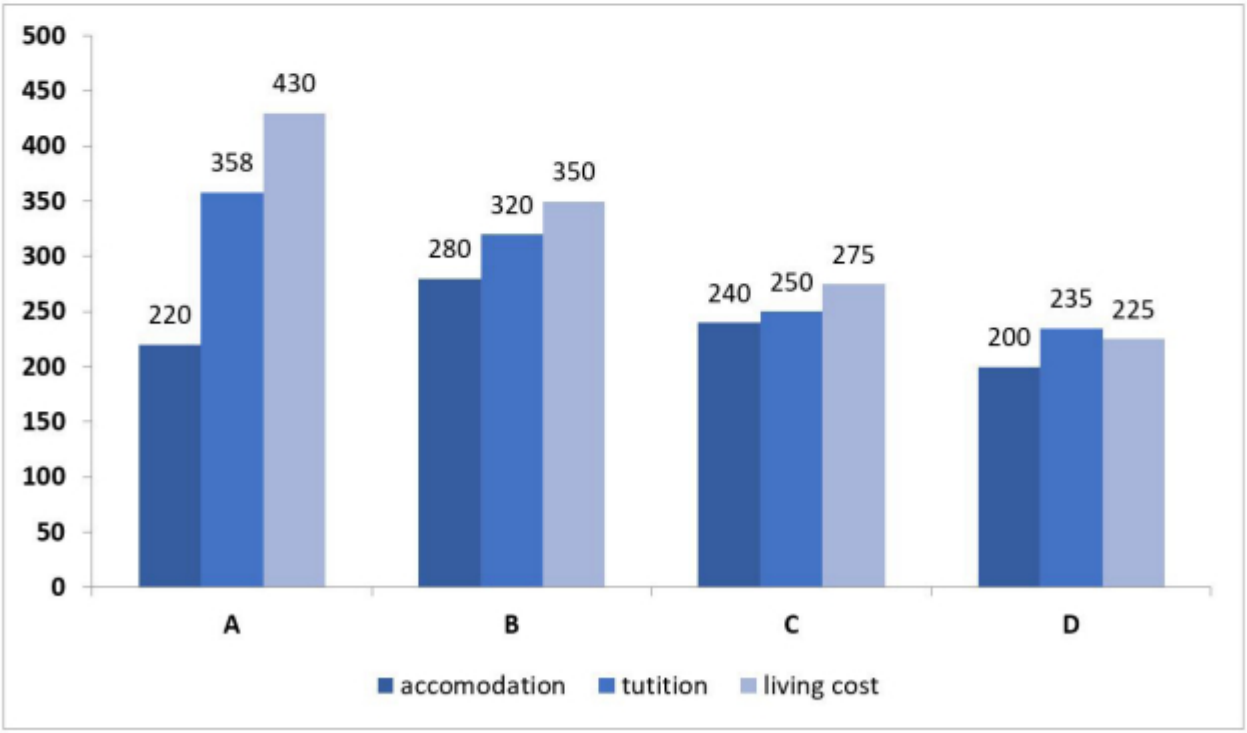

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- **Đoạn tổng quan:**

.....

.....

.....

- **Thân bài:**

.....

.....

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2

The charts show average levels of participation in education and the highest education level of adults from 2000 to 2010 in Singapore.

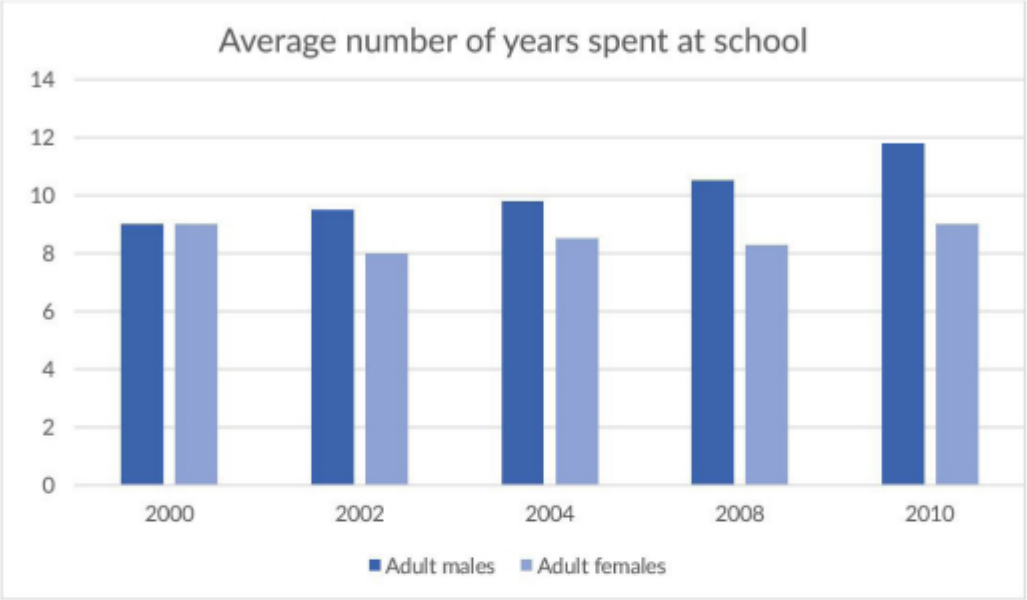

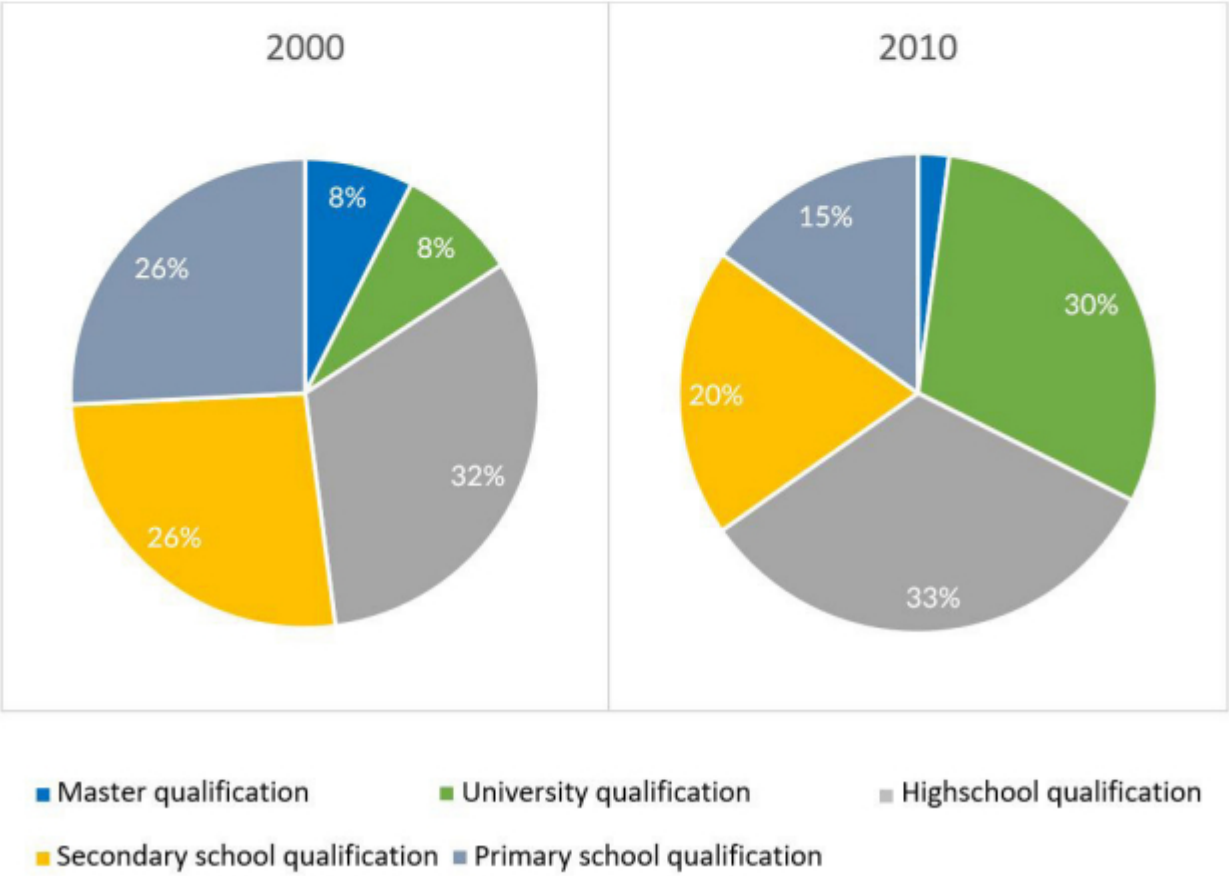

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- **Đoạn tổng quan:**

.....

.....

.....

- **Thân bài:**

.....

.....

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Key

Bài 1.

Bước 1: Phân tích tổng quát

• Dạng biểu đồ

Bảng số liệu kết hợp với biểu đồ cột.

• Thời gian

Không có thông tin về năm, do đó thì được sử dụng trong bài sẽ là hiện tại đơn.

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

• Đoạn tổng quan:

Chi phí học tập ở nước A là lớn nhất.

Sinh viên ở các nước đa phần phải chi nhiều tiền nhất cho chi phí sinh hoạt, và ít nhất cho chỗ ở.

• Đoạn thân bài:

Đoạn 1: So sánh số liệu của bảng

Đoạn 2: So sánh số liệu của biểu đồ cột

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The table and bar chart illustrate the total spending and the average expenditure per week for accommodation, tuition and living costs of students studying abroad in four countries. Overall, it is clear that the cost of studying in country A is the highest. Also, international students in all countries, except for country D, have to pay the largest amount of money each week for living costs, while they spend the least on accommodation.

Studying abroad in country A costs $875, which is $140 and $335 more than studying in country B and C respectively. International students in country D, however, need to pay a significantly lower amount of money ($435) than those studying in the other three countries.

Overseas students in country A spend an average of $430 per week on living expenses, while those in country B spend only $350. In contrast, the weekly cost of accommodation in country B is $60 higher than that of country A, at $280. The figures for tuition fees in both countries are over $300 a week. Regarding the other two countries, the expenditures for the three categories are all below $300, with the smallest figure being accommodation in country D, at only $200 per week.

Bài 2.

Bước 1: Phân tích tổng quát

• Thời gian: từ năm 2000 đến năm 2010

• Dạng biểu đồ: biểu đồ cột kết hợp với biểu đồ tròn

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

• Đoạn tổng quan:

Ở biểu đồ 1: cả nam và nữ giành nhiều thời gian hơn vào việc học

Ở biểu đồ 2: trình độ học vấn của người dân ngày càng được nâng cao, vì phần trăm của những người học các bậc học cao tăng.

• Thân bài 1: Phân tích xu hướng thay đổi ở biểu đồ cột

• Thân bài 2: Phân tích xu hướng thay đổi ở biểu đồ tròn

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The bar chart illustrates the average number of years males and females attended school, while the pie charts present the different levels of education achieved by adults in Singapore in 2000 and 2010.

Overall, there was an increase in the number of years, for both males and females, that were spent on education. It can also be seen that the figure for males was slightly higher over the period shown. Additionally, the level of education people were attaining had increased over the period.

As can be seen from the bar chart, in 2000, male citizens attended school for an average of 8.9 years, which rose considerably to just under 12 years in 2010. In contrast, the number of years females attended school in 2000 was only 8. This figure remained unchanged until 2008, and then rose to 8.9 years in 2010.

According to the pie charts, in 2000, almost one-third of Singapore's population finished high school. The figures for those who only finished primary and secondary school were quite high, at approximately 26% each, compared to less than 10% of Singaporeans who had gained a bachelor or master's degree. However, the level of education people were attaining had increased over the ten year period, with nearly two-thirds of the population obtaining a university degree, and only 2.1% leaving after primary school.

Unit

6 Diagram

Lesson 6.1: Bản đồ (Map)

1. Kiến thức cơ bản.

Để miêu tả được các dạng bản đồ, có 2 loại ngôn ngữ mà người viết cần làm chủ: ngôn ngữ về vị trí và ngôn ngữ về sự thay đổi.

1.1 Ngôn ngữ vị trí (Directional Languages)

Ngôn ngữ vị trí miêu tả vị trí trong không gian của các thành phần trong bản đồ.

a) Các hướng cơ bản.

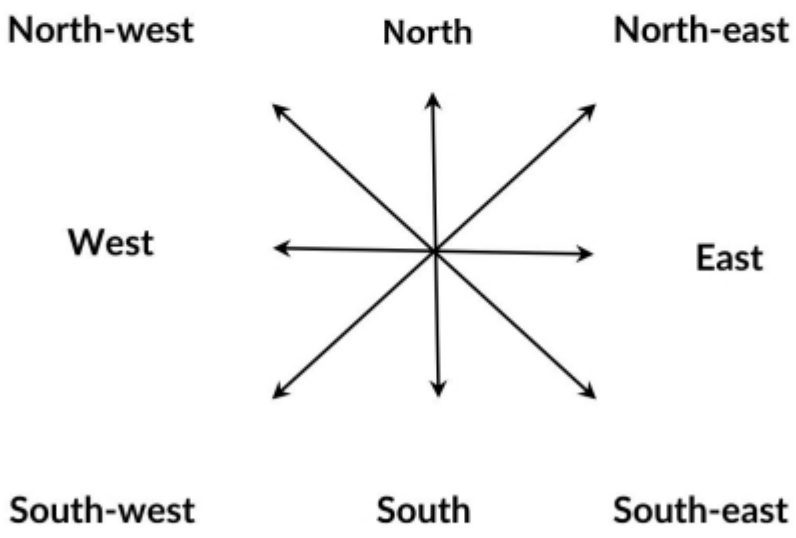

Top left-hand corner	Top	Top right-hand corner
Left-hand side	Middle/centre	Right-hand side
Bottom left-hand corner	Bottom	Bottom right-hand corner

Ví dụ cụ thể:

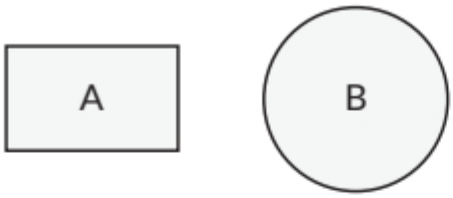

A is to the west/left of B.
B is to the east/right of A.

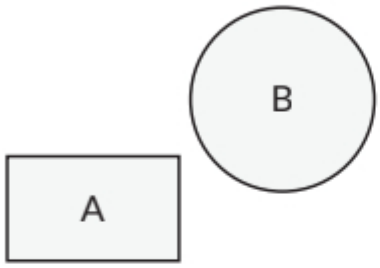

A is to the south-west of B.
B is to the north-east of A.

B is in the east/on the left-hand side of A.

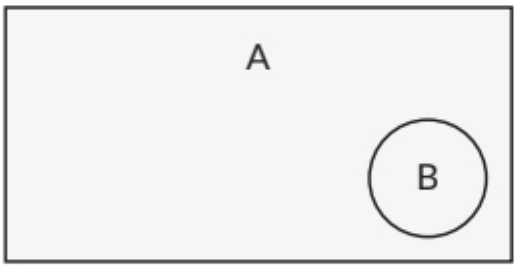

B is in the south-west/on the bottom right-hand corner of A.

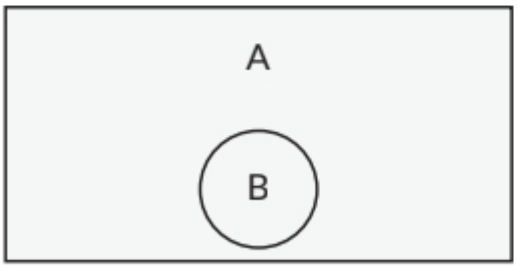

B is in the south/at the bottom of A.

Một số chú ý:

Chú ý điểm khác nhau khi sử dụng các giới từ to và in/on/at.
Dựa vào ví dụ minh họa ta thấy:
"B is to the west/left of A" có nghĩa là B ở phía Tây của A, nhưng không nằm trong A. (Vietnam is to the west of Laos).
"B is in the south-west/on the bottom right-hand corner of A" có nghĩa là B ở phía Tây Nam của A, nhưng nằm trong A. (Vietnam is in the south-east of Asia).

b) Một số cách miêu tả vị trí khác.

B is directly opposite A.
B is in front of A.

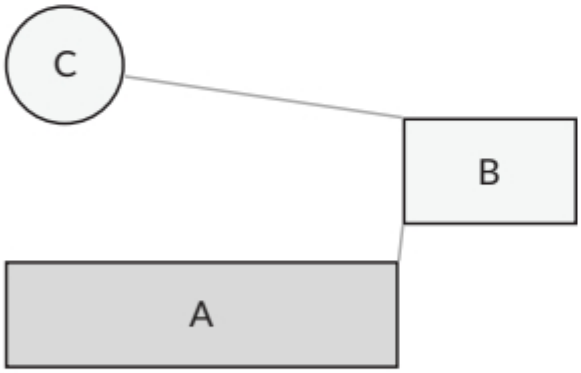

B is in close proximity to A. (B ở khá gần A)
B is a long distance away from C. (B ở khá xa

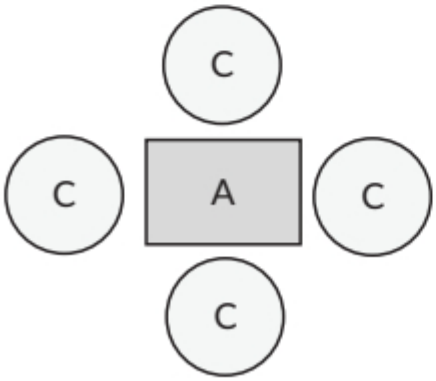

A is surrounded by C(s).
C(s) surround A.

A is (halfway/midway) between B and C.

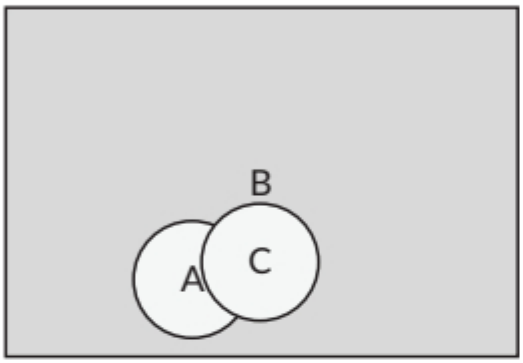

A is roughly in the middle of B.
C is exactly in the middle of B.

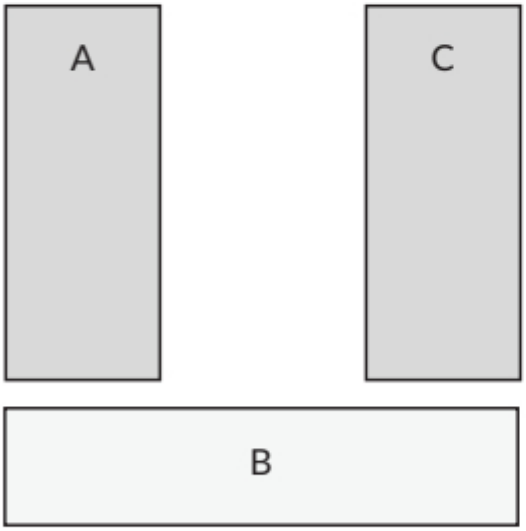

A is at right angles to/perpendicular to B.
(A vuông góc với B)
A is parallel to C. (A song song với C)

1.2 Ngôn ngữ về sự thay đổi.

Ngôn ngữ thay đổi thể hiện sự thay đổi theo thời gian của các đối tượng trong bản đồ. Phép so sánh để làm nổi bật ra sự thay đổi là điều cực kỳ quan trọng với dạng miêu tả bản đồ kép.

Thông thường những đối tượng quan trọng trên bản đồ sẽ được chú thích tên đầy đủ. Việc quan trọng người viết phải làm đó là nêu ra được sự thay đổi của từng đối tượng đó. Sau đây là một vài công cụ có thể sử dụng để miêu tả sự thay đổi của các đối tượng thường gặp trong một bản đồ:

Đối tượng	Sự thay đổi	Nghĩa	Ví dụ
Buildings	Built, constructed, erected	Được xây lên	A power plant was constructed to the east of the mine.
	Renovated, reconstructed, modernized	Được xây lại	The university library was completely renovated.
	converted, transformed (into something)	Được biến đổi thành ...	The playground was converted into a large car park.
	replaced (by something)	Được thế chỗ bởi ...	The garden was replaced by a large car park.
	relocated (to somewhere)	Được di dời tới ...	The student hall was relocated to the east of the university.
	extended, expanded	Được mở rộng	The hotel was significantly extended to a total of 70 rooms.
	demolished, knocked down, flattened	Bị dỡ bỏ	The warehouse was demolished and replaced by a garage.

Trees/Forest	cut-down, chopped down	Bị chặt hạ	The forest on the western end of the island was chopped down to make way for a hotel.
	cleared (to make way for)	Bị xóa sổ để dành chỗ cho..	
	planted	Được trồng	Many palms were planted around the villa.
Bridge, port, road, railway, etc.	constructed, built, erected	Được xây lên	A bridge across the river was erected.
	extended, expanded, widened	Được mở rộng	The main road was widened to meet the increasing demand.
	reopened	Được khôi phục	The old railway alongside the river has been reopened.
Amenities*	opened up, set up, established	Được xây dựng	A new theme park was opened just opposite the shopping mall.
	developed, expanded	Được mở rộng	The cinema was expanded with a total cost of $80,000.

***Amenities:** *something, such as a swimming pool or shopping centre, that is intended to make life more pleasant or comfortable for people. (cơ sở vật chất, tiện nghi)*

2. Phân tích bản đồ

Ví dụ:

The maps below show a school library 5 years ago and now.

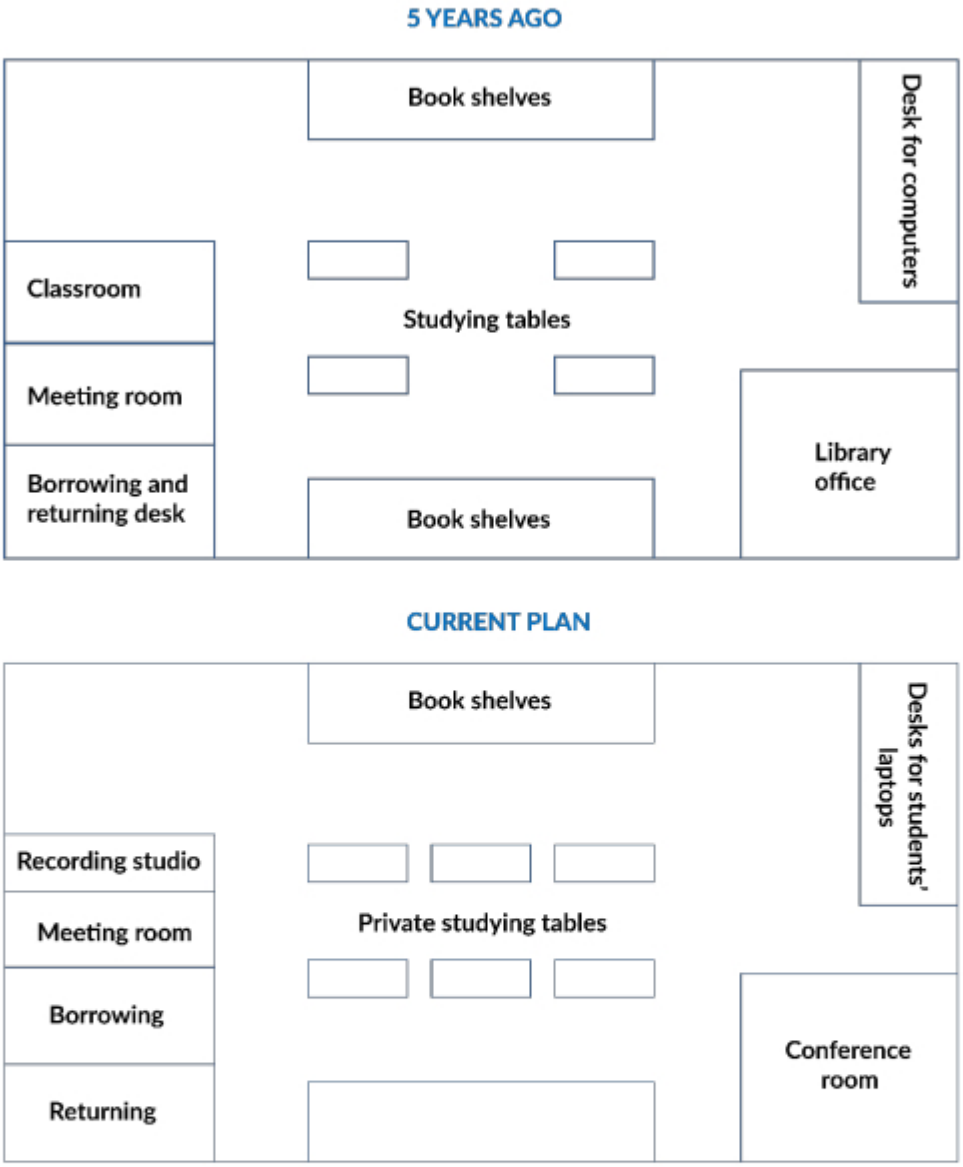

Bước 1 - Phân tích tổng quan

Bản đồ đã cho đưa ra 2 mốc thời gian là 5 năm trước và hiện tại, vì vậy chúng ta sẽ sử dụng thì hiện tại hoàn thành.

Có nhiều sự thay đổi diễn ra, nhưng Meeting Roomvà Book shelves ở phía Bắc vẫn yên vị.

Có thể chia bố cục thư viện ra thành 3 phần:

Phía Tây:

- Classroom → Recording studio
- Borrowing and returning desk → Borrowing & Returning

Trung tâm:

- Bookshelves → Desks for students' laptops
- 4 studying tables → 6 Private studying tables

Phía Đông:

- Desk for computers → Desks for students' laptops
- Library Office → Conference room

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

Overview: Bước quan trọng tiếp theo là tìm ra điểm nổi bật của bản đồ để đưa vào miêu tả trong đoạn Overview.

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau cho bước này, tuy nhiên cách đơn giản nhất là đưa ra 1 nhận xét chung về mức độ và xu hướng của sự thay đổi (Thay đổi có lớn không? Thay đổi đến từ đâu? Thay đổi để phục vụ mục đích gì?). Người viết có thể tham khảo một số mẫu Overview như sau:

• Overall, the library was totally transformed in a number of different ways to meet the increasing demand from students.

• Overall, significant changes have been made in terms of the library's interior design, especially on the western side of the library.

• In general, the library witnessed the installation of some additional services and facilities, and several areas of the library were also converted for other purposes.

Ví dụ: "Overall, significant changes have been made in terms of the library's interior design, especially on the western side of the library."

Thân bài

Thân bài 1: Chúng ta sẽ miêu tả sơ đồ thư viện từ trái qua phải, bắt đầu từ mạn phía Tây - khu vực trải qua nhiều sự thay đổi nhất:

- Một phòng thu âm được xây để thế chỗ cho khu lớp học.
- Phòng họp vẫn yên vị sau 5 năm.
- Khu mượn/trả sách được chia thành 2 phòng riêng biệt.

Thân bài 2: Tiếp tục phân tích sự thay đổi ở khu trung tâm và mạn phía Đông của thư viện:

- Có nhiều bàn tự học hơn ở khu trung tâm.
- 5 năm trước, có 2 khu giá sách, 1 ở phía Bắc và 1 ở phía Nam của thư viện. Khu

phía Nam và bàn máy tính phía Đông giờ được chuyển thành bàn laptop cho học sinh

- Văn phòng thư viện được thay thế bởi phòng hội đồng.

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The diagrams illustrate how the layout of a school library changed over a period of five years.

Overall, significant changes have been made in terms of the library's interior design, especially on the western side of the library.

A recording studio has been constructed to replace the classroom area. While the meeting room remains in the same place after five years, the space for the borrowing and returning desk has been separated into two different rooms.

In the center of the library, more private study tables have been set up for students to study at. Additionally, there were two areas for book shelves in the north and south of the library five years ago; however, the one in the south as well as the desk for computers on the eastern side of the room has been converted into desks for student's laptops. Next to this, it can be seen that the library office has been removed to make way for a new conference room.

Practice

Bài 1.

2 bản đồ sau miêu tả những thay đổi của 1 khu vực từ năm 2005 tới năm 2010.

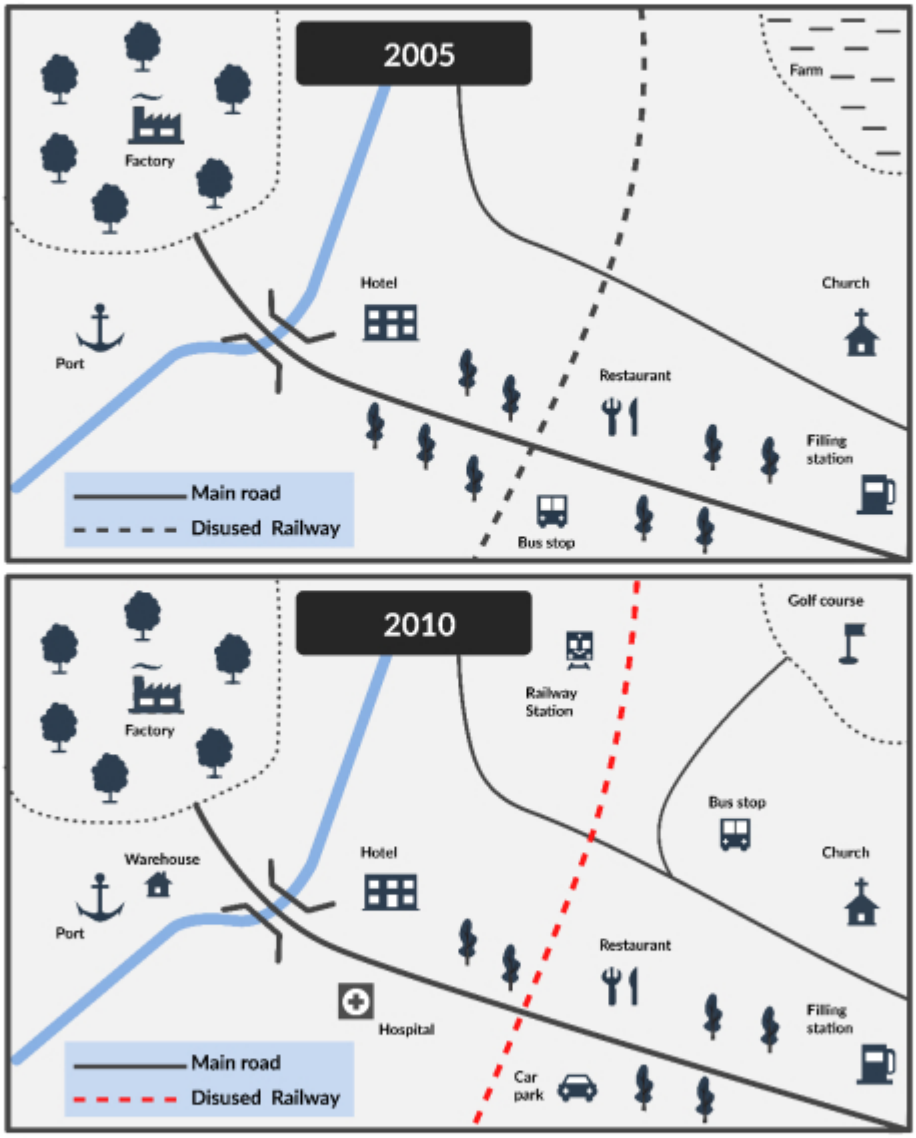

1.1 Sử dụng các cụm từ trong bảng để miêu tả vị trí các đối tượng ở bản đồ đầu tiên (2005)

perpendicular to	surrounded by
in close proximity to	directly opposite
on the top right-hand corner	to the south
halfway between	on the bottom right-hand corner

1. The farm was ..... of the map.
2. The port was ..... the factory.
3. The restaurant was ..... the bus stop.
4. The factory was ..... a lot of trees.
5. The disused railway was ..... the main road.
6. The filling station was ..... of the map.
7. The restaurant was ..... the filling station and the hotel.
8. The church was located ..... of the farm.

1.2 Sử dụng các cụm từ trong bảng để miêu tả những thay đổi thể hiện ở bản đồ thứ hai (2010)

chopped down	constructed
built (x2)	converted into
reopened	relocated to
make way for	replaced by

1. A warehouse was ..... near the port
2. The bus stop was ..... a car park and ..... a new place near the church.
3. The pine trees opposite the hotel were ..... to ..... a hospital.
4. The disused railway was ..... and a new railway station was ..... .
5. The farm was ..... a golf course.
6. A new road which leads to the golf course was .....

Bài 2.

The maps below show the changes in a town after the construction of a hydroelectric power dam.

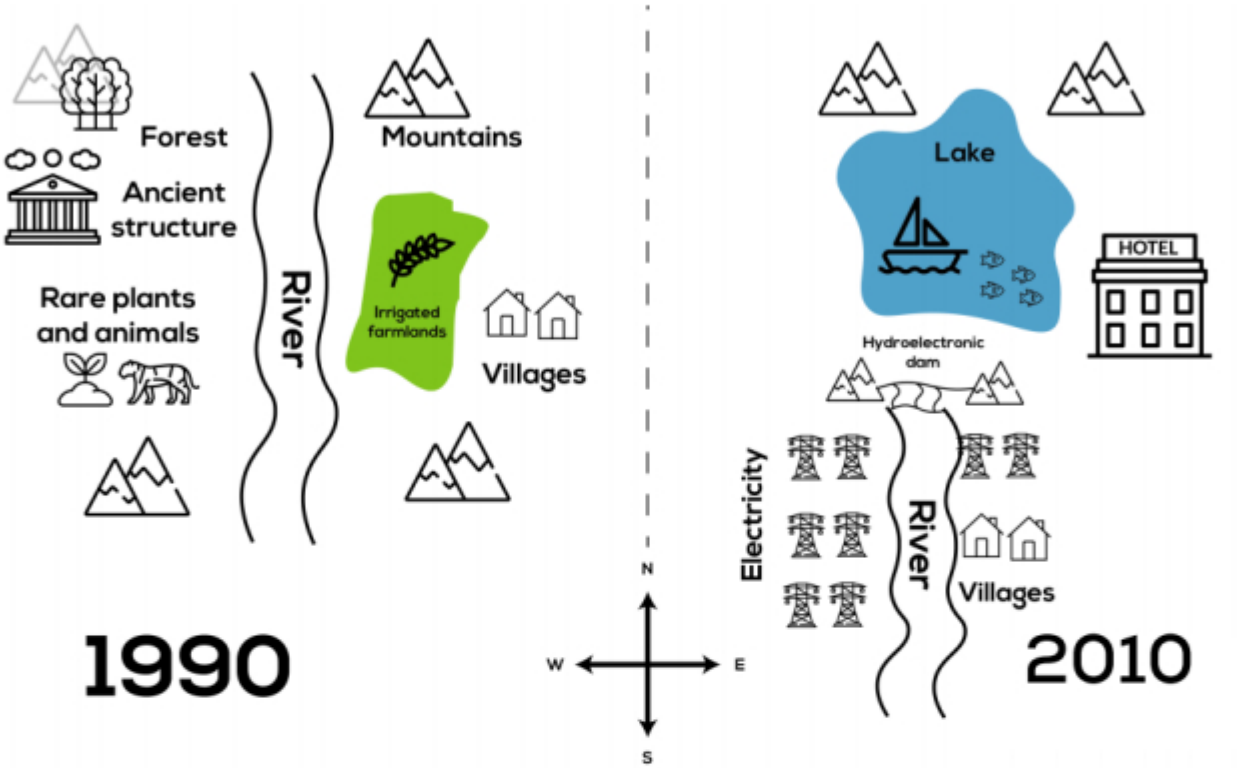

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

• Đoạn tổng quan:

.....

.....

• Thân bài:

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

.....

.....

.....

.....

Key

Bài 1.

1.1

1. on the top right-hand corner
2. in close proximity to
3. directly opposite
4. surrounded by
5. perpendicular to
6. on the bottom right-hand corner
7. halfway between
8. to the south

1.2

1. constructed
2. replaced by / relocated to
3. chopped down / make way for
4. reopened / built
5. converted into
6. built

Bài 2.

Bước 1: Phân tích tổng quát.

• Dạng bài: Map

• Đối tượng đề cập trong bài: Sự thay đổi của một thị trấn sau khi xây đập thuỷ điện.

• Đơn vị đo lường: Không có

• Thì sử dụng: Khoảng thời gian được đưa ra 1990-2010, nên chúng ta sẽ dùng thì quá khứ đơn trong bài viết.

Bước 2: Phân tích chi tiết.

Đoạn tổng quan:

• Sự thay đổi lớn nhất ở bản đồ là sự xuất hiện của hồ lớn.

• Rừng và đất nông nghiệp biến mất hoàn toàn.
Đoạn miêu tả 1: Miêu tả những đặc điểm ở nửa trên của bản đồ.
Đoạn miêu tả 2: Miêu tả những đặc điểm ở nửa dưới của bản đồ.

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The pictures illustrate a number of important changes which took place in a town afer the constructon of a hydroelectric power dam.

From the maps, it is clear that the most notceable change that occurred in the town was that of a huge lake. Additonally, the forest and farmlands had completely disappeared by 2010.

In 1990, there was an ancient structure and a forest with rare flora and fauna to the west of the river, and irrigated farmlands to the east. However, with the constructon of a dam wall, those features disappeared beneath a large lake, which also became a fshing area in 2010.

Looking at the maps in more detail, while the mountains stll existed, the villages in the far east were relocated further south of the mountains, and a large hotel was built in their place. Meanwhile, a hydroelectric power dam was constructed with a wide range of electricity pylons appearing nearby.

Lesson

6.2 Quy trình (Process)

Natural Process – Quá trình diễn ra trong tự nhiên:

Với dạng bài này, người viết thường phải miêu tả vòng đời (life cycle) của động vật/thực vật hoặc 1 chu kỳ, hiện tượng thời tiết diễn ra trong tự nhiên (vòng tuần hoàn của nước, quá trình hình thành một cơn bão, v.v.). Do tính chất trên nên các giai đoạn của một Natural Process sẽ được miêu tả bằng ngôn ngữ chủ động. Tuy vậy, dạng bài miêu tả quá trình diễn ra trong tự nhiên hầu như không xuất hiện trong kỳ thi nhiều năm trở lại đây nên sẽ không được đề cập đến trong bài này.

Manufacturing Process - Quá trình sản xuất:

Dạng bài này thường yêu cầu người viết miêu tả quá trình sản xuất của một thứ nguyên liệu hoặc một sản phẩm cụ thể nào đó. Vì vậy, các giai đoạn của một Manufacturing Process thường sẽ được miêu tả bằng ngôn ngữ bị động.

→ Thì hiện tại đơn là thì sẽ được sử dụng chủ yếu cho cả hai dạng bài trên.

1. Ngôn ngữ miêu tả quy trình:

Một trong những điểm đặc trưng nhất của dạng bài Process là sự đa dạng về từ vựng. Mỗi một Process sẽ yêu cầu một nhóm từ vựng riêng biệt và thường thì những khái niệm cụ thể, quan trọng và 'lạ' nhất sẽ được ưu tiên ghi vào biểu đồ.

Ngoài ra, việc sử dụng thành thạo các sequencing language – ngôn ngữ mô tả trình tự - cũng cực kỳ quan trọng. Khả năng vận dụng tốt các công cụ này sẽ có tác dụng lớn trong việc cải thiện không chỉ tiêu chí coherence & cohesion mà còn với tiêu chí lexical resources.

Các sequencing language sử dụng với dạng Process được chia thành 2 loại chủ yếu:

Loại 1: Mô tả mối quan hệ Trước – Sau:

- ***First(ly) – Then – Next -....- Final(ly)***

  - At the first stage of the paper-recycling process, recycled paper is collected.
  - Then, some water is added and the mixture is left for an hour.
  - Finally, the new paper is left to dry in a warm place for at least 24 hours.

● ***After/Before***

- Some water is added and the mixture is soaked for an hour. After that, the mixture is beaten for about 45 seconds until a pulp is formed.
- After being soaked for an hour, the mixture is beaten for about 45 seconds until a pulp is formed.
- Before being beaten for about 45 seconds to form a pulp, the mixture is left for an hour.
- The mixture is beaten for about 45 seconds and a pulp is formed afterwards.

Lưu ý: afterwards (adv) chỉ được dùng ở cuối câu và có nghĩa tương tự 'after that'.

● ***Following/Followed by:***

- The mixture is beaten for about 45 seconds and a pulp is formed afterwards. At the following stage, the pulp is poured into a shallow tray and some water is also added. It is then mixed by hand.
- At the following stage, the pulp is poured into a shallow tray and some water is also added. This is followed by a hand-mixing process.

Lưu ý: 'followed by' chỉ được sử dụng cùng một danh từ ở sau. Cần cân nhắc cẩn thận trước khi dùng.

● ***Once:***

- The mixture is beaten for about 45 seconds and a pulp is formed afterwards. Once it is ready, the pulp is poured into a shallow tray.

● ***Subsequent/Subsequently:***

- The mixture is soaked for an hour. Subsequently, the mixture is beaten for about 45 seconds until a pulp is formed.
- The mixture is soaked for an hour and is subsequently beaten for about 45 seconds until a pulp is formed.
- At the subsequent stage of the process, the mixture is soaked for an hour.

● ***'Having + Verb participle':***

- Having mixed the pulp by hand, he uses a rolling pin to flatten the pulp. (chủ động)
- Having been poured into a shallow tray with some water, the pulp is then mixed by hand (bị động).

Loại 2: Mô tả mối quan hệ xảy ra đồng thời:

- ***During:***
  - During its entire life cycle, salmon have lived in both freshwater and saltwater.
- ***Thereby:***
  - The rolling pin is used to flatten the pulp, thereby forcing out any excessive water.
- ***While/at the same time:***
  - While the mixture of sand and soda is being heated, some other chemicals are added to create various colors.
  - The mixture of sand and soda is heated. At the same time, some other chemicals are added to create various colors.
  - Sand and soda are mixed and heated at the same time.

2. Quy trình sản xuất

Ví dụ.

The diagram below shows the process of waste paper recycling.

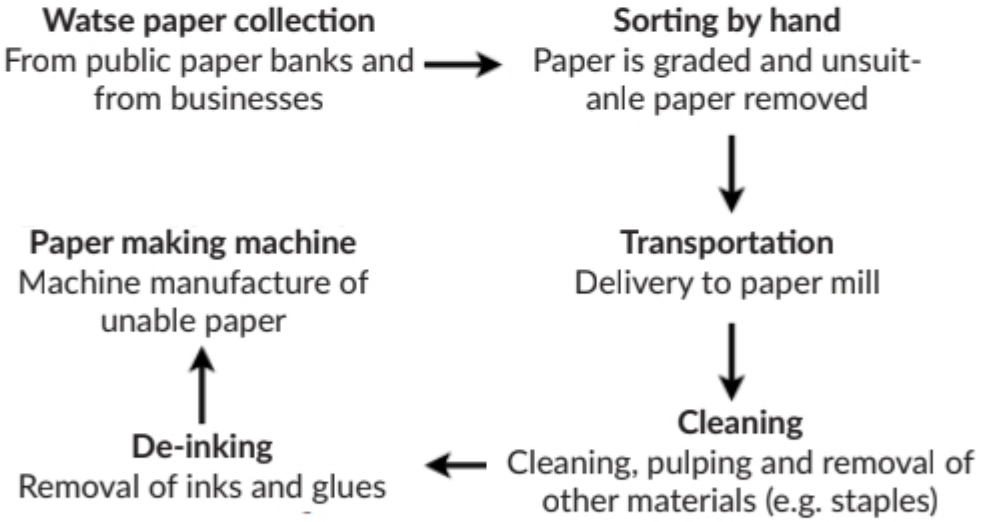

Bước 1 - Phân tích tổng quan

Việc đầu tiên người viết cần làm là xác định số lượng các giai đoạn và trình tự sắp xếp của các giai đoạn đó. Nhìn vào sơ đồ trên, chúng có thể dễ dàng nhận ra được điều này:

- **Giai đoạn 1:** Thu thập giấy rác
- **Giai đoạn 2:** Phân loại bằng tay
- **Giai đoạn 3:** Vận chuyển

- **Giai đoạn 4:** Làm sạch
- **Giai đoạn 5:** Khử mực
- **Giai đoạn 6:** Tái sản xuất

Bước 2 - Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- **Đoạn tổng quan:**

Cách đơn giản nhất để viết Overview là: chỉ ra số lượng các giai đoạn cùng với điểm bắt đầu/kết thúc của quá trình cần miêu tả.

- **Đoạn thân bài**

Đoạn 1 sẽ miêu tả 3 giai đoạn (1), (2) và (3) (giấy được thu gom, phân loại và vận chuyển)
Quá trình tái chế giấy đã qua sử dụng bắt đầu bằng việc thu gom giấy rác từ ngân hàng công cộng và các công ty. Số giấy được thu gom sau đó được phân loại bằng tay dựa theo cấp độ và trong quá trình này, những loại giấy không phù hợp sẽ được loại bỏ. Ở bước tiếp theo, giấy đã phân loại được vận chuyển tới nhà máy giấy.
Đoạn 2 tập trung vào các giai đoạn (4), (5) và (6) (giấy được làm sạch, khử mực và tái sản xuất).
Sau khi được vận chuyển tới nhà máy, giấy được làm sạch và giã thành hỗn hợp bột. Tạp chất được loại bỏ trong quá trình làm sạch này. Mực và keo dán cũng được khử ra khỏi giấy ở quá trình làm sạch tiếp theo. Cuối cùng, hỗn hợp bột được xử lí trong máy sản xuất giấy và sản phẩm cuối cùng là giấy tái chế được hoàn thành.

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The diagram illustrates the process by which waste paper is recycled.

Overall, it can be seen the process involves six main stages, starting with the collection of waste paper from various sources and ending with the reproduction of usable paper.

The process of recycling used paper starts by collecting waste paper either from public paper banks or from companies. This collected paper is then categorized by hand according to its grade and during this process, unsuitable paper is removed. At the following stage, sorted paper is delivered to a paper mill.

After being transported to the mill, the paper is then cleaned and turned into a pulp mixture. Foreign matters such as staples are taken out during this cleaning process. This is followed by another cleaning stage where ink and glue are removed. Finally, the pulp is treated in a machine and the final product, usable paper, is made.

Practice

Bài 1.

The diagram below shows the production of olive oil

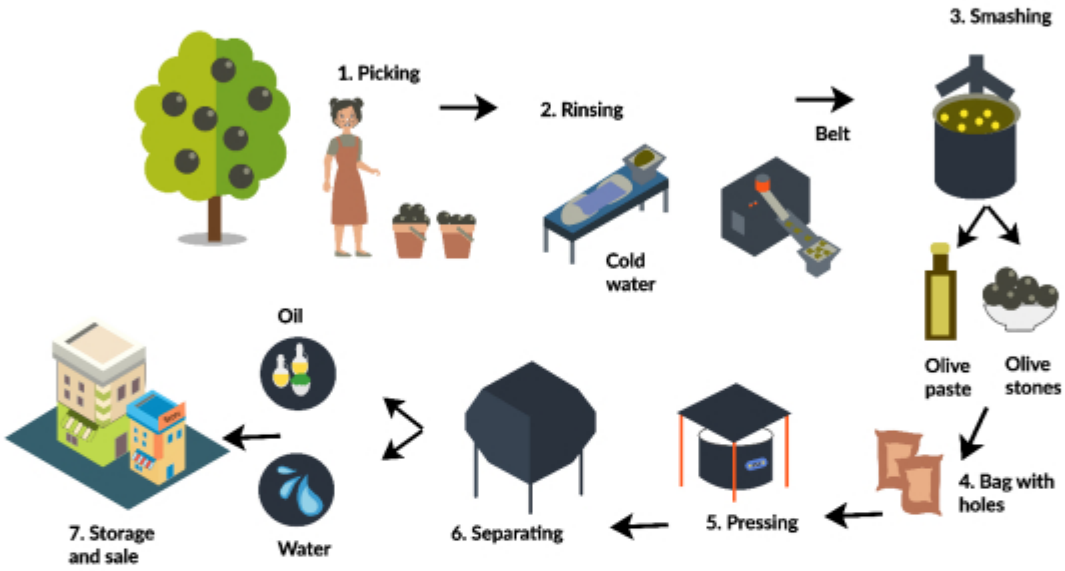

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

- Đoạn tổng quan:

.....

.....

- Thân bài:

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

.....

.....

.....

.....

Bài 2.

The diagrams below show the water supply system in Australia at present and in the future

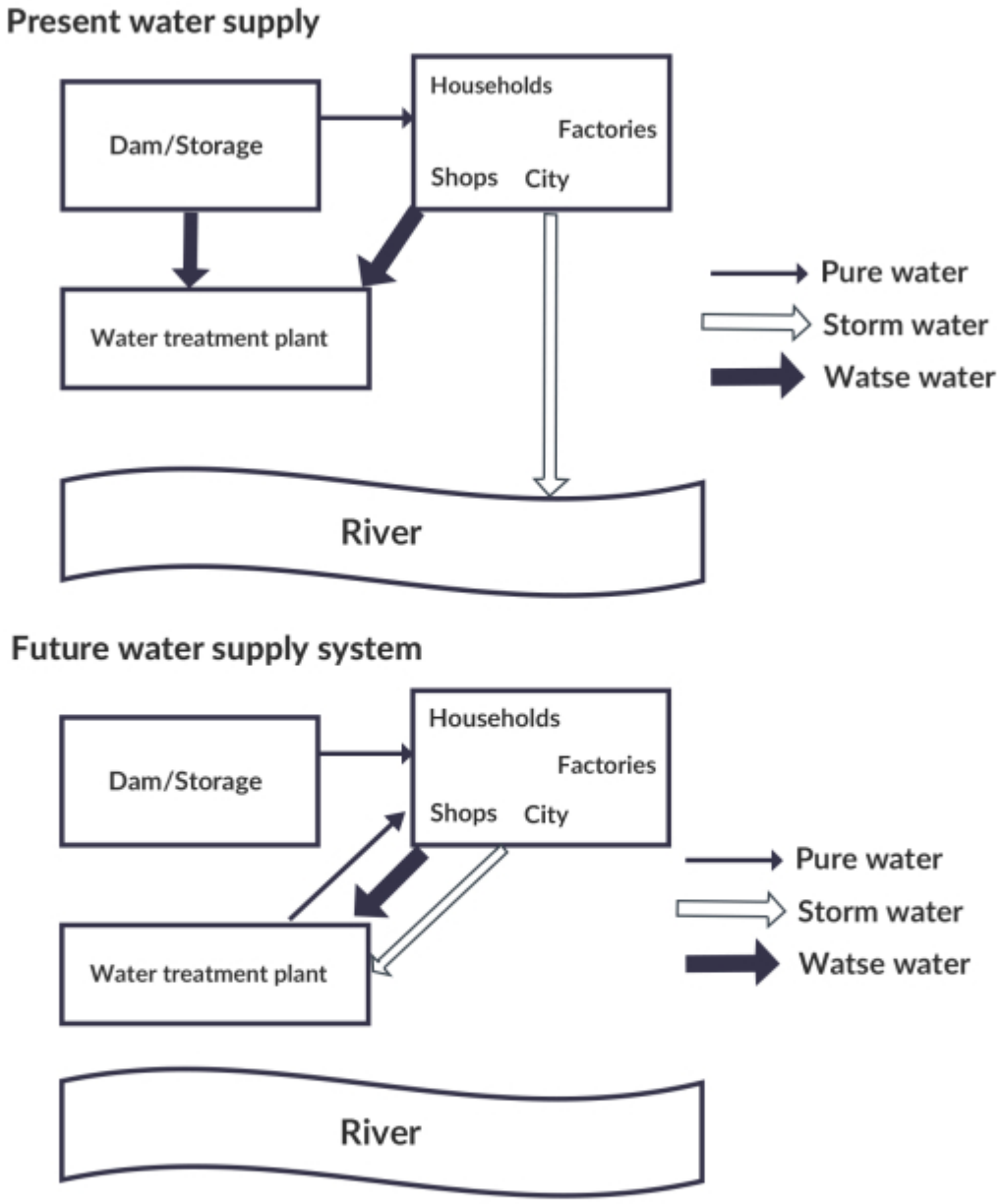

Bước 1: Phân tích tổng quát

.....

.....

Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

• Đoạn tổng quan:

.....

.....

• Thân bài:

.....

.....

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

.....

.....

.....

.....

Key

Bài 1

Bước 1: Phân tích tổng quát

• Tổng số bước: 7

• Bước đầu tiên: thu hoạch trái cây chín

• Bước cuối cùng: đóng gói và bán sản phẩm hoàn thiện

Bước 2 : Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

• Đoạn tổng quát: đưa ra các thông tn tổng quan của quy trình, bao gồm tổng số bước, bước đầu tên và bước kết thúc.

• Đoạn thân bài 1: mô tả chi tết từ bước một (thu hoạch hạt ô liu) đến hết bước thứ ba (tách hạt ô liu).

Đoạn thứ nhất chúng ta bắt đầu bằng việc thu hoạch quả olive chín bởi người nông dân, sau đó olive được rửa qua nước lạnh, trước khi được sàng lọc bớt những phần thừa như lá cây, cặn. Tiếp theo, olive khi đã được làm sạch sẽ được nghiền nát thành paste, trong khi đó olive stones sẽ bị loại bỏ.

• Đoạn thân bài 2: mô tả chi tết các bước còn lại, từ việc đưa hạt ô liu đã tách hạt vào túi thoáng đến việc sử dụng dầu ô liu cho mục đích têu thụ hoặc cất giữ.

Đoạn thứ hai bắt đầu từ bước cho phần olive paste vào trong bịch có đục lỗ. Sau đó, olive paste sẽ được ép để lấy dầu và được cho vào lồng hấp để loại bỏ hơi nước và thu lại tnh dầu. Cuối cùng, dầu olive sẽ được phân phối hoặc lưu trữ trong cửa hàng hoặc siêu thị.

Bước 3: Hoàn thiện bài viết

The diagram illustrates the process by which olive oil is produced.

Overall, this process is comprised of seven stages, from the harvesting of the mature fruit from olive trees, to the packaging and sale of the finished product.

Initally, ripe olives are harvested from trees by farmers and then taken to a rinsing ma-

chine where they are washed in cold water. Afer being rinsed, the olives are transferred via conveyor belts to another machine which grinds the olives to separate the fruit from the seeds. During this stage, the olives are ground into a paste, and the olive stones are removed.

The olive paste is then placed in a type of perforated bag before being put through a pressing machine, followed by another process where any excess water is separated from the oil. And finally, the olive oil is packaged and delivered to shops where it can be sold.

Bài 2

Bước 1: Phân tích tổng quát

• Dạng bài: Process

• Đối tượng đề cập: quá trình cung cấp nước ở Úc hiện tại và tương lai

• Thì sử dụng: hiện tại đơn (present), cấu trúc phỏng đoán (future)

Bước 2: Phân tích chi tiết

• Đoạn tổng quát: đưa ra đặc điểm nổi bật của biểu đồ

Câu đầu tên: biểu đồ mô tả hệ thống cung cấp nước của Úc đang hoạt động và kế hoạch đổi mới trong tương lai

• Câu thứ hai: Trong tương lai, hệ thống cung cấp nước được dự đoán sẽ có thêm việc tái sử dụng nước trong thành phố.

• Đoạn thân bài 1: Miêu tả quá trình cung cấp nước ở hiện tại.

Nước sạch chuyển vào thành phố và được nhà dân, cửa hàng ,nhà máy sử dụng.

Từ thành phố nước mưa chuyển đến sông ,và nước thải từ đó cũng được qua quá trình xử lí rồi sau đó đổ ra sông.

• Đoạn thân bài 2: Miêu tả quá trình cung cấp nước ở tương lai.

Tương tự như ở hiện tại, nước sạch chuyển vào thành phố và được nhà dân, cửa hàng ,nhà máy sử dụng.

Từ thành phố nước mưa và nước thải sẽ được chuyển trực tếp qua quá trình xử lí và sau đó nước đã xử lí sẽ được đưa vào thành phố để sử dụng. Trong tương lai sẽ không còn đổ nước ra sông nữa.

Bước 3: Hoàn thành bài viết

The diagrams illustrate how the water supply system in Australia currently works and the plan for the future changes.

Overall, the most notceable change in the future water supply system is the recycling process of water for use in the city.

Looking at the present water supply system plan, pure water is stored in a dam before being transferred to a city to be used by households, shops and factories. From the city, storm water goes straight into the river whereas waste water is sent to the water treatment plant. Afer being processed, it is safe to be released into the river.

Regarding the future water supply system, it can be seen that the storage of pure water in the dam and its usage in the city are planned to remain unchanged. However, both storm water and waste water from the city will be directly pumped to the water treatment plant for processing. Afer that, they will both be recycled back for use in the city. Also, there will be no water released into the river.

Part 2
IELTS
Writing Task 2

Chapter 1. Paragraph

Unit

1 Cấu trúc một đoạn văn

Một đoạn văn tốt cần có 2 yếu tố sau:

1. Câu mở đoạn

Đây là câu đầu tiên của một đoạn.
Câu mở đoạn khái quát ý chính và nội dung mà người viết muốn triển khai trong đoạn.
Câu mở đoạn thường ngắn, đơn giản và đi thẳng vào vấn đề.

2. Câu triển khai ý

Những câu triển khai ý được dùng để phân tích và phát triển ý đã được đưa ra ở câu mở đoạn.
Những chi tiết được đưa vào những câu này cần liên quan, logic, và cụ thể.
Một số chi tiết có thể đươc dùng để phân tích và phát triển ý:

- Lý do
- Ví dụ
- Sự thật
- Giả thuyết
- So sánh
- Kết quả

→ Một đoạn thường có 4 đến 5 câu.
→ Một đoạn không cần câu kết bài.

Lesson

1.1 Câu chủ đề

1. Cấu trúc chung của các câu chủ đề

Câu chủ đề của đoạn văn bao gồm hai phần sau:

Chủ đề chung của bài văn + Ý tưởng trung tâm

Ví dụ, với đề bài sau: What are the advantages and disadvantages of cycling?

→ Chủ đề của đoạn văn nói về lợi ích của việc đi xe đạp là:

Cycling is **beneficial in several ways**

Chủ đề chung của bài văn

Ý tưởng trung tâm của đoạn văn

2. Cách viết câu chủ đề

Dựa vào cấu trúc ở trên, để viết một câu chủ đề, người học cần xác định được:

- Đối tượng / chủ đề chung trong bài văn là gì?
- Ý tưởng trung tâm của đoạn văn là gì? - Ý tưởng trung tâm phải trả lời được câu hỏi nêu ra trong đề bài.

Ví dụ: *The tradition of families getting together to eat meals is disappearing. What are the reasons?*

- Chủ đề chung của bài văn: sự biến mất của truyền thống ăn uống cùng gia đình.
- Ý tưởng trung tâm của đoạn văn: các lý do dẫn đến vấn đề trên.

→ Câu chủ đề của đoạn văn: Members in modern families are having fewer meals together due to several reasons.

Practice

Điền thông tin vào chỗ trống

1. The tradition of families getting together to eat meals is disappearing. What are the impacts?

- *Chủ đề chung của bài văn:* sự biến mất của truyền thống ăn uống cùng gia đình.
- *Ý tưởng trung tâm của đoạn văn:* các ảnh hưởng cả tích cực và tiêu cực của vấn đề trên.

→ *Câu chủ đề của đoạn văn:* .....

.....

2. Nowadays, some employers think that formal academic qualifications are more important than life experience or personal qualities when they look for new employees. Is it a positive or negative development?

- *Chủ đề chung của bài văn:* .....

.....

- *Ý tưởng trung tâm của đoạn văn:* các ảnh hưởng mang tính tích cực.

→ *Câu chủ đề của đoạn văn:* .....

.....

3. Some people believe that it is more important to teach children the literature of their own country than other countries. Do you agree or disagree?

- *Chủ đề chung của bài văn:* so sánh việc dạy trẻ em học văn học trong nước và văn học nước ngoài
- *Ý tưởng trung tâm của đoạn văn:*.....

.....

→ *Câu chủ đề của đoạn văn:* .....

.....

4. The best way to ensure the growth of children is to make parents take parenting courses. Do you agree or disagree?

- *Chủ đề chung của bài văn:* .....

.....

- *Ý tưởng trung tâm của đoạn văn:* Đây có thể là một cách tốt.

→ *Câu chủ đề của đoạn văn:* .....

.....

5. Some people think that developing countries need financial help from international organizations. Others think that it is practical aid and advice that is needed. Discuss these views and give your own opinion.

- *Chủ đề chung của bài văn:* .....

.....

- *Ý tưởng trung tâm của đoạn văn:* Còn những phương pháp khác có cùng hiệu quả thay vì cung cấp hỗ trợ tài chính.

→ *Câu chủ đề của đoạn văn:* .....

.....

6. People have little understanding of the importance of the natural world. What are the reasons and how can people learn more about the natural world?

- *Chủ đề chung của bài văn:* .....

.....

- *Ý tưởng trung tâm của đoạn văn:* lý do của vấn đề này

→ *Câu chủ đề của đoạn văn:* .....

.....

7. In many countries, people like to eat a wider range of foods than can be grown in their local place. Therefore, much of the food people eat today has to come from other regions. Do you think the advantages of this development outweigh disadvantages?

- *Chủ đề chung của bài văn:* .....

.....

- *Ý tưởng trung tâm của đoạn văn:* .....

.....

→ *Câu chủ đề của đoạn văn:* .....

.....

8. Advertising are becoming more and more common in everyday life. Some people say that advertising has a positive impact on our lives. To what extent do you agree or disagree?

- *Chủ đề chung của bài văn:* .....

.....

- *Ý tưởng trung tâm của đoạn văn:* .....

.....

→ *Câu chủ đề của đoạn văn:* .....

.....

9. International tourism has brought enormous benefit to many places. At the same time, there is concern about its impact on local inhabitants and the environment. Do the disadvantages of international tourism outweigh the advantages?

- *Chủ đề chung của bài văn:* .....

.....

- *Ý tưởng trung tâm của đoạn văn:* .....

.....

→ *Câu chủ đề của đoạn văn:* .....

.....

10. People say that reading for pleasure helps people to develop imagination and better language skills than watch TV. To what extent do you agree or disagree?

- *Chủ đề chung của bài văn:* .....

.....

- *Ý tưởng trung tâm của đoạn văn:* .....

.....

→ *Câu chủ đề của đoạn văn:* .....

.....

Key

1. *The loss of such a tradition has both positive and negative impacts on people.*
2. *The emphasis on formal degrees amongsth recruiters will bring about some positive effects on society as a whole.*
3. *On the one hand, locally written works come with numerous benefits to students.*
4. *Parenting courses could help parents deal with raising their children.*
5. *I do agree that other forms of assistance should be given rather than financial aid.*
6. *In modern societies, most people have a severe lack of understanding when it comes to the role that nature plays in their lives, and this can be attributed to a number of reasons.*
7. *The use of food from other places comes with a number of disadvantages.*
8. *Widespread advertising can have some negative consequences that are worthy of consideration.*
9. *There are a number of drawbacks that arise from the expansion of a country's tourism industry.*
10. *Watching TV does little to enhance people's imagination and language skills.*

Lesson

1.2 Các câu phát triển ý

Các các lý lẽ và dẫn chứng được sử dụng để làm rõ và chứng minh các lập luận và ý tưởng trung tâm.

6 loại lý lẽ và dẫn chứng phổ biến trong Writing Task 2

1. Lý do

Mục đích: làm rõ nguồn gốc của vấn đề.

Ví dụ:

• *Many people cannot spend as much time with other family members as they did in the past* ***because they have other things to take care of apart from family.***

• *More people are gaining access to tertiary education remotely* ***thanks to the easy availability of Internet.***

Cấu trúc thường sử dụng:

- ... because/since/as + (S+V)
- This is because + (S+V);
- ... due to/ thanks to/ owing to + N;
- This stems from + N.

2. Sự thật

Mục đích: làm rõ vấn đề bằng một tình huống mà nhiều người đã trải qua hoặc một tình trạng chung.

Ví dụ:

• *Internet allows more convenience for learners.* ***With a device connected to the Internet, a person can attend virtual classrooms and learn remotely instead of having to travel a long way to school.***

Cấu trúc thường sử dụng:

- In fact, + (S+V);
- As a matter of fact, + (S+V).

3. Ví dụ

Mục đích: giúp người đọc hình dung và/hoặc chứng minh lập luận bằng một trường hợp cụ thể.

Lưu ý: Không nên lấy ví dụ các trường hợp như người thân trong gia đình hoặc người quen (VD: chú tôi, em tôi, bạn tôi) vì không thể kiểm chứng.

Ví dụ:

• *Many people cannot spend as much time with other family members as they did in the past because they have other things to take care of apart from family,* ***such as their career and their social relationships.*** *(giúp người đọc hình dung)*

• *One solution to air pollution is filtering the air to remove pollutants.* ***Singapore, for example, has successfully developed an industrial air purifier system which take in smokes and toxic fumes from factories and release filtered, fresh air into the atmosphere. Thanks to this process, Singaporeans can enjoy clean air while still being able to carry out industrial activities.*** *(Giúp người đọc hình dung thông tin trong lập luận và chứng minh tính hiệu quả)*

Cấu trúc thường sử dụng:

- such as/ like + N;
- For example/ For instance, + (S+V).

4. Kết quả

Mục đích: chứng minh lập luận là đúng đắn bằng cách đưa ra hiệu quả/hậu quả.

Ví dụ:

• *People nowadays have many things to take care of apart from family, such as their career and their social relationships.* ***As a result, they tend to neglect other family members, which eventually weaken the family ties.***

• *One solution to air pollution is filtering the air to remove pollutants. Singapore, for example, has successfully developed an industrial air purifier system which take in smokes and toxic fumes from factories and release filtered, fresh air into the atmosphere.* ***Thanks to this process, Singaporeans can enjoy clean air while still being able to carry out industrial activities.***

Cấu trúc thường sử dụng:

- As a result/ Therefore/ Hence, + (S+V);
- As a consequence, + (S+V) (thường nói về hậu quả);
- Eventually, + (S+V) (nói về kết quả xảy ra sau một khoảng thời gian, không phải kết quả tức thì);
- This results in/ leads to + N
- ..., which results in/ leads to + N.
- Thanks to this..., (S+V).

5. So sánh

Mục đích: so sánh hai đối tượng để thấy sự tương đồng hoặc sự khác biệt.

Ví dụ:

• *Cycling is beneficial to our health.* ***Compared with users of other forms of transports, cyclists are less prone to various cancers.***

• *Learners in offline classrooms are better supported. Upon attending class, learners can receive immediate responses from teachers when they encounter learning difficulties,* ***while it takes them much longer time and more effort to seek help on an online platform.***

Cấu trúc thường sử dụng:

- While + (S+V)...
- Compared to + N, + (S+V).

6. Giả thuyết

Mục đích: Đưa giả định để cho thấy tầm quan trọng của đối tượng/ giải pháp.

Ví dụ:

• *Parental guidance is key to the development of a child.* ***Without such guidance, children will not be able to tell right from wrong or have basic manners.***

• *Job satisfaction is an important factor in job choosing.* ***If an employee is unsatisfied with their working condition, perks, and other elements of career fulfilment, they will lose interest in their work and eventually perform tasks less efficiently.***

Các cấu trúc thường sử dụng:

- If + (S+V)...
- Unless + (S+V)...
- With/ Without + N, S will...

Practice

1. Đặt câu theo các yêu cầu và gợi ý dưới đây.

1. *Viết giả thuyết để chứng minh tầm quan trọng của giáo viên đối với sự tiến bộ trong học tập của học sinh.*

Without.....

.....

.....

2. *Viết ví dụ về một đất nước có nền giáo dục tốt và không yêu cầu học sinh phải làm bài tập về nhà.*

For example,.....

.....

.....

3. *Viết một câu về điểm tiện lợi của việc học online khi so sánh với việc học offline.*

Compared with.....

.....

.....

4. *Hậu quả về sức khỏe của việc học quá nhiều.*

Learning excessively.....

.....

.....

5. *Tình trạng học sinh bị quá nhiều áp lực đến từ nhiều nguồn hiện nay.*

These days,.....

.....

.....

2. Viết 1 – 3 câu lý lẽ và dẫn chứng cho các câu chủ đề theo yêu cầu và gợi ý dưới đây:

Ví dụ

Câu chủ đề: The lack of family meals may take its toll on family relationships.

Phân tích: Các lý lẽ và dẫn chứng cho topic sentence trên phải chứng minh được ảnh hưởng xấu của "sự thiếu hụt bữa ăn gia đình" và "mối quan hệ gia đình".

Lên kế hoạch:

- Đưa ra một sự thật để cho thấy thời gian gặp mặt gia đình là hiếm hoi.
- Đưa ra giả thuyết để cho thấy sự tai hại của việc không có bữa ăn gia đình đối với thành viên trong gia đình. (làm giảm sự gắn kết tình cảm)
- Làm rõ hơn ảnh hưởng của việc "không có bữa ăn gia đình" với "mối quan hệ". (khiến người trong nhà không quan tâm nhau hoặc gây xung đột)

Viết các supporting sentences:

The lack of family meals may take its toll on family lationships.....

Gợi ý: *The lack of family meals may take its toll on family relationships. In the modern age, more often than not, the only time people have left to spend with their family in a day is meal time, so if this bonding activity is also taken for granted, many people will feel less emotionally attached to other family members. This will eventually turn into neglect or conflicts, and if mishandled, this loss of tradition could damage the connection within the family.*

1. **Câu chủ đề:** *Recruiters tend to favour academic degrees because such qualifications are considered to be a tool to measure the level of knowledge that students possess.*

Phân tích: Các lý lẽ và dẫn chứng phải làm rõ được

Lên kế hoạch:

- Đưa ra một sự thật để cho thấy những thử thách khó khăn mà sinh viên phải trải qua để đạt bằng cấp. (vượt qua nhiều kì thi và nhiều áp lực)
- Đưa ra một sự thật để cho thấy nhận định về giá trị của bằng cấp trong việc đánh giá thực lực của sinh viên. (cho thấy họ có kiến thức vững chắc, cho thấy họ có khả năng chống chọi áp lực)

Viết các câu phát triển luận điểm:

Recruiters tend to favour academic degrees because such qualifications are considered

to be a tool to measure the level of knowledge that students possess .....
.....
.....
.....
.....

2. Câu chủ đề: *On the one hand, locally written works are beneficial for students as these pieces of art can enrich student's skills to use their own language.*

Phân tích: Các lý lẽ và dẫn chứng phải làm rõ được .....
.....và chứng minh các tác phẩm địa phương .....mang lại lợi ích bằng cách cung cấp

Lên kế hoạch:

- Đưa ra các ví dụ về những kiến thức tiếng mẹ đẻ mà trẻ em có thể học được thông qua việc đọc các tác phẩm văn học trong nước (ví dụ như cú pháp câu, cách diễn đạt linh hoạt).
- Đưa ra một tác dụng (kết quả) của việc giỏi ngôn ngữ mẹ đẻ. (ý tưởng sẽ trở nên thuyết phục nếu có tác dụng thực tiễn)

Viết các câu phát triển luận điểm:

On the one hand, locally written works are beneficial for students as these pieces of art can enrich student's skills to use their own language .....
.....
.....
.....
.....

3. Câu chủ đề: *Parenting courses could equip parents with necessary skills and knowledge to help them deal with raising their children.*

Phân tích: Các lý lẽ và dẫn chứng phải làm rõ được .....
.....và chứng minh .....

Lên kế hoạch:

- Lấy ví dụ về một đối tượng cha mẹ cụ thể (VD: lần đầu tiên làm cha mẹ) và đưa ra vấn đề họ gặp phải khi nuôi con.
- Từ đó, đưa ra tác dụng của các khóa học dạy làm cha mẹ.

Viết các câu phát triển luận điểm:

Parenting courses could equip parents with necessary skills and knowledge to help them deal with raising their children .....
.....
.....
.....
.....

4. Câu chủ đề: *The provision of financial assistance to developing countries brings great economic impacts.*

Phân tích: Các lý lẽ và dẫn chứng phải làm rõ được các hỗ trợ tài chính đem lại những gì cho các nước đang phát triển và từ đó chứng minh được ảnh hưởng tích cực đến nền kinh tế của các nước này.

Lên kế hoạch:

- Viết một sự thật về .....
- Viết một kết quả về .....

Viết các câu phát triển luận điểm:

Parenting courses could equip parents with necessary skills and knowledge to help them deal with raising their children .....
.....
.....
.....
.....

5. **Câu chủ đề:** *Our lack of understanding of the environment's roles in our lives may come from this type of knowledge not being taught at schools.*

Phân tích: Bản thân ý tưởng đã đưa ra lý do rõ ràng cho vấn đề. Nhiệm vụ của người viết là làm rõ hơn ý tưởng để người đọc dễ hình dung.

Lên kế hoạch:

- Viết một sự thật về .....
- Viết một kết quả về .....

Viết các câu phát triển luận điểm:

Our lack of understanding of the environment's roles in our lives may come from this type of knowledge not being taught at schools .....

.....

.....

.....

.....

6. **Câu chủ đề:** *The availability of a vast array of foods from other regions allows people to experience a range of cuisines without leaving their own town or city.*

Phân tích: Các lý lẽ và dẫn chứng được sử dụng để làm rõ và chứng minh việc có nhiều đồ ăn ở các khu vực khác giúp mọi người ăn ngon mà không phải đi xa.

Lên kế hoạch:

- Viết một sự thật về .....
- Viết một kết quả về .....

Viết các câu phát triển luận điểm:

The availability of a vast array of foods from other regions allows people to experience a range of cuisines without leaving their own town or city .....

.....

.....

.....

.....

7. Câu chủ đề: *Widespread advertising can have several negative consequences.*

Phân tích: Cần đưa ra ít nhất 2 tác hại của việc quảng cáo rộng rãi. Sau đó, cần làm rõ và chứng minh từng tác hại.

Lên kế hoạch:

- Tác hại 1: Thông tin trong quảng cáo có thể không chính xác.
  - *Đưa lý do tại sao quảng cáo không chính xác.*
  - *Ảnh hưởng của việc này.*
- Tác hại 2: Quảng cáo làm giá sản phẩm tăng lên.
  - *Tại sao quảng cáo làm giá sản phẩm tăng.*
  - *Ảnh hưởng của việc này.*

Viết các câu phát triển luận điểm:

Widespread advertising can have several negative consequences .....

.....

.....

.....

.....

.....

8. Câu chủ đề: *However, there are a number of drawbacks that arise from the expansion of a country's tourism industry.*

Viết các câu phát triển luận điểm:

However, there are a number of drawbacks that arise from the expansion of a country's tourism industry .....

.....

.....

.....

.....

.....

9. Câu chủ đề: *Reading for enjoyment can help people to develop their imagination and improve their language skills in many ways.*

Viết các câu phát triển luận điểm:

Reading for enjoyment can help people to develop their imagination and improve their language skills in many ways. Firstly, ...
.....
.....
..... Secondly, ...
.....
.....
.....
.....

Key

Bài 1

1. Without the teachers' support, students may not comprehensively understand their lessons and as a result may make no progress in their learning.

2. For example, Finland – an European country – is known for its no-homework education system. However, this does not affect the academic performance of Finnish children, as Finland's system focuses more on other factors in developing children's ability rather than academic achievements.

3. Compared with traditional classes, online ones provide learners with more learning materials and virtual assistance.

4. Excessive learning is one of the causes of exhaustion and memory loss.

5. These days, students are under a huge amount of pressure from their parents' expectations and their peers' academic achievements.

Bài 2

1. Recruiters tend to favour academic degrees because such qualifications are considered to be a tool to measure the level of knowledge that students possess. To be more specific, to achieve a good degree in most universities, students need to pass many examinations focusing on testing their knowledge and take part in practical training courses. These factors ensure that students have gained sufficient in-depth knowledge in the field that the company is looking for. That is why recruiters place higher value on employers holding formal academic qualifications.

2. On the one hand, locally written works are beneficial for students as these pieces of art can enrich student's skills to use their own language. Indeed, through learning literature of their mother tongue, students can learn the art of using the language such as the flexibility in the vocabulary highlights used, the syntax of sentences, different ways to convey ideas. Hence, linguistic knowledge will gradually be built up

and benefit the students not only in their study but also in social communication.

3. Parenting courses could equip parents with necessary skills and knowledge to help them deal with raising their children. For example, many first-time parents can be overwhelmed by the responsibility of caring for their new born infant. Without proper instruction, they do not know how to handle or care for their baby most effectively. Parenting courses could help parents to overcome these common problems.

4. The provision of financial assistance to developing countries brings great economic impacts. As a matter of fact, financial aid from developed countries enables governments of poorer nations to implement important infrastructural development, such as healthcare systems, fresh water and power supplies. This can help to avoid stagnation of development and help a country to foster economic progress.

5. Our lack of understanding of the environment's roles in our lives may come from this type of knowledge not being taught at schools. For example, biology is not one of the subjects that holds great importance in most schools these days.

6. The availability of a vast array of foods from other regions allows people to experience a range of cuisines without leaving their own town or city. For example, some kinds of nutrient-rich berries that can only be grown in Asia can now be enjoyed by people all over the world. Similarly, people in Vietnam who, in the past, had to travel a long way to Japan to eat fresh salmon, which were not bred in Vietnam, can now have this dish in their own place of living.

7. Widespread advertising can have several negative consequences. First, the information delivered in advertisements is not always accurate, as many companies exaggerate the features of their products in order to draw attention from the public. As a result, consumers are likely to receive products of much lower quality than advertised. Second, the heavy cost of producing a range of advertisements can raise the market price of many products, meaning that people will have to pay more money to buy an item that they want.

8. However, there are a number of drawbacks that arise from the expansion of a country's tourism industry. For example, in many countries in South East Asia, tourism

has been a major cause of environmental pollution and destruction. For example, most tourists generally drink bottled water when on holiday, and this creates mountains of plastic waste every year. Many developing countries do not have appropriate recycling facilities and do not know how to deal with the waste, and therefore, it commonly ends up littered throughout the countryside, rivers, seas, beaches and oceans. Furthermore, the invasion of tourists into certain places can disrupt the local wildlife and ecosystems, causing further environmental damage.

9. Reading for enjoyment can help people to develop their imagination and improve their language skills in many ways. Firstly, while watching television is said to be more of a passive activity, reading is considered to be an active form of learning. Reading stimulates people's brains more as they have to use their imagination to visualise the characters and plot of the story, and this helps to further develop their imaginative thinking skills. Secondly, language skills can also be improved from reading. By reading regularly, people can expand their vocabulary and learn different grammatical structures and how to use them effectively.

Unit

2 Các loại đoạn văn thường dùng trong IELTS

Có 2 loại đoạn văn thường được sử dụng trong IELTS: Single-idea paragraph (đoạn văn 1 ý tưởng) và Double-idea paragraph (đoạn văn 2 ý tưởng).

Loại	Single-idea paragraph	Double-idea paragraph
Cấu trúc	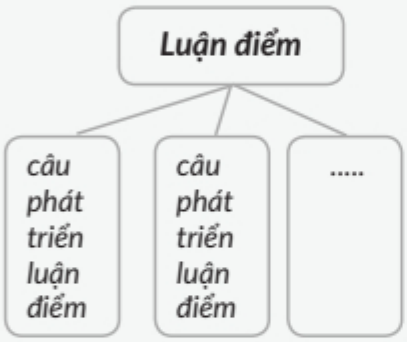	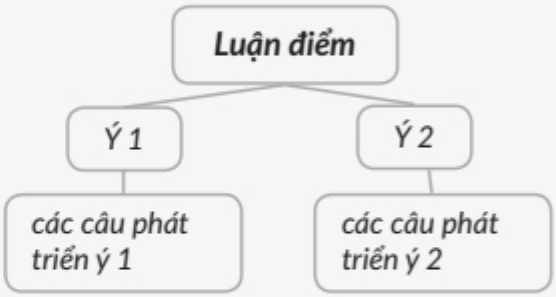
Ví dụ	People should cycle more often because regular cycling sessions guarantee good health **(Luận điểm)**. A number of researches have suggested a link between cycling habits and the lack of certain illnesses. While cycling, excess visceral fat is burnt. This in turn helps eliminate the main cause of high blood pressure and other health risks, including cancer and cardio vascular disease, amongst cyclists. **(Các câu phát triển luận điểm)**	Cycling is beneficial in several ways **(luận điểm)**. First, it guarantees better health **(ý 1)**. While cycling, excess visceral fat is burnt. This in turn helps eliminate the main cause of high blood pressure and other health risks amongst cyclists. **(Các câu phát triển ý 1)** Secondly, it is an economical form of transport **(ý 2)**. Cycling requires no fuel, so cyclists need to spend almost no travel expenses. This is particularly suitable for those with a tight budget. **(Các câu phát triển ý 2)**

Practice

2.1 Single-idea paragraphs

Viết đoạn văn Single-idea dựa vào ý tưởng trọng tâm và các gợi ý sau.

> **1. The range of technology available to people is increasing the gap between the rich and the poor. Others think it has an opposite effect. Discuss both views and give your opinions.**

Ý tưởng trọng tâm: Sự đa dạng công nghệ giúp thu hẹp khoảng cách giàu nghèo do giá sản phẩm công nghệ rẻ hơn.

Gợi ý:

- **Nội dung cần làm rõ:** giá sản phẩm công nghệ rẻ hơn giúp thu hẹp khoảng cách giàu nghèo như thế nào?
- **Gợi ý phát triển ý:** Ai cũng có thể sử dụng sản phẩm công nghệ để truy cập vào nguồn thông tin trên mạng và tự học → ví dụ người nghèo với chiếc điện thoại có thể tiếp cận đến các cách thức sản xuất mới để tăng năng suất / các học sinh không có điều kiện có thể theo học các chương trình online miễn phí tự giáo dục và khiến bản thân có đủ phẩm chất để có thể kiếm sống tốt hơn → giảm khoảng cách giàu nghèo.
- **Từ vựng:** affordable (rẻ, dễ chi trả được) – offer equal opportunities (cung cấp các cơ hội công bằng) – use something to one's advantage (tận dụng cái gì) – bridge the gap (làm giảm khoảng cách)

Viết đoạn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Advertising are becoming more and more common in everyday life. Some people say that advertising has a positive impact on our lives. To what extent do you agree or disagree?

Ý tưởng trọng tâm: Sự thông dụng của quảng cáo giúp người sử dụng có thể so sánh các sản phẩm với nhau và đưa ra được quyết định mua hàng đúng đắn..

Gợi ý:

Nội dung cần làm rõ: Các sản phẩm được so sánh như thế nào và người mua hàng đưa ra quyết định mua hàng ra sao?

- **Gợi ý phát triển ý:**
  - Đưa ra sự thật về các yếu tố giúp người mua hàng so sánh sản phẩm (ví dụ: hình thức, chức năng, giá cả)
  - Đưa một ví dụ về việc xem quảng cáo để lựa chọn hàng hóa (ví dụ: Người mua hàng có thể xem các quảng cáo để biết được sản phẩm điện thoại, máy tính, v.v. nào phù hợp với nhu cầu và túi tiền của mình hơn, đồng thời cân nhắc các điểm lợi/hại của từng sản phẩm để cuối cùng lựa chọn được sản phẩm phù hợp).
- **Từ vựng:** frequent exposure to sth (sự tiếp xúc thường xuyên với cái gì) – make a clear comparison of sth (so sánh rõ ràng được tiêu chí gì) – weigh up the pros and cons (cân nhắc lợi / hại) – serve one's demand (phục vụ nhu cầu của ai)

Viết đoạn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Large shopping malls are replacing small shops. Do you think it is a positive or negative development?

Ý tưởng trọng tâm: Sự trỗi dậy của các trung tâm thương mại lớn giúp người mua hàng tiết kiệm thời gian.

Gợi ý:

Nội dung cần làm rõ: Các sản phẩm được so sánh như thế nào và người mua hàng đưa ra quyết định mua hàng ra sao?

- **Gợi ý phát triển ý:**

  - Nội dung cần làm rõ: Tại sao tiết kiệm thời gian hơn so với mua hàng ở cửa hàng nhỏ?

  - Gợi ý phát triển ý:

    o Đưa ra **sự thật** về số lượng cửa hàng trong trung tâm thương mại.

    o **Kết quả:** số lượng cửa hàng như vậy thì có tác dụng như thế nào?

Viết đoạn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. For schoolchildren, their teachers have more influence on their intelligence and social development than their parents. To what extent do you agree or disagree?

Ý tưởng trọng tâm: Cha mẹ có ảnh hưởng nhiều đến cuộc đời trẻ em từ trước khi trẻ được đi học.

Viết đoạn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2.1 Double-idea paragraphs

Viết đoạn văn Double-idea dựa vào ý tưởng trọng tâm và các gợi ý sau.

1. Some people think that the best way to improve road safety is to increase the minimum legal age for driving a car or motorbike. To what extent do you agree or disagree?

Ý tưởng trọng tâm: Có thể tăng an toàn đường bộ bằng các cách thức hữu hiệu khác ngoài cách tăng tuổi cho phép lái xe.

Gợi ý:

- **Nội dung cần làm rõ:** Các cách khác là cách nào? Hiệu quả ra sao?
- **Gợi ý phát triển ý:**
  - Thêm các luật đường bộ nghiêm ngặt (có thể lấy ví dụ một đất nước/khu vực có luật đường bộ nghiêm ngặt và đưa ra tác dụng của luật này với sự an toàn đường bộ).
  - Cải thiện giao thông công cộng → cho người lái xe một phương tiện thay thế → tránh các trường hợp lái xe khi say rượu, mệt mỏi, v.v.
- **Từ vựng:** impose stringent regulations (ban hành các nghiêm luật) – deterrent (điều răn đe) – allocate financial resources for sth (phân phối nguồn tài chính cho việc gì)

Viết đoạn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. In most successful companies, some people think that communication between employers and workers is the most important factor, other people say that other factors are more important. Discuss both views and give your opinion.

Ý tưởng trọng tâm: Các yếu tố quan trọng hơn giao tiếp đối với thành công của một công ty.

Gợi ý:

- **Nội dung cần làm rõ:** Các yếu tố nào quan trọng hơn giao tiếp? Tại sao quan trọng?
- **Gợi ý phát triển ý:**
  - Yếu tố 1: năng lực quản lý → Kĩ năng quản lý yếu sẽ tạo ra những quyết định sai lầm gây ảnh hưởng đến thành bại của công ty.
  - Yếu tố 2: nhân viên tốt → thiếu nhân viên tốt thì công ty sẽ phát triển chậm.

Viết đoạn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Nowadays, people have little awareness of the importance of the natural world. What are the reasons and how can people learn more about the natural world?

Ý tưởng trọng tâm: Các lý do dẫn đến sự thiếu hiểu biết về tầm quan trọng của tự nhiên.

Gợi ý:

- **Nội dung cần làm rõ:** Các yếu tố nào quan trọng hơn giao tiếp? Tại sao quan trọng?
- **Gợi ý phát triển ý:**
  - Lý do 1: Các thành phố chỉ có các tòa nhà mà không có nhiều cây cối + con người không ra ngoài tìm hiểu về thiện nhiên.
  - Lý do 2: Tầm quan trọng của tự nhiên không được nhấn mạnh trong chương trình học ở trường.

Viết đoạn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. In many countries, the costs of living are rising. What are the effects on individuals and society? Suggest solutions to this problem.

Ý tưởng trọng tâm: Các giải pháp cho vấn đề chi phí sống tăng.

Gợi ý:

- **Nội dung cần làm rõ:** Các yếu tố nào quan trọng hơn giao tiếp? Tại sao quan trọng?

Viết đoạn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Key

2.1 Single-idea Paragraphs

1. With an increase in the availability of many new technologies, it is also becoming more affordable for the majority of people, which has provided more equal opportunities between people, whether rich or poor. As a matter of fact, the internet has become extremely widespread worldwide these days and has provided people of all financial status with access to a great deal of information that they can use to help them educate themselves to live better lives, and therefore potentially decrease the gap.

2. People in the modern world are exposed to advertisements almost everywhere, from online commercials, to banners displayed on crowded streets. Frequent exposure to advertisements of the same, or similar types of products, helps consumers make a clear comparison between certain aspects of the products, such as features or prices, before deciding which items are suitable for their needs. For instance, thanks to the commercials of iPhone X and Samsung Galaxy S10, people wishing to purchase a smartphone can easily weigh up the pros and cons of these two brands, and choose the right one that better serves their demand.

3. First of all, people can now save time shopping thanks to the availability of many types of stores located in one place. Shopping malls offer groceries, clothing, and books, alongside food courts and entertainment facilities. This provides a high level of convenience to people who choose to shop there instead of in separate smaller stores.

4. The first few years of a child's life are spent almost entirely in the company of their parental figures. These years are critical in the social development of a child, as they contain their first attempts to communicate with other people in order to receive the care and attention necessary for survival. Most school children start their education between the ages of four to seven years. Therefore, they have already experienced a considerable amount of parental influence before teachers are even introduced to them.

2.2 Double-idea Paragraphs

1. I think that better road safety can be achieved by other more effective methods without increasing the driving age. To begin with, more stringent traffic regulations should be imposed, which would act as a deterrent to would-be traffic law breakers. In Singapore, people who run red lights are fined heavily, and therefore this will make them more responsible in order to avoid future punishments. In addition, governments should allocate financial resources for improving public transport, which would encourage citizens to drive their private cars or motorbikes less. As a result, these residents will no longer worry about the risks that they may face when driving their own vehicles, such as drunk driving or falling asleep at the wheel.

2. There are many other factors that contribute to a company's success, some of which could be considered more important than effective communication. For example, the competency of managers themselves contributes significantly to success. Poor managerial skills lead to poor investment or policy decisions which can be useless or detrimental to the organization's success. Another contributing factor to success is the reliability and availability of good workers. An organization could have the best managers in the world, but if there is not a skilled and reliable work force available to them, progress will be slow and success difficult to come by. I believe that both of these factors are more important than communication between managers and workers itself.

3. In modern societies, most people have a severe lack of understanding when it comes to the role that nature plays in their lives, and this can be attributed to a number of reasons. Firstly, most modern cities these days are nothing more than concrete jungles, devoid of any significant amount of nature. As a consequence, people are not close to nature and therefore do not appreciate or understand its significance. Kids these days spend their free time playing computer games or staring at a smartphone or TV screen, while adults are endlessly working or pursuing other leisure activities, which tends to disconnect them from the natural world. Another possible reason for this lack of understanding may be that it is not taught in schools. For example, biology is not one of the subjects that holds great importance in most schools these days.

4. Although rising living costs pose serious problems in many places, there are a number of solutions that could be implemented to help tackle this issue. Firstly, individuals need to learn how to budget their income more effectively, and be careful not to waste money. By adhering to a strict budget, people will be able to pay their bills and save money to cover other expenses. On the other hand, governments should enact laws to ensure that citizens receive minimum wages that are enough to cover rising living expenses. Lastly, governments can create more jobs, particularly in big cities where living costs are much higher.

Part 2
IELTS
Writing Task 2

Chapter 2. Essay

Unit

3 Tổng quan về IELTS Writing Task 2

1. Thông tin chung

- Phần IELTS Writing Task 2 yêu cầu thí sinh phải viết 1 bài luận với độ dài ngắn nhất là 250 từ trong khoảng 40 phút.
- Không có giới hạn dài nhất của bài luận.
- Phần này chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi viết.

2. Lưu ý quan trọng

- Không được viết tắt.
- Không sử dụng ngôn ngữ quá xuồng xã.
- Không đươc chép lại đề bài.
- Không được đạo văn.
- Nên viết bài luận gồm 4 đoạn văn.
- Hạn chế sử dụng thành ngữ tục ngữ.
- Bài luận viết để cho khán giả không chuyên. Chính vì vậy ngôn ngữ sử dụng trong bài luận không cần thiết phải quá chuyên sâu như bài luận ở đại học.
- Thí sinh trong hầu hết các trường hợp đều được yêu cầu phải đưa ra ý kiến. Thí sinh hoàn toàn có thể đưa ra những trải nghiệm bản thân và những ví dụ liên quan để chứng minh cho luận điểm của mình.
- Chủ đề của kì thi viết IELTS thường về những chủ đề chung chung, không cần thiết phải sử dụng những kiến thức chuyên ngành. Ví dụ các chủ đề có thể bao gồm du lịch, ăn ở, dịch vụ, sức khỏe và an toàn, giải trí, vấn đề xã hội, vấn đề môi trường ...
- Không chép lại cả câu chủ đề. Giám khảo sẽ không tính câu được chép lại là một phần của bài viết.

3. Giải thích cách chấm điểm

Một bài luận IELTS được chấm dựa vào 4 tiêu chí khác nhau, mỗi tiêu chí có giá trị như nhau khi tính điểm tổng (25% mỗi tiêu chí).

TR: Task Response
Trả lời hết tất cả các phần của đề bài. Có luận điểm rõ ràng. Đưa ra những ý và chi tiết liên quan và phát triển đầy đủ.
CC: Coherence & Cohesion
Sắp xếp thông tin một cách logic. Sử dụng từ nối chính xác và hiệu quả. Chia đoạn văn hợp lí. Đưa ra một ý trọng tâm trong mỗi đoạn, có sự tiến triển xuyên suốt.
LR: Lexical Resource
Sử dụng vốn từ vựng phong phú theo cách tự nhiên để truyền tải thông điệp chính xác. Sử dụng những từ ít thông dụng với ít lỗi sai. Có ít lỗi sai về chính tả và cấu tạo từ.
GRA: Grammatical Range & Accuracy
Sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách đa dạng và chính xác. Có ít lỗi sai về ngữ pháp và dấu câu, không gây ảnh hưởng đến việc đọc hiểu.

Điểm tổng (Overall bandscore) được tính bằng cách chia trung bình 4 điểm thành phần và được làm tròn xuống đơn vị .0 hoặc .5 gần nhất:

TR: 5.0	CC: 6.0	LR: 5.0	GRA: 5.0	Overall: 5.0

Unit

4 Tổng quan về các dạng bài luận IELTS

Có 4 dạng câu hỏi essays trong IELTS Writing Task 2, bao gồm:

1. Dạng "2-part question"

Ví dụ	*1. Many animal species are becoming extinct due to human activities both on land and in the sea.* *What activities can harm animal existence?* *What can be done to prevent this?* *2. Children nowadays are spending too much time playing video games and very little time playing sports.* *Why is this happening?* *Is this a positive or negative development?* *3. Consumers are faced with increasing numbers of advertisements from competing companies.* *To what extent do you think consumers are influenced by advertisements?* *What measures can be taken to protect them?*
Đặc điểm	Ở dạng câu hỏi này, đề bài thường đưa ra cho thí sinh một Fact (thực trạng) hoặc Trend (xu hướng).
Yêu cầu	Người viết sẽ phải trả lời đầy đủ cả 2 câu hỏi, mỗi câu nằm trong 1 đoạn body.

2. Dạng "Positive – Negative/ Advantages – Disadvantages"

Ví dụ	*1. Fossil fuels, such as coal, oil and natural gas, are the main source for many countries. However, some nations are using alternative energy such as solar power, wind power.* *Is this a positive or negative development?* *2. It is becoming increasingly popular for people to have a year off between finishing school and going to university.* *Do the advantages outweigh the disadvantages?* *3. Some universities offer online courses as an alternative to classes delivered on campus.* *Do you think this is a positive or negative development?*
Đặc điểm	Ở dạng bài này, đề bài thường đưa ra một Trend (xu hướng).
Yêu cầu	Người viết sẽ phải đánh giá liệu xu hướng này mang tính tích cực hay tiêu cực, mang lại nhiều lợi ích hay tác hại.

3. Dạng "Opinion"

Ví dụ	*1. Some people think environmental protection is the responsibility of politicians, not individuals as individuals can do too little.* *To what extent do you agree or disagree?* *2. Government should invest more money in science education rather than other subjects to develop the country.* *Do you agree or disagree?* *3. Some people think it is more important to spend money on roads and motorways than on public transport systems.* *To what extend do you agree?*
Đặc điểm	Ở dạng bài này, đề bài sẽ đưa ra một thực trạng hoặc xu hướng và ý kiến đánh giá của một nhóm người về thực trạng và xu hướng đó.

Yêu cầu	Người viết cần nêu quan điểm của mình với ý kiến trên (đồng ý hay không đồng ý và tại sao)

4. Dạng "Discussion"

Ví dụ	*1. Some people work for the same organisation all their working life. Others believe it is better to work for different organisations.* *Discuss both views and give your opinion.* *2. Some people think international car-free days are an effective way of reducing air pollution; however, others think there are some other ways.* *Discuss both views and give your opinion.* *3. Some people believe that school children should not be given homework by their teachers, whereas others argue that homework plays an important role in the education of children.* *Discuss both of these views and give your own opinion.*
Đặc điểm	Ở dạng bài này, đề bài sẽ đưa ra 2 ý kiến đối lập về cùng một chủ đề.
Yêu cầu	Người viết sẽ được yêu cầu phải thảo luận về cả 2 ý kiến này (có thể ủng hộ hoặc phản đối) và nêu ý kiến cá nhân của mình.

Unit

5 Phân tích đề bài

1. Xác định loại thông tin trong đề bài

Như đã đề cập ở phần trên, đề bài trong Writing Task 2 sẽ được chia làm 3 nhóm thông tin chính:

- Fact (thực trạng) – thường xuất hiện trong câu hỏi 2-part question
- Trend (xu hướng – hành động phổ biến hiện nay) – thường xuất hiện trong câu hỏi 2-part question hoặc Positive – Negative
- Opinion (ý kiến đám đông) – thường xuất hiện trong câu hỏi Opinion và Discussion.

Xác định đúng nội dung thông tin của đề bài sẽ giúp các người viết Paraphrase chính xác nội dung ở phần mở bài và từ đó cải thiện điểm ở phần Task Response (TR).

Ví dụ về việc xác định sai nội dung đề bài:

- **Đề bài:** It is becoming increasingly popular for people to have a year off between finishing school and going to university. (Việc nghỉ 1 năm giữa việc hoàn thành học phổ thông và đi học đại học ngày càng trở nên phổ biến)
- **Paraphrase:** Many people think that it is better for students to have a gap year between finishing high school and entering university.

(Nhiều người cho rằng sẽ tốt hơn cho sinh viên khi có 1 năm nghỉ giữa việc hoàn thành phổ thông và đi học đại học)

Trong ví dụ trên, người viết đã nhầm lẫn giữa Trend (trong đề bài) và Opinion. Câu đề bài chỉ nêu ra 1 hành động đang được ưa chuộng bởi nhiều người chứ không nói rằng đây là một ý kiến của đám đông (Many people think). Ngoài ra đề bài cũng không nói rằng việc có *gap year* tốt hơn so với cái gì.
Việc nhầm lẫn này sẽ ảnh hưởng đến điểm số ở phần TR vì nội dung ở phần được Paraphrase không trùng khớp với ý ở đề bài.

→ ***Câu paraphrase chính xác sẽ như sau:***

More and more students are taking a year off between finishing school and entering university.

Câu trên diễn đạt chính xác ý của đề bài, cụ thể:

- More and more students chính là thể hiện việc hành động nêu ra đang ngày càng phổ biến hơn.
- Take a year off ... tương đương với "have a year off" trong đề bài

2. Xác định các phần được nêu ra trong đề bài

Ngoài ra, tiêu chí TR từ band 6.0 trở lên còn yêu cầu người viết "address all parts of the task". Các "parts" trong 1 đề bài task 2 bao gồm:

- Chủ đề
- Câu hỏi
- Số từ

Thông thường người viết sẽ không gặp quá nhiều vấn đề với câu hỏi. Tuy nhiên, rất nhiều bạn bỏ qua bước xác định các số nhóm thông tin được nêu ra trong đề bài và từ đó mất điểm ở phần TR. Các nhóm thông tin trong đề bài thường được ngăn cách như sau:

2.1 Ngăn cách bằng từ nối "and" hoặc cụm "either ... or ..."/ "neither ... nor ..."

Bản chất của những từ/cụm từ trên là để ngăn cách 2 thành phần độc lập trong câu. Chính vì vậy, khi đề bài sử dụng chúng, người viết cần xác định 2 nội dung được ngăn cách bởi những cụm từ này là gì.

Ví dụ:

- *Many animal species are becoming extinct due to human activities both on land and in the sea.*
- *It is neither impossible nor useful to provide university places for a large proportion of students.*

Ở đề bài thứ nhất, từ "and" ngăn cách 2 thành phần on land và in the sea. Vì vậy, nếu muốn đạt TR từ 6 trở lên, khi nói về nguyên nhân và giải pháp cho sự tuyệt chủng của động vật, người viết sẽ phải nêu đầy đủ cả nguyên nhân và giải pháp trên đất liền và dưới biển.

Tương tự ở đề bài thứ 2, khi người viết nêu ý kiến phải nhận định rõ việc cung cấp giáo dục

đại học cho phần đông sinh viên có khả thi và hữu ích hay không.
Bỏ qua bất kỳ phần nào trong những phần kể trên sẽ khiến cho điểm TR dừng ở 5.0.

2.2 Xác định sự so sánh trong bài

Có rất nhiều đề bài viết (nhất là dạng Opinion) đưa ra sự so sánh giữa 2 đối tượng:

- *Some people think libraries are no longer needed because we can now read books on the internet.*
- *Some people think that reading books can help develop imagination and language skills better than watching TV.*

Ở cả 2 đề bài trên, ta thấy có sự so sánh rõ ràng giữa 2 đối tượng cụ thể (libraries vs the internet/ reading books vs watching TV). Trong trường hợp này, bài viết phải đề cập đến cả 2 đối tượng trong 2 đoạn body. Nếu thiếu bất kỳ 1 đối tượng nào, điểm TR sẽ dừng ở 5.0.

3. Những lỗi thường gặp trong quá trình phân tích đề bài

3.1 Không xác định rõ các thành phần của đề bài

Như đã nhắc đến ở trên, việc xác định xem đề bài viết có bao nhiêu phần rất quan trọng vì nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến điểm TR. Tuy nhiên, hiện nay vẫn rất nhiều bạn bắt đầu viết bài khi chưa xác định chính xác và đầy đủ thông tin đề bài cung cấp, từ đó dẫn đến việc điểm số gần như không đổi qua các lần thi.

3.2 Nhầm lẫn giữa nội dung của các dạng câu hỏi

Lỗi phổ biến nhất trong các bài viết của thí sinh IELTS tại Việt Nam là việc thường xuyên nhầm giữa câu hỏi "Do you agree or disagree?" và "Is this a positive or negative development?"

Một ví dụ điển hình:

- **Đề bài:** *Some people think it is neither possible nor useful for the government to provide university places for a large proportion of students. To what extent do you agree or disagree?*
- **Trả lời:** *In my opinion, studying in university can bring several benefits to students, but it can also have some drawbacks.*

Trong câu trên, người viết đã trả lời sai hoàn toàn câu hỏi của đề bài. Đề không yêu cầu bàn luận về những lợi ích hay mặt trái của việc học đại học mà hỏi rằng việc cung cấp giáo

dục đại học có khả thi và hữu ích hay không. Lỗi này cũng sẽ khiến cho điểm TR dừng ở 5.0.

3. Vậy để khắc phục lỗi trên, người viết có thể thực hiện theo các bước như sau

• **Bước 1:** Nếu đề bài cho nhiều hơn 1 vấn đề, tách nó ra thành các câu đơn.

Ví dụ với đề trên:

It is not possible for the government to provide university places for a large proportion of students.

It is not useful for the government to provide university places for a large proportion of students.

• **Bước 2:** Chuyển 2 câu trên thành dạng câu hỏi Yes/No.

Is it not possible for the government to provide university places for a large proportion of students? Why?

Is it not useful for the government to provide university places for a large proportion of students? Why?

• **Bước 3:** Trả lời 2 câu hỏi trên ở phần mở bài và ở mỗi đoạn thân bài.

Practice

Bài 1: Đọc các đề bài sau và xác định xem chúng là FACT, TREND hay OPINION.

1. Some people think that children should begin their formal education at a very early age.
2. International tourism is becoming cheaper, and countries are opening their door to more and more tourists.
3. Nowadays animal experiments are widely used to develop new medicines and to test the safety of other products.
4. In many countries, the use of alternative energy sources (wind and solar energy) is being encouraged.
5. The increase in the production of consumer goods results in damage to the natural environment.
6. Many reports on the media now only focus on problems rather than positive development. Some people think it is harmful to both individuals and society.
7. Many people are becoming seriously overweight. Some people think that the best solution is to increase the price of fattening foods.
8. Some companies find that their employees lack interpersonal skills.
9. In many countries, people either live alone or in small family units, rather than in large families.
10. Some people think planning for the future is a waste of time and that we should focus more on the present.

Bài 2: Xác định xem các đề bài sau có bao nhiêu phần và gạch chân các phần.

1. Some people think that children should begin their formal education at a very early age.
2. International tourism is becoming cheaper, and countries are opening their door to more and more tourists.

3. Nowadays animal experiments are widely used to develop new medicines and to test the safety of other products.
4. In many countries, the use of alternative energy sources (wind and solar energy) is being encouraged.
5. The increase in the production of consumer goods results in damage to the natural environment.
6. Many reports on the media now only focus on problems rather than positive development. Some people think it is harmful to both individuals and society.
7. Many people are becoming seriously overweight. Some people think that the best solution is to increase the price of fattening foods.
8. Some companies find that their employees lack interpersonal skills.
9. In many countries, people either live alone or in small family units, rather than in large families.
10. Some people think planning for the future is a waste of time and that we should focus more on the present.

Key

Bài 1

1. Opinion
2. Trend
3. Fact
4. Trend
5. Fact
6. Fact + Opinion
7. Fact + Opinion
8. Fact
9. Trend
10. pinion

Bài 2

1. Some people think countries should produce food for the whole population and import as little food as possible.
2. Some people think museums and art galleries are no longer needed because we can now find historical objects and artworks on the internet.
3. Museums and historical sites are mostly visited by tourists, not visitors. → 1 phần
4. People are consuming more and more energy drinks. → 1 phần
5. Many people think films are less important than other forms of arts.
6. Clean water is a finite resource. Some people think that governments should have full control over the amount of water used by their citizens. → 1 phần
7. Some people think it is the natural process for animals to become extinct, so there is no need to protect them.
8. Young people know a lot about international pop and movie stars but know very little about famous people from the history in their own country.
9. In many countries, imprisonment is the most common solution to crimes. However, some people believe that better education will be a more effective solution.
10. Although more and more people read the news on the internet, newspaper will remain the main source of news for the majority of people.

Unit

6 Lập dàn ý

1. Lên ý tưởng ban đầu sau khi phân tích đề bài

Trước khi viết thành các đoạn văn hoàn chỉnh, việc lên ý tưởng ban đầu là vô cùng hữu ích vì nó sẽ giúp người viết xác định trước trọng tâm của các luận điểm trong bài viết.

Ví dụ 1

Children nowadays are **spending too much time playing video games and very little time playing sports.** Why is this happening? Is this a positive or negative development?

→ Các luận điểm:

Why are children spending time playing games?	**Why aren't they spending time playing sports?**
• Bản thân games hiện nay có đồ họa đẹp, hình ảnh bắt mắt. • Trẻ em dành nhiều thời gian trong nhà do thiếu không gian mở bên ngoài.	• Trẻ em, đặc biệt là ở các thành phố lớn, đang sống một lối sống thụ động và lười thể dục.
Is playing games too much positive or negative?	**Is not spending time playing sports positive or negative?**
Tiêu cực, vì trẻ em chơi game quá nhiều sẽ không có đủ thời gian để giao tiếp với bên ngoài.	Tiêu cực, vì trẻ em nếu không chơi thể thao sẽ rất dễ gặp các vấn đề về sức khỏe.

Ví dụ 2

Fossil fuels, such as coal, oil and natural gas, are the main source for many countries. However, **some nations are using alternative energy such as solar power, wind power.** Is this a positive or negative development?

→ Các luận điểm:

Positives of using alternative energy	Negatives of using alternative energy
• Dùng fossil fuels gây ô nhiễm không khí do khí thải CO2 và dùng alternative energy làm giảm ô nhiễm không khí. • Fossil fuels hữu hạn → renewable energy là nguồn thay thế phù hợp.	• Chi phí lắp đặt thiết bị ban đầu cao.

Ví dụ 3

Some people think environmental protection is the responsibility of politicians, not individuals as individuals can do too little. To what extent do you agree or disagree?

→ Các luận điểm:

Responsibility of politicians	Responsibility of individuals
• Ban hành luật để xử phạt những hành vi phá hoại môi trường. • Tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng	• Giảm thiểu việc dùng xe cá nhân và chuyển qua sử dụng phương tiện công cộng. • Tích cực dọn rác và giữ vệ sinh nơi công cộng.

Ví dụ 4

Some people work for the same organisation all their working life. Others believe it is better to work for different organisations. Discuss both views and give your opinion.

→ Các luận điểm:

Work for the same organisation	Work for different organisations
• Có nhiều cơ hội thăng tiến. • Hiểu rõ về cách vận hành của tổ chức và làm việc tốt hơn.	• Có nhiều mối quan hệ. • Có nhiều kinh nghiệm vì đã làm việc ở nhiều tổ chức, hệ thống khác nhau.

2. Sắp xếp nội dung và lên kế hoạch chi tiết

Việc sắp xếp nội dung 1 cách logic trước khi viết là cực kỳ cần thiết vì nó sẽ giúp bài viết mạch lạc hơn và từ đó cải thiện điểm ở tiêu chí Coherence and Cohesion.
Khi sắp xếp các ý, người viết nên chú ý vào việc diễn đạt nội dung đơn giản và dễ hiểu nhất có thể, tránh sự lan man và rườm rà.

Các cách để trình bày ý trong 1 đoạn văn bao gồm:

2.1 Fact (thực trạng) → Consequence (hệ quả)

Đây là cách diễn đạt ý đơn giản, người viết chỉ cần nêu ra 1 thực trạng và dẫn ra 1 hệ quả có liên quan đến đề bài. Cách diễn đạt này có thể dùng để nói về "causes" (nguyên nhân), "benefits" (lợi ích), drawbacks" (hạn chế).

Ví dụ: Khi nói về lợi ích của renewable energy.

• ***Thực trạng:*** *việc sử dụng fossil fuels gây ra ô nhiễm môi trường vì các nhà máy chạy bằng than hoặc xăng dầu thải ra nhiều CO2.*

• ***Kết quả:*** *thay thế xăng dầu bằng năng lượng gió hoặc mặt trời sẽ làm giảm lượng khí thải và cải thiện chất lượng không khí.*

Diễn đạt ý trên thành các câu hoàn chỉnh:

Fossil fuels are the main cause of air pollution nowadays since ***petroleum-powered vehicles and factories*** *are releasing tremendous amounts of CO2 into the atmosphere every day. Therefore, replacing coal and petroleum with wind or solar power will help to reduce the level of pollution in the atmosphere and improve air quality.*

2.2 Giving examples (đưa ví dụ)

Việc nêu ví dụ cũng là 1 cách hiệu quả để làm cho luận điểm trở nên rõ ràng hơn. Một số chú ý khi nêu ví dụ:

• Thông tin trong ví dụ cần phải cụ thể. Tránh đưa ví dụ chứa thông tin quá chung chung, không rõ ràng (Ho Chi Minh city thay vì "big cities"/ the Netherlands thay vì "many countries").

• Ví dụ cần phải làm rõ được thông tin của một câu tổng quát đứng trước nó.

Ví dụ:

Luận điểm: *"Nhiều games hiện nay có đồ họa bắt mắt và cốt truyện cuốn hút, từ đó thu hút được nhiều trẻ em dành thời gian để chơi."*

Ví dụ cho câu trên cần phải nêu được những nội dung:

- 1 game cụ thể
- Game này có đồ họa và cốt truyện như thế nào (ngắn gọn)
- Game đó thu hút người chơi dành bao nhiêu thời gian để chơi

Đọc đoạn văn dưới đây

Most computer games these days are highly interactive and allow players to immerse in a complex storyline and control characters at their own will. For instance, Mortal Kombat 11 allows players to easily change the outcomes of the story based on the chosen character. This can trigger imagination and curiosity in children and encourage them to spend the whole day playing to discover all the story endings

Phân tích

• *Mortal Kombat 11 cụ thể hóa ý nghĩa cho "computer games"*

• *"change the outcomes of the story based on the chosen character" cụ thể hóa cho "interactive" và "a complex storyline".*

• *Câu cuối nêu rõ việc ảnh hưởng của những yếu tố trên đến việc trẻ em dành nhiều thời gian chơi game.*

Từ những ý tưởng ban đầu và các cách sắp xếp nội dung kể trên, bạn có thể chuẩn bị 1 kế hoạch chi tiết cho 1 đoạn văn như sau:

Paragraph's focus	Benefits of working in the same organisations for a long time
Idea 1	• Staying in the same company for a long time can bring promotion opportunities and salary increases • Example: - Company: Tan Hiep Phat - Long time: 3 years or more - Promotion: Promoting long-time workers to managing positions - Salary increase: increasing fixed salary and giving bonuses
Idea 2	• Fact: People working in the same organisation can understand the operation well. • Consequence: They can perform well at work and can even mentor new employees.

Practice

1. Sắp xếp các câu sau thành một đoạn văn hoàn chỉnh, sau đó chỉ rõ vai trò và liên kết của các câu trong đoạn văn.

(1) This can make children more prone to many health problems, such as obesity or cardiovascular diseases when they grow older

(2) Firstly, spending too much time on computer games without doing any physical exercise will reduce children's calorie expenditure as they only sit at home and play games.

(3) From my perspective, computer games can have many detrimental effects on children.

(4) As a result, it can be very difficult for game-addicted children to develop the ability to establish connections with others in real life, which are normally developed through participation in team sports, like football or basketball.

(5) Secondly, playing games excessively also causes children to lose their communication skills.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nêu ví dụ cho những câu sau.

1. Frequent exposure to advertisements of the same or similar types of products helps consumers make a clear comparison of certain aspects of the product, such as function or price, before deciding which items are suitable for their needs.

.....

.....

.....

2. The biggest benefit that the internet can bring to children is the unlimited access to all kinds of useful information and learning materials.

.....

.....

.....

3. Politicians can urge the government to impose new laws against actions that damage the environment.

.....

.....

.....

4. Many employers value workers who have been loyal to the company for a long time and therefore are willing to give them more promotion opportunities and salary increases.

.....

.....

.....

Key

Bài 1

Trình tự đúng: (3) – (2) – (1) – (5) – (4)

Bài 2

1. For instance, thanks to the commercials of Iphone X and Samsung Galaxy S10, people wishing to purchase a smartphone can easily weigh up the pros and cons of these two products, and then choose the right one that serves their demand. Buildings reflecting a variety of architectural patterns can make a city become more lively and attract more people of different cultures.

2. Wikipedia, for instance, houses thousands of free articles and academic papers about various areas of study, such as physics and astronomy, and can be accessed by everyone regardless of time and locations,

3. For instance, one of the major factors leading to environmental pollution is the overuse of plastic products, like bottles and bags, and this can be stopped if the government issues an official ban on all companies from using plastic packaging.

4. For example, Tan Hiep Phat, one of the largest beverage manufacturers in Vietnam, usually gives very high bonuses to employees who have been with the company for more than 3 years and prioritise promoting long-term workers to managing positions.

Unit

7 Cách viết các dạng bài luận trong IELTS

Lesson 7.1: Cấu trúc 4P (4-paragraph format) dùng cho bài luận IELTS

Cấu trúc 4P – 4 đoạn có thể được sử dụng trong tất cả các bài luận IELTS.

Mở bài
(2-3 câu)

- Giới thiệu chủ đề
- Trả lời câu hỏi/đưa ra định hướng bài viết

Thân bài
(2 đoạn)

- **Đoạn 1**

Câu mở đoạn
Câu triển khai ý (giải thích và ví dụ)

- **Đoạn 2**

Câu mở đoạn
Câu triển khai ý (giải thích và ví dụ)

Kết bài
(1-2 câu)

- Nhắc lại câu trả lời

1. Cách viết mở bài

Phần mở bài của một bài luận gồm tối thiểu 2 câu:

- *1 câu viết lại nội dung đề bài – dùng để giới thiệu nội dung bài viết đến với người đọc.*
- *1 câu nêu ra ý kiến của người viết/ câu trả lời cho câu hỏi nêu ra trong đề.*

Đối với phần viết lại nội dung đề bài, người viết nên tập trung vào việc diễn đạt đúng ý của đề bài, tránh đưa thông tin lan man hoặc cố gắng dùng từ vựng khó. Lý do là nếu có quá nhiều thông tin thừa hoặc các từ vựng bị thay đổi quá nhiều thì câu sẽ mang một nghĩa khác hoặc thậm chí không có nghĩa, từ đó không thể giới thiệu đúng nội dung bài viết và bị trừ điểm ở tiêu chí Task Response (TR).

Để tránh điều này, người viết có thể thực hiện theo những bước sau:

Ví dụ: Some people think environmental protection is the responsibility of politicians, not individuals as individuals can do too little.

a. *Đọc hiểu nghĩa và các khái niệm trong câu trên:*

Một số người nghĩ rằng việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của chính trị gia, không phải người dân vì họ gần như không làm được gì.

b. *Xác định các topic vocabulary (Những từ vựng không có từ đồng nghĩa trong context của đề bài).*

- Environmental protection
- Politicians – đây là khái niệm dễ bị nhầm lẫn với "the government". "Politicians" là chính trị gia (người làm chính trị), khác với "the government" là 1 tổ chức.

Những từ trên nên được giữ nguyên khi viết mở bài, hoặc nếu có thay đổi thì chỉ nên thay đổi về word form để đảm bảo ý nghĩa được giữ nguyên.

c. *Sử dụng các thủ thuật viết lại câu bao gồm: đổi cấu trúc câu, đổi dạng từ trong câu, sử dụng chủ ngữ giả và thêm thành phần bổ nghĩa / giải thích nghĩa.*

Responsibility:

- The responsibility to protect the environment should fall upon politicians
- Politicians should be responsible for protecting the environment
- Individuals can do too little
- There is not much that ordinary people can do

→ **Paraphrase thành 1 câu hoàn chỉnh.**

The responsibility to protect the environment should fall upon politicians and not individuals as there is not much that ordinary people can do.

Đối với phần ý kiến/ câu trả lời, người viết cần đọc kỹ nội dung câu hỏi để đưa ra câu trả lời ngắn gọn nhất. Cách trả lời ở các dạng câu hỏi cụ thể như sau:

Dạng bài	Cách đưa ra câu trả lời	Ví dụ
Two-part question	Đối với dạng câu hỏi này, người viết chỉ đơn giản cần nêu ra câu trả lời ngắn gọn cho cả 2 câu hỏi và cố gắng diễn đạt ngắn gọn trong 1 câu.	**1.** Musuems and historical sites are mostly visited by tourists, not local people. Why? Is this a positive or negative development? → *People who visit museums and historical places are mainly tourists, not local people.* ***There are two main reasons behind this trend, and in my opinion, this is a negative development overall.*** **2.** People are having more and more sugar-based drinks. Why? What can be done to encourage people to drink less? → *Sugary drinks are becoming more and more popular among people.* ***There are two main reasons behind this phenomenon, and the government should take actions to reduce the consumption of such harmful drinks.***

Positive – Negative /	Ở dạng bài này, người viết cần phải đưa ra câu trả lời cụ thể rằng xu hướng nêu ra trong đề bài mang lại nhiều lợi ích hay tác hại hơn hoặc ngược lại. Để diễn đạt ý này rõ ràng, các cấu trúc câu nhượng bộ - đối lập như "although ..." hay "despite ..." hoặc đơn giản hơn là liên từ "but" sẽ là công cụ hiệu quả.	**1.** Organised tours to remote areas are becoming more and more popular. Is this a positive or negative development for local people and the environment? → *More and more tours are being organised to remote areas.* ***In my opinion, although this trend can bring huge economic benefits to local people, it can seriously threaten the local environment.*** **2.** Remote working is becoming popular in many places. Do the advantages of remote working outweigh the disadvantages? → *People in many countries can now work without travelling to an office.* ***Though there can be some drawbacks in terms of communication, I believe the advantages of this trend are much more significant.***
Opinion	Đối với dạng bài này, người viết cần nêu một quan điểm, lập trường rõ ràng ngay từ phần mở bài và phát triển nó xuyên suốt cả bài viết. Người viết có thể chỉ đơn giản đưa ra quan điểm bằng câu: Personally, I agree/ disagree with this statement for the following reasons. Ngoài ra, tùy vào đề bài mà ta có thể trình bày quan điểm một cách cụ thể hơn.	Some people think schools are no longer necessary because children can get so much information from the internet that they can study just as well at home. To what extent do you agree or disagree? → *Many people believe schools no longer have a role to play in education as children can now study at home through the internet.* ***In my opinion, the role of schools can never be replaced despite the convenience in learning brought by the internet.***

Discussion	Ở dạng bài này, người viết tốt nhất nên trình bày rõ quan điểm của mình về vấn đề được nêu ra trong đề bài ngay từ phần intro vì điều này sẽ giúp mạch lập luận trong bài viết trở nên rõ ràng hơn. Điều này có thể được thực hiện bằng cách nêu ra 1 ý kiến trung lập hoặc nhấn mạnh rằng mình nghiêng về 1 bên cụ thể trong số 2 ý kiến được cho.	**1.** Some people think economic development is damaging the environment and should be stopped. Others believe that economic development is the only way to end hunger and poverty. Discuss both views and give your opinion. → *Many people think economic development is inflicting damage on the environment and therefore should be halted while others claim that there is no other way to end hunger and poverty but to develop the economy.* ***Personally, I would side with the latter view for the following reasons.*** **2.** Some people think the government should spend money on developing roads. Others think it is better to develop public transport system. Discuss both views and give your opinion. → *Many people think the government should allocate its finance to developing roads while others claim that investing in public transports is a better option.* ***Personally, I believe that both roads and public transports should receive equal investments from the government.***

Practice

Viết đoạn mở bài cho những chủ đề sau.

1. Many animal species are becoming extinct due to human activities both on land and in the sea. What activities can harm animal existence? What can be done to prevent this?

.....

.....

.....

.....

2. Children nowadays are spending too much time playing video games and very little time playing sports. Why is this happening? Is this a positive or negative development?

.....

.....

.....

.....

3. It is becoming increasingly popular for people to have a year off between finishing school and going to university. Do the advantages of having a gap year outweigh its disadvantages?

.....

.....

.....

.....

4. Fossil fuels, such as coal, oil and natural gas, are the main source for many countries. However, some nations are using alternative energy such as solar power, wind power. Is this a positive or negative development?

.....

.....

.....

.....

5. Some people work for the same organisation all their working life. Others believe it is better to work for different organisations. Discuss both views and give your opinion.

.....

.....

.....

.....

6. Some people think parents of children who commit crime should also be punished as they are responsible for their children's crime. To what extent do you agree or disagree?

.....

.....

.....

.....

7. Some people think that reading for pleasure can help people develop imagination and creativity better than watching TV. To what extent do you agree or disagree?

.....

.....

.....

.....

8. Many people now do not feel safe either when they are at home or out. Why is this happening? What can be done help people feel safer?

.....

.....

.....

.....

9. Some people think the government should ban dangerous sports. Others believe people should have the freedom to do any sports and activities they want. Discuss both views and give your opinion.

.....

.....

.....

.....

10. Some people think films are less important than other forms of art. To what extent do you agree or disagree?

.....

.....

.....

.....

Key

1. A number of animal species are facing the verge of extinction as a consequence of human activities on land and in the sea. There are two main activities that pose a direct threat to animals and in my opinion, the government should take actions to prevent a possible mass extinction

2. Nowadays, many children spend the majority of their time playing video games and hardly engage in any sport or exercise. Overall, I believe this is definitely a negative trend and will discuss the reasons why in the following essay.

3. More and more students are taking a year off between finishing school and entering university. In my opinion, the benefits that a gap year can bring to students far outweigh its drawbacks.

4. Although fossil fuels still remain the most important energy sources in many places, some countries are now already using alternative sources like solar or wind power. In my opinion, it can be difficult for a country to move towards using alternative energy at first, but this development brings about several benefits in the long run.

5. Some people choose to work for an organisation throughout their whole career while others think it is better to work for multiple organisations. In my opinion, both decisions come with several advantages and therefore should both be considered carefully by workers.

6. Many people think that parents of criminal children should be responsible for their children's wrongdoings and therefore should also be punished. Personall, I disagree with this statement for the following reasons.

7. Some people believe that reading for pleasure can be more beneficial for our imagination and creativity than watching TV. Personally, I agree with this idea for

the following reasons.

8. Many people now feel insecure when they are out and even at home. The main cause of this problem comes from the high crime rate in many places, and I believe that both the government and people should cooperate to ensure the safety of everyone.

9. Some people think there should a ban on dangerous sports while others believe people should be allowed to freely do any sports and activities they want. Personally, I agree with the latter view for the following reasons.

10. Many people think films now play a less important role than other art forms. In my opinion, all forms of art, including movies, are important to our life in different aspects.

Lesson

7.2 Cấu trúc 4P dùng cho bài luận IELTS (tiếp)

2. Cách viết thân bài

Tất cả các đoạn body trong IELTS Writing Task 2 dù được trình bày theo cách nào vẫn phải đảm bảo được các yếu tố:

- Có 1 nội dung trong tâm (central idea) xuyên suốt cả đoạn văn.
- Các nội dung trong đoạn được sắp xếp một cách logic và có tính liên kết chặt chẽ.

2.1 Cấu trúc đoạn văn: Single-idea paragraph

Đây là cấu trúc đoạn văn thường dùng trong những đoạn văn yêu cầu người viết phải nêu ra quan điểm của mình. Đoạn văn này sẽ không có các ý phụ (sẽ được nhắc đến ở cấu trúc đoạn văn sau) và sẽ có độ dài khoảng 4 – 5 câu, bao gồm:

- 1 câu chủ đề (topic sentence) tóm gọn nội dung cả đoạn văn
- Các fact/ example để mở rộng và cụ thể hóa các nội dung ở câu chủ đề (có thể có nhiều hơn 1 ví dụ).
- 1 câu kết đoạn (không bắt buộc).

Nhìn vào ví dụ ở dưới để hiểu rõ hơn nội dung của các câu trong 1 đoạn văn single-idea:

Politicians can urge the government to impose new laws against actions that damage the environment.

Câu chủ đề (topic sentence) tóm gọn nội dung của cả đoạn văn.

For instance, one of the major factors leading to environmental pollution is the overuse of plastic products, like bottles and bags, and this can be stopped if the government issues an official ban on all companies from using plastic packaging. In addition, the rate of deforestation can also be reduced if high-ranking bureaucrats agree to impose strict punishments, such as long-term imprisonment and heavy fines, on those who cut down trees illegally.

2 ví dụ cụ thể hóa cho "laws" và "actions that damage the environment".

However, besides introducing and enforcing new laws and regulations, I doubt that there is any further action that politicians can take to protect the environment.

Câu kết đoạn nhấn mạnh việc "enforcing laws" là vai trò duy nhất của các chính trị gia trong việc bảo vệ môi trường.

2.2 Cấu trúc đoạn văn: Double-idea paragraph

Khác với cấu trúc Single-idea, đoạn văn dạng Double-idea sẽ chứa 2 ý phụ (sub-idea) để mở rộng cho ý chung nêu ra ở câu chủ đề. Cấu trúc đoạn văn này thường được dùng để liệt kê các reasons, causes, solutions, advantages, disadvantages, aspects ....

Cấu trúc đoạn văn dạng Double-idea bao gồm:

- Câu chủ đề tóm tắt ý chung của cả đoạn (thường sẽ là các danh từ số nhiều như đã nói ở trên).
- Sub-idea 1 – Supporting sentences: Cụ thể hóa nội dung ở topic sentence (Ví dụ: nếu main idea là reasons thì đây sẽ là 1 reason cụ thể).
- Sub-idea 2 – Supporting sentences: Vai trò tương tự như ý ở trên.

Nhìn vào ví dụ ở dưới để hiểu rõ hơn nội dung của các câu trong 1 đoạn văn double-idea:

I believe that ordinary people, through small, everyday actions, can also greatly contribute to protecting the environment.

Câu chủ đề nêu ra ý chính của toàn đoạn: actions.

First, citizens in many countries, like the Netherlands, have now shifted towards using bicycles and subway trains for their daily travel instead of cars, which has so far helped reduce a tremendous amount of CO2 released into the air, and improved air quality. Second, the problem of polluted oceans has also been tackled in many places thanks to groups of young people who voluntarily spend their time cleaning up beaches, or even diving into water to pick up trash.

Sub-idea 1 nêu ra "action" đầu tiên để bảo vệ môi trường.

For example, many students in Nha Trang, a coastal city of Vietnam, spent nearly their whole summer holiday in 2018 keeping the beaches of their hometown clean by collecting all the trash from tourists.

Sub-idea 2 nêu ra "action" thứ 2 để bảo vệ môi trường.

3. Cách viết đoạn kết bài (Conclusion)

Đoạn kết bài thường chỉ bao gồm 1 – 2 câu dùng để tóm tắt nội dung chính và khẳng định lại ý kiến nêu ra từ đầu bài. Người viết nên chú ý đưa ra luận điểm mới ở đoạn kết bài vì điều này sẽ làm cho đoạn văn trở thành 1 đoạn thân bài thứ 3 chứ không còn đóng vai trò kết luận nữa.

Một đoạn kết bài điển hình trong IELTS Writing Task 2 sẽ như sau:
In conclusion, I hold the view that politicians alone cannot deal with all environmental problems, and therefore individuals should also make a contribution to protecting the environment.

Như ta thấy, đoạn kết bài trên chỉ đơn thuần nhấn mạnh lại quan điểm đã được chứng minh xuyên suốt 2 đoạn thân bài chứ hoàn toàn không trình bày thêm nội dung mới.

4. Bài luận hoàn chỉnh

Some people think environmental protection is the responsibility of politicians, not individuals as individuals can do too little. Do you agree or disagree?

Bài mẫu
Some people believe that the responsibility to protect the environment should fall upon politicians and not individuals as there is not much that ordinary people can do. In my opinion, the responsibility to protect the environment should not fall upon politicians

alone because ordinary citizens can make a significant contribution.

Politicians can urge the government to impose new laws against actions that damage the environment. For instance, one of the major factors leading to environmental pollution is the overuse of plastic products, like bottles and bags, and this can be stopped if the government issues an official ban on all companies from using plastic packaging. In addition, the rate of deforestation can also be reduced if high-ranking bureaucrats agree to impose strict punishments, such as long-term imprisonment and heavy fines, on those who cut down trees illegally. However, besides introducing and enforcing new laws and regulations, I doubt that there is any further action that politicians can take to protect the environment.

I believe that ordinary people, through small, everyday actions, can also greatly contribute to protecting the environment. First, citizens in many countries, like the Netherlands, have now shifted towards using bicycles and subway trains for their daily travel instead of cars, which has so far helped reduce a tremendous amount of CO2 released into the air, and improved air quality. Second, the problem of polluted oceans has also been tackled in many places thanks to groups of young people who voluntarily spend their time cleaning up beaches, or even diving into water to pick up trash. For example, many students in Nha Trang, a coastal city of Vietnam, spent nearly their whole summer holiday in 2018 keeping the beaches of their hometown clean by collecting all the trash from tourists.

In conclusion, I hold the view that politicians alone cannot deal with all environmental problems, and therefore individuals should also make a contribution to protecting the environment.

Lesson

7.3 Cách viết 4 dạng bài luận trong IELTS

1. Dạng "2-part question".

Người viết cần phải trả lời đầy đủ cả 2 câu hỏi này ở 2 đoạn thân bài. Câu trả lời ở 2 đoạn này độc lập với nhau, không cần phải có sự liên kết về ý tưởng giữa 2 đoạn.

Ví dụ:

Children nowadays are spending too much time playing video games and very little time playing sports. Why is this happening? Is this a positive or negative development?

Why are children spending time playing games?	**Why aren't they spending time playing sports?**
• Bản thân games hiện nay có đồ họa đẹp, hình ảnh bắt mắt.	• Trẻ em, đặc biệt là ở các thành phố lớn, đang sống một lối sống thụ động và lười thể dục.
Is playing games too much positive or negative?	**Is not spending time playing sports positive or negative?**
• Tiêu cực, vì trẻ em chơi game quá nhiều sẽ không có đủ thời gian để giao tiếp với bên ngoài.	• Tiêu cực, vì trẻ em nếu không chơi thể thao sẽ rất dễ gặp các vấn đề về sức khỏe.

Bài mẫu

Nowadays, many children spend the majority of their time playing video games and hardly engage in any sport or exercise. Overall, I believe this is definitely a negative trend and will discuss the reasons why in the following essay.

Đoạn mở bài paraphrase lại đề bài bằng 1 câu và nêu ra ý kiến của người viết ở câu thứ 2.

On the one hand, there are many reasons for the popularity of video games over sports among children. To begin with, most computer games these days are highly interactive and allow players to immerse in a complex storyline and control characters at their own will. For instance, Mortal Kombat 11 allows players to easily change the outcomes of the story based on the character chosen, which can trigger the imagination and curiosity of children, and encourage them to spend the whole day playing to discover all the story endings. The second reason the sedentary lifestyle favoured by a large number of children, especially those living in big cities. Compared to sports, computer games are less physically demanding, and therefore draw much more attention from these these lazy, inactive children.

Đoạn thân bài thứ nhất trả lời câu hỏi đầu tiên bằng cách đưa ra 2 lý do: 1 lý do cho việc trẻ em dành thời gian chơi game nhiều; lý do còn lại cho việc tại sao trẻ em dành ít thời gian tập thể thao.

From my perspective, computer games can have many detrimental effects on children. Firstly, spending too much time on computer games without doing any physical exercise will reduce children's calorie expenditure as they only sit at home and play games. This can make children more prone to many health problems, such as obesity or cardiovascular diseases when they grow older. Secondly, playing games excessively also causes children to lose their communication skills. As a result, it can be very difficult for game-addicted children to develop the ability to establish connections with others in real life, which are normally developed through participation in team sports, like football or basketball.

Đoạn văn thứ 2 lý giải tại sao xu hướng đưa ra trong bài viết lại mang tính tiêu cực: 1 là việc không tập luyện khiến trẻ em dễ gặp vấn đề về sức khỏe; 2 là chơi game nhiều sẽ ảnh hưởng đến khả năng giao tiếp cũng như mối quan hệ xã hội.

In conclusion, playing computer games is becoming more popular than sports due to the interesting and interactive content, together with the low demand for physical strength. I personally believe that this trend does more harm than good and should be prevented to ensure the proper development of children.

Đoạn kết bài chốt lại nội dung về lý do tại sao trẻ em chơi game nhiều và ít tập thể dục cũng như nhấn mạnh lại ý kiến của người viết rằng đây là 1 xu hướng có hại.

Practice

Chủ đề 1: People in many countries are spending less time with their family. What are the reasons? What are the effects of this trend?

Luận điểm

Nguyên nhân tại sao bây giờ người ta dành ít thời gian với gia đình?

.....

.....

Tác động của điều này là gì?

.....

.....

Mở bài

- Giới thiệu chủ đề
- Định hướng bài viết

Thân bài
(2 đoạn)

- **Đoạn 1:** 2 nguyên nhân tại sao bây giờ người ta dành ít thời gian với gia đình.
- **Đoạn 2:** 2 tác động của việc bây giờ người ta dành ít thời gian với gia đình.

Kết bài

- Tóm tắt đại ý toàn bài viết

Thực hành

(Giới thiệu chủ đề)

.....

.....

..... My essay will outline a number of reasons for this trend and a number of its associated effects.

One of the main reasons is that adults are too occupied with their work and social relationships. (Mở rộng đoạn văn) .....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

There are several impacts from this trend, and they all tend to be detrimental. (Mở rộng đoạn văn).....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

In conclusion, (Tóm tắt đại ý toàn bài) .....

.....

.....

.....

Bài mẫu

In many parts of the world nowadays, family members are spending less time together. This essay will outline a number of reasons for this trend and a number of the associated effects.

One of the main reasons is that adults are too occupied with their work and social relationships. In countries like Japan where people spend the majority of their time working, many adults tend to stay at work until late in the evening and hardly have enough time to have dinner or to watch TV with their family members. Meanwhile, young children in this day and age are under great pressure from study; and children, especially in Asian countries, typically spend ten hours a day and six days a week at school, not to mention extra classes in the evening. The amount of homework those children have to do everyday is also excessive, and therefore they cannot think of anything else, let alone spend time with their parents.

There are several impacts from this trend, and they all tend to be detrimental. Firstly, young children who do not spend enough time with their siblings or parents are often more vulnerable to social pressures, such as bullying, because they do not receive enough affection and encouragement from their family. As a consequence, those children may grow up with low self-esteem and even suffer from depression. Secondly, family relationships will greatly suffer because it will become more difficult to bridge the generation gap between parents and children without family bonding time. This usually leads to conflicts and unhappiness.

In conclusion, people are spending less and less time with family largely due to work and study pressures, and the impacts of this on both individuals and families are severe.

282 từ

Từ vựng

- Spend a major proportion of their life working: Dành phần lớn cuộc đời để làm việc
- Under great pressure from study: Chịu nhiều áp lực từ việc học
- Vulnerable to social pressures: Dễ bị ảnh hưởng xấu bởi xã hội
- Affection and encouragement: Sự yêu thương và sự động viên
- Low self-esteem and depression: Tự ti và phiền muộn
- Conflicts and unhappiness: Xung đột và không hạnh phúc

Chủ đề 2: Consumers are faced with increasing numbers of advertisements from competing companies. To what extent do you think consumers are influenced by advertisements? What measures can be taken to protect them?

Luận điểm

Người tiêu dùng bị ảnh hưởng bởi quảng cáo tới mức độ như thế nào?

.....

.....

Những biện pháp gì có thể thực hiện để bảo vệ người tiêu dùng?

.....

.....

Dàn ý

Mở bài	• Giới thiệu chủ đề. • Đưa ra câu trả lời ngắn cho 2 câu hỏi ở đề bài.
Thân bài *(2 đoạn)*	• **Đoạn 1:** Trả lời câu hỏi Người tiêu dùng bị ảnh hưởng bởi quảng cáo tới mức độ như thế nào? • **Đoạn 2:** Trả lời câu hỏi Những biện pháp gì có thể thực hiện để bảo vệ người tiêu dùng?
Kết bài	• Nhắc lại ngắn gọn câu trả lời cho 2 câu hỏi của đề bài.

Thực hành

Bài mẫu

These days, due to a strong competitive commercial market, people are exposed to an ever increasing amount of advertising. I believe that people are highly susceptible to modern day advertising and marketing techniques, and that certain actions need to be taken to ensure the wellbeing of consumers.

Advertising has become a multibillion dollar industry, and much research has gone into its development and effectiveness in order to help businesses sell more products and services. And although advertising can provide many benefits to the consumer, it can also have quite a negative impact on individuals and society as a whole. One of the negative effects advertising can have is that it can lead people to buy things that they don't actually need or even necessarily want. Advertising techniques can make us feel as though we really need to have something and this can cause people to make impulsive purchases, which they may not have made if they had made a more thorough decision.

Furthermore, in societies where advertising laws are more relaxed, people are faced with large amounts of advertising containing many subliminal messages and explicit content. For instance, it is well known in the advertising industry that sex sells. Creating sexual undertones within advertisements can influence people's thoughts about not only the product but ideas associated around it. This can have many negative influences on the minds of people, and in particular children, potentially forming certain negative beliefs and ideas about such topics.

In conclusion, for these, and many other reasons, I believe that Governments and other organisations need to monitor how companies try to promote their products and services in order to protect innocent consumers. This can be achieved through the regulation of the content of advertisements and the regulation of the space where advertisements occur, such as billboards and posters. Individual companies also must take responsibility regarding their advertisements to ensure that they do not contain subliminal or explicit material that might negatively affect consumers.

Từ vựng *327 từ*

- Advertising and marketing techniques: Thủ thuật quảng cáo marketing
- A multibillion dollar industry: Ngành công nghiệp triệu đô
- Make impulsive purchases: Mua hàng vội mà chưa suy nghĩ kỹ
- Subliminal messages: Thông điệp ngầm
- Promote their products and services: Quảng cáo cho sản phẩm và dịch vụ

Lesson

7.4 Cách viết 4 dạng bài luận trong IELTS (Tiếp)

2. Dạng "Positive – Negative/ Advantages – Disadvantages".

Đối với dạng này, ta sẽ cần phải đánh giá mặt lợi/hại của 1 xu thế và so sánh xem bên nào lớn hơn.

Ví dụ:

Fossil fuels, such as coal, oil and natural gas, are the main source for many countries. However, some nations are using alternative energy such as solar power, wind power. Is this a positive or negative development?

Positives of using alternative energy	Negatives of using alternative energy
• Dùng fossil fuels gây ô nhiễm không khí do khí thải CO2 và dùng alternative energy làm giảm ô nhiễm không khí • Fossil fuels hữu hạn → renewable energy là nguồn thay thế phù hợp	• Chi phí lắp đặt thiết bị ban đầu cao

Bài mẫu

Although fossil fuels still remain the most important energy sources in many places, some countries are now already using alternative sources like solar or wind power. In my opinion, it can be difficult for a country to move towards using alternative energy at first, but this development brings about several benefits in the long run.

Đoạn mở bài paraphrase lại topic và nêu ra ý kiến của người viết: Lợi ích mà việc sử dụng renewable energy mang lại lớn hơn mặt hại của nó.

On the one hand, the change towards using alternative types of energy would probably put a heavy financial burden on the government and companies as they will have to invest millions of dollars in purchasing and developing new equipment and facilities for harnessing solar, wind or hydro-electric power. For example, the average cost of installing a wind turbine for generating electricity is about $3 million, and an average country would require a wind farm with hundreds of turbines to supply power to all companies and households. In addition, the production cost of large solar panels is still very high, which is why many countries, especially those with a poor economy, are still unable to use this power source.

Đoạn thân bài thứ nhất nói về 1 mặt trái duy nhất của việc sử dụng năng lượng tái chế: chi phí lắp đặt ban đầu cao.

However, I still believe that shifting towards using alternative energy is a worthwhile investment due to the great benefits it brings. Firstly, fossil fuels are the main cause of air pollution nowadays since petroleum-powered vehicles and factories are releasing tremendous amounts of CO2 into the atmosphere every day. Therefore, replacing coal and petroleum with wind or solar power will help to reduce the level of emissions in the atmosphere and improve air quality. Secondly, fossil fuels, like natural gas or oil, are finite resources and will soon be depleted, which will potentially threaten the economy if there are no alternative sources. This fact emphasizes the need to develop renewable energy to gradually replace traditional sources when fossil fuels inevitably run out.

Đoạn thân bài thứ 2 nhấn mạnh quan điểm của người viết: những tác động tốt mà năng lượng tái chế mang lại lớn hơn tác hại của nó.

In conclusion, I hold the view that despite the high initial cost of new equipment and facilities, the switch from fossil fuels to renewable energy sources is still necessary for the long-term development of the planet.

Đoạn kết bài khẳng định lại quan điểm xuyên suốt bài viết.

Practice

Chủ đề 1: The increase in people's life expectancy means that they have to work until an older age to pay for their retirement. One alternative is that people start to work at a younger age. Is this alternative a positive or negative development?

Luận điểm

Mặt lợi của việc làm việc sớm:

.....

.....

Mặt hại của việc làm việc sớm:

.....

.....

Dàn ý

Mở bài	• Giới thiệu chủ đề. • Đưa ra quan điểm cá nhân.
Thân bài *(2 đoạn)*	• **Đoạn 1:** Mặt lợi của việc đi làm ở độ tuổi trẻ hơn. • **Đoạn 2:** Mặt hại của việc đi làm ở độ tuổi trẻ hơn.
Kết bài	• Khẳng định lại quan điểm.

Thực hành

Bài mẫu

Over the past few decades, people have become used to the idea that they will have to devote a larger proportion of their life to work, and some of them even continue to work after the legal age of retirement. The fact is that as human life expectancy increases, only a few jobs can ensure that people have a comfortable retirement. Therefore, many people are choosing to enter the workforce much earlier than before, and in my opinion, this is a negative development.

I agree that starting to work at a young age is advantageous for young people, but they should only consider this as a way of gaining experience. Having a job while studying with the aim of saving money to enjoy retirement is both unrealistic and counter-productive. For one, most part-time jobs students can do, like bartending or tutoring, only offer quite low salaries, certainly not enough to contribute to their retirement. Also, many high paying jobs, such as lawyers or doctors, require a qualification that can take up to 6 years to get, and therefore are not possible for young people to do at a young age.

On the other hand, people nowadays are still fit to continue working well into their sixties or even seventies. I believe working keeps people not only mentally but also physically healthy, which is extremely important for the elderly. For example, my grandfather admits that he felt so bored and unhealthy after retirement that he had to set up a workshop near his house and has been working there ever since. This example also suggests that people should not consider working at a younger age as a way to save money for retirement.

In conclusion, I understand there are reasons for young people to start their working lives earlier than the generations of their parents or grandparents. However, working after the retirement age is a way to enjoy a longer life expectancy, and therefore there is no obligation to have a job and save money from an earlier age.

338 từ

Từ vựng

- Devote a larger proportion of their life to work: Cống hiến phần lớn cuộc đời cho công việc.
- Enter the workforce: tham gia vào lực lượng lao động.
- Unrealistic and counter-productive: Phi thực tế và phản tác dụng.
- Not only mentally but also physically healthy: Không những khỏe mạnh về mặt thể chất và còn về mặt tinh thần.

Chủ đề 1: In the modern world, it is possible to shop, work and communicate with people via the Internet and live without any face-to-face contact with others. Is it a positive or negative development in your opinion?

Luận điểm

Mặt lợi của "Internet":

.....

.....

Mặt hại của "Internet":

.....

.....

Dàn ý

Mở bài	• Giới thiệu chủ đề. • Đưa ra quan điểm cá nhân.
Thân bài *(2 đoạn)*	• **Đoạn 1:** Những mặt lợi của "Internet". • **Đoạn 2:** Những mặt hại của "Internet".
Kết bài	• Khẳng định lại quan điểm cá nhân.

Thực hành

Bài mẫu

With the Internet having a huge impact on our shopping, work and communication, we can now live without any face-to-face interaction with other people. Whilst making modern life more convenient in some ways, this situation is a negative trend in the long run.

In this day and age, we can literally stay at home and have almost anything delivered to our homes as most consumer goods are widely available for online purchase. We also have more opportunities in terms of employment because many applications like Skype or Google Hangouts allow employees to work from home. Members of an organization nowadays rely on email and other online platforms to maintain effective communication and ensure their businesses operate smoothly. When it comes to personal relationships, we use Facebook to connect and stay in touch with friends and relatives. The Internet, without doubt, enhances our shopping experiences, makes our workplaces more streamlined and efficient, and facilitates our communication with others.

However, we are faced with a foreseeable and unfortunate consequence due to our reliance on such technology. We are losing direct interactions that are deemed extremely important in this technological era. Children hardly spend time talking to their parents because they are too engrossed in media hype on Facebook. It is common to see both young and old people with their eyes glued to their phones instead of having conversations like they did before the advent of smart devices. This is leading us toward a society where people will turn to favoring virtual interactions and undervaluing real life relationships.

The influence of the Internet on many aspects of our lives is remarkable. However, the benefits it offers do not justify the fact that it is inflicting severe damage on our relationships, which can only flourish on the basis of true communication.

298 từ

Từ vựng

- To have almost anything delivered to our homes: Có hầu như mọi thứ chuyển đến nhà
- To be widely available for online purchase: Có sẵn để mua hàng online
- To maintain effective communication: Duy trì sự giao tiếp hiệu quả
- To stay in touch with: Giữ liên lạc với ai đó
- To enhance our shopping experiences: Làm tăng những trải nghiệm mua hàng
- To make our workplaces more streamlined and efficient: Làm cho nơi làm việc trở nên năng suất và trơn chu hơn
- To facilitate our communication: Làm cho sự giao tiếp trở nên dễ dàng hơn
- To be engrossed in: Đắm chìm vào điều gì đó
- To undervalue: Coi nhẹ cái gì đó
- To inflict damage on: Gây thiệt hại vào cái gì đó
- Flourish: Phát triển

Lesson

7.5 Cách viết 4 dạng bài luận trong IELTS (Tiếp)

3. Dạng "Opinion".

Ở dạng bài này, người viết cần nêu rõ quan điểm của mình đối với opinion được cho trong đề bài – đồng ý hay không đồng ý. Quan điểm của người viết cần nhất quán từ đầu đến cuối bài.

Ví dụ:

Some people think environmental protection is the responsibility of politicians, not individuals as individuals can do too little. To what extent do you agree or disagree?

Ở đề bài trên, ta cần xác định rõ rằng đề đang yêu cầu đưa ra quan điểm về trách nhiệm bảo vệ môi trường của các chính trị gia và người dân (liệu có phải các chính trị gia có vai trò quan trọng hơn so với người dân về việc bảo vệ môi trường).

Bài viết dưới đây sẽ nêu ra ý kiến không đồng ý với nội dung trong đề bài và nói rằng người dân cũng sẽ có vai trò quan trọng không kém các chính trị gia trong việc bảo vệ môi trường.

Responsibility of politicians	Responsibility of individuals
• Ban hành luật để xử phạt những hành vi phá hoại môi trường.	• Giảm thiểu việc dùng xe cá nhân và chuyển qua sử dụng phương tiện công cộng. • Tích cực dọn rác và giữ vệ sinh nơi công cộng.

Bài mẫu

Some people believe that the responsibility to protect the environment should fall upon politicians and not individuals as there is not much that ordinary people can do. In my opinion, the responsibility to protect the environment should not fall upon politicians alone because ordinary

Mở bài paraphrase lại đề bài và trình bày rõ ý kiến của người viết: cả "politicians" và "individuals" đều có trách nhiệm bảo vệ môi trường.

citizens can make a significant contribution.

Politicians can urge the government to impose new laws against actions that damage the environment. For instance, one of the major factors leading to environmental pollution is the overuse of plastic products, like bottles and bags, and this can be stopped if the government issues an official ban on all companies from using plastic packaging. In addition, the rate of deforestation can also be reduced if high-ranking bureaucrats agree to impose strict punishments, such as long-term imprisonment and heavy fines, on those who cut down trees illegally. However, besides introducing and enforcing new laws and regulations, I doubt that there is any further action that politicians can take to protect the environment.

Đoạn thân bài thứ nhất nói về một vai trò của các chính trị gia: thúc giục chính phủ ban hành luật chống lại các hành động phá hoại môi trường.

I believe that ordinary people, through small, everyday actions, can also greatly contribute to protecting the environment. First, citizens in many countries, like the Netherlands, have now shifted towards using bicycles and subway trains for their daily travel instead of cars, which has so far helped reduce a tremendous amount of CO2 released into the air, and improved air quality. Second, the problem of polluted oceans has also been tackled in many places thanks to groups of young people who voluntarily spend their time cleaning up beaches, or even diving into water to pick up trash. For example, many students in Nha Trang, a coastal city of Vietnam, spent nearly their whole summer holiday in 2018 keeping the beaches of their hometown clean by collecting all the trash from tourists.

Đoạn thân bài thứ 2 nhấn mạnh rằng người dân bình thường cũng có thể đóng góp vào việc bảo vệ môi trường bằng những hành động nhỏ hang ngày của mình.

In conclusion, I hold the view that politicians alone cannot deal with all environmental problems, and therefore individuals should also make a contribution to protecting the environment.

Đoạn kết bài tóm gọn lại quan điểm đã được phát triển xuyên suốt cả bài.

Practice

Chủ đề 1: Schools are no longer necessary because children can get so much information available through the Internet, and they can study just as well at home. To what extent do you agree or disagree?

Luận điểm

Học sinh có thể có được nhiều thông tin từ Internet:

.....

.....

Học sinh có thể tự học ở nhà hiệu quả hay không?

.....

.....

Dàn ý

Mở bài	• Giới thiệu chủ đề. • Đưa ra quan điểm cá nhân.
Thân bài *(2 đoạn)*	• **Đoạn 1:** Học sinh có thể có được nhiều thông tin từ Internet • **Đoạn 2:** Học sinh có thể tự học ở nhà hiệu quả hay không?
Kết bài	• Khẳng định lại quan điểm cá nhân.

Thực hành

Bài mẫu

Since there is a wealth of information available on the Internet, students can study by themselves at home just as effectively as they do at school; and therefore some people believe that schools are not needed anymore. In my view, much as I agree that students can study well at home with the help of the Internet, I feel that schools play a vital role in our society and cannot be replaced no matter what.

There are ways for children to learn from the Internet, most of which are either free or affordable for almost everyone. One great way is from online newspapers and video websites such as National Geographic and Youtube, which offers a variety of topic areas suitable for people of different ages. Children can learn a great deal of knowledge about culture, science, and many other areas which they are taught at schools. Also, they can participate in online courses favored by a growing number of youths nowadays. This type of learning is even more advantageous in the sense that children can flexibly choose to study whatever subjects they are interested in.

That being said, my conviction is that formal education is irreplaceable in any society. It is true that students can acquire knowledge at home very easily with the help of the Internet; however, lack of teachers' guidance and peer support is a clear disadvantage to this form of learning. These factors are extremely important to a child's intellectual development, which emphasizes the necessity of school environments. Furthermore, knowledge and skills are not the only things to expect from formal education but social relationships and mental development. Children who go to school and establish friendships can both have fun and improve their learning outcomes.

In conclusion, the Internet is a good way for young children to study at home, but I think that claiming schools are irrelevant to children's learning because of this is merely absurd.

273 từ

Từ vựng

- A wealth of information: Rất nhiều thông tin
- Online newspapers and video websites: Báo mạng và các trang web video
- A great deal of knowledge: Lượng lớn kiến thức
- Flexibly choose to study whatever subjects they are interested in: Linh động chọn học bất cứ môn gì họ thích
- Acquire knowledge: Lấy kiến thức
- Lack of teachers' guidance and peer support: Thiếu sự hướng dẫn và hỗ trợ của giáo viên và bạn bè
- A child's intellectual development: Sự phát triển trí tuệ của một đứa trẻ
- Formal education: Giáo dục trường học
- Social relationships and mental development: Các mối quan hệ xã hội và sự phát triển tinh thần
- Establish friendships: Thêm bạn mới
- Improve their learning outcomes: Cải thiện kết quả học tập
- Irrelevant to children's learning: Không liên quan đến việc học của trẻ em

Chủ đề 2: The best way to reduce youth crimes is to educate their parents with parental skills. To what extent you agree or disagree?

Luận điểm

Tại sao kĩ năng nuôi dạy con cái lại là một biện pháp tốt?

.....

.....

Còn những biện pháp nào khác tốt hơn?

.....

.....

Dàn ý

Mở bài	• Giới thiệu chủ đề. • Đưa ra quan điểm cá nhân.
Thân bài *(2 đoạn)*	• **Đoạn 1:** Tại sao kĩ năng nuôi dạy con cái là một biện pháp tốt. • **Đoạn 2:** Những biện pháp khác tốt hơn.
Kết bài	• Khẳng định lại quan điểm cá nhân.

Thực hành

Bài mẫu

It is true that more and more young people are getting involved in crimes, and how to best address this critical issue is an ongoing debate. There are many ways to prevent youth crimes, one of which is better parenting skills; however, those ways need to be carried out simultaneously if they are to be effective.

On the one hand, parents are the closest people to their children and more likely to have an impact on their children's behaviour. In fact, a vast number of youth crimes nowadays are the result of inappropriate childrearing, lack of childcare and education about crime alike. Therefore, it is totally reasonable to say that improving parenting skills will promise a decrease in juvenile offences.

However, education at home alone is not enough since there are a lot of kids who are not willing to listen to their parents. And children in this day and age spend the largest amount of time at school, and therefore are more likely to be influenced by their teachers or friends. For example, in my home country Vietnam, many high school students are susceptible to negative peer pressure. This usually leads to the increasing use of alcohol or drugs, all of which are primary contributors to crimes at this age. These facts suggest that we should introduce education about the consequences one may face when committing an offence in the school curriculum as well as help children manage negative peer pressure.

In conclusion, enhancing skills to educate children at home is a good way to curb juvenile delinquencies; but I think there is no one best way to do this as different measures need to be taken at the same time.

282 từ

Từ vựng

- Get involved in crimes: Dính líu đến tội phạm
- Have an impact on children's behavior: Có ảnh hưởng đến cách cư xử của trẻ em
- Inappropriate childrearing: Cách nuôi dạy con cái không hợp lý
- Juvenile offences: Tội phạm vị thành niên
- Susceptible to negative peer pressure: Dễ bị ảnh hưởng xấu từ bạn bè
- Commit an offence: Phạm tội
- Manage negative peer pressure: Kiểm soát ảnh hưởng xấu từ bạn bè
- Curb juvenile delinquencies: Giảm thiểu tội phạm vị thành niên

Lesson

7.6 Cách viết 4 dạng bài luận trong IELTS (Tiếp)

4. Dạng "Discussion"

Ở dạng bài này, người viết sẽ phải thảo luận về 2 ý kiến trái chiều về một vấn đề chung và nêu ý kiến của mình về vấn đề này.

Ví dụ

Some people work for the same organisation all their working life. Others believe it is better to work for different organisations. Discuss both views and give your opinion.

Dàn ý

Work for the same organisation	Work for different organisations
• Có nhiều cơ hội thăng tiến. • Hiểu rõ về cách vận hành của tổ chức và làm việc tốt hơn.	• Có nhiều mối quan hệ. • Có nhiều kinh nghiệm vì đã làm việc ở nhiều tổ chức, hệ thống khác nhau.

Bài mẫu

Some people choose to work for an organisation throughout their whole career while others think it is better to work for multiple organisations. In my opinion, both decisions come with several advantages and therefore should both be considered carefully by workers.

Phần mở bài paraphrase lại nội dung đề bài và đưa ra ý kiến của người viết về vấn đề đang được thảo luận.

On the one hand, there are several benefits when people remain in just one company all their working life. First, many employers value workers who have been loyal to the company for a long time and therefore are willing to give them more promotion opportunities and salary increases. For example, Tan Hiep Phat, one of the largest beverage manufacturers in Vietnam, usually gives very high bonuses to employees who have been with the company for more than 3 years and prioritise promoting long-term workers to managing positions. Second, people who spend several years working in the same company can understand the operation and system of the organisation very well, which can help them to perform well at work and even become mentors of new employees.

Đoạn thân bài 1 thảo luận quan điểm đầu tiên và nêu ra những lợi ích của việc làm cho một tổ chức duy nhất trong một thời gian dài.

On the other hand, working for many different organisations throughout one's career also has several advantages. To begin with, people who have worked for more than one company will have more chance to establish relationships with different colleagues than those who just remain in the same company in their whole career. As a result, job hoppers can easily get support from both current and former co-workers in case they encounter any difficulty in their career. In addition, working in different companies can bring employees a great deal of experience and knowledge as they are familiar with the working procedures and operations many organisations. Therefore, these people can easily adapt to a new working environment when they arrive at a new company.

Đoạn thân bài thứ 2 thảo luận ý thứ 2 và nêu ra những điểm lợi của việc làm việc cho nhiều tổ chức khác nhau.

In conclusion, I believe that working for either one or many companies during career can both be beneficial for workers, and therefore they should consider both options carefully in order to have a satisfying career life.

Đoạn kết bài nhấn mạnh lại ý kiến của người viết từ đầu.

Practice

Chủ đề 1: Some people could be naturally good leaders. Others believe that people can learn leadership skills. Discuss both views and give your opinion.

Luận điểm

Tại sao nhiều người lại nghĩ kỹ năng lãnh đạo là bẩm sinh?

.....

.....

Tại sao nhiều người khác lại nghĩ có thể học được kỹ năng lãnh đạo?

.....

.....

Dàn ý

Mở bài	• Giới thiệu chủ đề. • Định hướng người đọc những gì sẽ được bàn luận ở thân bài.
Thân bài *(2 đoạn)*	• **Đoạn 1:** Bàn luận về quan điểm kỹ năng lãnh đạo là bẩm sinh. • **Đoạn 2:** Bàn luận về quan điểm có thể học được kỹ năng lãnh đạo.
Kết bài	• Đưa ra quan điểm cá nhân rằng tất cả các khía cạnh đều quan trọng và một lãnh đạo tốt cần có một số tố chất bẩm sinh và hoàn thiện bản thân qua thời gian và luyện tập.

Thực hành

Bài mẫu

Some people think that great leaders are born and not made. Others, however, feel that leadership skills are developed over time through training, experience and mentoring. Both sides of this argument will be discussed in my essay below.

On the one hand, there are a number of reasons why some people feel that leadership is a characteristic that some people are born with. They might argue that good leaders possess optimism and energy that will encourage others to work together effectively. In fact, some studies have shown that these characteristics are genetic, as are certain individual talents that one may be blessed with at birth. Furthermore, people such as Barrack Obama, have certain charisma that allows them to inspire passion and energy in others, and this particular trait is also believed to be innate.

On the other hand, many people consider leadership a skill that can be learnt. There are other elements that make a person a great leader, such as discipline and resourcefulness, which can definitely be developed through one's up-bringing. Furthermore, the credibility of a true leader is built on his self-confidence and mastery of his area of expertise which only emerge after a great deal of time and experience. Without these qualities, a leader's capability may be questioned, and as a result, people are unlikely to heed the leader's direction.

In conclusion, I think the skills and attributes of a good leader are both genetic and enhanced through training, experience and a lot of persistent hard work. There are many people born with natural leadership skills that can still become good leaders in the future.

271 từ

Từ vựng

- Possess optimism and energy: Sở hữu sự lạc quan và năng lượng
- Encourage others to work together effectively: Khuyến khích người khác làm việc với nhau một cách hiệu quả
- To be blessed with at birth: Được ban tặng lúc mới sinh
- Have certain charisma: Có sự uy tín nhất định
- Inspire passion and energy in others: Truyền đam mê và năng lượng cho người khác
- Innate: Bẩm sinh
- Discipline and resourcefulness: Kỷ luật và sự tháo vát
- To be developed through one's up-bringing: Được phát triển qua quá trình nuôi dạy
- Heed the leader's direction: Làm theo sự chỉ đạo của lãnh đạo

Chủ đề 2: Some people say that what children watch on TV influences their behaviour while others say the amount of time children they spend watching TV influences their behavior. Discuss both views and give your opinion.

Luận điểm

Tại sao nhiều người lại nghĩ nội dung chương trình TV ảnh hưởng đến trẻ em?

.....

.....

Tại sao những người khác lại nghĩ thời gian xem TV mới ảnh hưởng đến trẻ em?

.....

.....

Dàn ý

Mở bài

- Giới thiệu chủ đề
- Định hướng bài viết

Thân bài
(2 đoạn)

- **Đoạn 1:** Bàn luận tại sao nhiều người lại nghĩ nội dung chương trình TV ảnh hưởng đến trẻ em
- **Đoạn 2:** Bàn luận tại sao những người khác lại nghĩ thời gian xem TV mới ảnh hưởng đến trẻ em.

Kết bài

- Đưa ra quan điểm cá nhân

Thực hành

Bài mẫu

Some people suggest that it is not how much time children spend watching television that has an impact on their behaviour, but rather the content of what they watch, while others disagree. I will discuss both sides of this argument in my essay below.

Firstly, over the last decade or two, there has been a steady increase in the amount of inappropriate content that has been allowed to be televised. Television programmes and commercials these days are full of graphic violence, sex scenes and sexual connotations, amongst other topics that are considered unsuitable for children's viewing. Even cartoon programmes these days are full of violence. Young children are the most affected by this issue due to the fact that they are still learning and developing ideas about the world. Being exposed to such content can negatively shape their views and personal relationships, and therefore affect their behaviour.

However, not only does the content of what children watch affect their behaviour but also how much time they spend watching television. In most modern societies it is very common for young children to spend hours of their day with their eyes glued to the television screen. Many children watch television as soon as they wake up in the morning and as soon as they come home from school. Many parents even consider the television to be like a baby-sitter, something to keep their children occupied. Unfortunately, this has many detrimental effects on children's behaviour, the primary reason being that most children suffer from a severe lack of outdoor activity and exercise, which are vital for a child's well-being and development.

In conclusion, I believe that both what children watch and how much time they spend watching television can impact their behaviour. Governing authorities should consider more stringent regulations when it comes to television programme content and parents need to be more careful about how much time their children spend watching television every day to avoid the negative implications that it can have on their children's behaviour.

334 từ

Từ vựng

- Inappropriate content: Nội dung không phù hợp
- Televised: Phát trên TV
- Graphic violence, sex scenes and sexual connotations: Hình ảnh bạo lực và tình dục
- Negatively shape their views: Định hình cái nhìn một cách tiêu cực
- Their eyes glued to the television screen: Dính mắt vào màn hình TV
- Detrimental effects: Ảnh hưởng xấu
- The primary reason: Lý do hàng đầu
- A severe lack of outdoor activitiy and exercise: Thiếu hoạt động ngoài trời
- Vital for a child's well-being and development: Cần thiết cho sự phát triển của trẻ
- More stringent regulations: Quy định nghiêm ngặt hơn
- Avoid the negative implications: Tránh những hệ quả xấu

Unit

8 Hướng dẫn tự học viết bài luận

1. Các bước tự học viết luận hiệu quả

Bước 1

Đọc kỹ phần phân tích đề bài để hiểu rõ các thông tin trong đề cũng như những lỗi cần tránh khi triển khai bài viết.

↓

Bước 2

Sử dụng vốn kiến thức xã hội và kỹ năng tiếng Anh của cá nhân mình để lập dàn ý bài viết.

↓

Bước 3

Đọc tham khảo và phân tích bài mẫu để học hỏi cách sử dụng từ và cách phát triển, chứng minh luận điểm.

↓

Bước 4

Viết bài sau khi phân tích bài mẫu và ứng dụng những gì đã học được vào các chủ đề tương tự.

2. Phân tích ví dụ

The increase in the production of consumer goods results in damage to the natural environment. What are the causes of this? What can be done to solve this problem?

Bước 1: Phân tích chủ đề

Đề bài yêu cầu phải đưa ra được hậu quả của việc gia tăng sản xuất sản phẩm tiêu dùng lên môi trường. Do đó, bài viết cần đưa ra hai nguyên nhân ô nhiễm môi trường đến từ việc gia tăng sản xuất hàng tiêu dùng và hai giải pháp để giúp việc sản xuất hàng tiêu dùng không còn gây hại cho môi trường nữa. Nếu đưa ra hậu quả của gia tăng sản xuất nhưng không liên quan đến môi trường, hoặc ảnh hưởng lên môi trường không đến từ gia tăng sản xuất, bài viết sẽ lạc đề và điểm TR (Task Response) sẽ không quá 5.0.

Bước 2: Lên ý tưởng và lập dàn ý theo vốn kiến thức cá nhân

Cause	Solution
• Industrial activities → air pollution + water pollution • Deforestation for wooden or agricultural products → soil erosion. • Oil exploitation → depletion of natural resources	• Government impose punishment on companies that harm the environment during the production process • Heighten companies' awareness of the environmental impacts of their practices • Encourage the use of eco-friendlier products.

Dàn bài: Đưa ra 2 nguyên nhân ở body một và 2 giải pháp ở body hai.

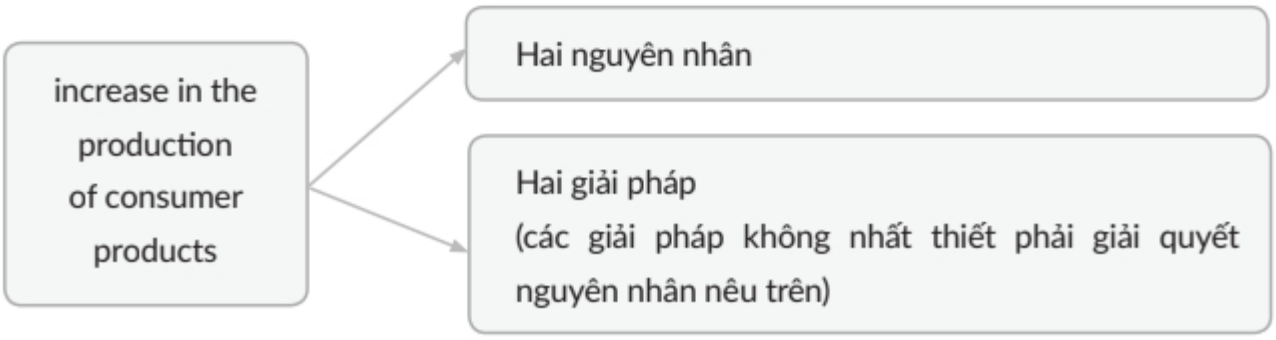

Bước 3: Phân tích bài mẫu

Nowadays, as more consumer goods are manufactured, more damage has been inflicted to the environment. I will outline several reasons for this and put forward some measures to this issue.

First of all, the increase in the production of consumer products harms the environment in two ways: the chemical by-products from the manufacturing process and the mass production of disposable goods. As more goods are produced, more toxic wastes and emissions are released from factories into nature. Water sources are contaminated, and the air is severely polluted, which results in the deaths of many marine and terrestrial animals. Also, to accommodate customers' ever-increasing demands, more single-use products are introduced, most of which are non-biodegradable. Though having a short lifespan, these products can remain as wastes for thousands of years, turning our planet into a huge landfill and posing a threat to the living habitats of all creatures.

Ý 1: Toxic waste and emissions → Pollution.
Ý 2: Short-lived products → increasing amount of waste → landfills → threaten the livelihood of animals.

Actions must be taken as soon as possible to minimize the negative impacts on environment arising from the increasing amount of consumer goods. First, companies should promote the use of eco-friendlier materials. For example, the giant coffee chain Starbucks has recently replaced plastic straws with reusable alternatives made of materials like paper or bamboo. In addition, many governments are also encouraging the development of more sustainable manufacturing processes. For instance, many states in the U.S offer tax breaks and incentives for businesses using renewable energy, and some firms are even allowed to purchase green energy at cheaper prices than traditional fossil fuels.

Ý 1: Use eco-friendly materials.
Ý 2: Encourage sustainable manufactoring processes.

In conclusion, there are two main reasons why the environment is severely impacted by the increase in production of consumer goods. To address this issue, governments and companies must join hands to make the production lines more environmentally friendly by switching to greener materials.

Từ vựng

- Chemical by-products: sản phẩm hóa học phụ (trong quá trình sản xuất).
- Manufacturing process / production lines: quy trình sản suất
- Marine and terrestrial animals: động vật trên cản và dưới nước
- Single-use product: sản phẩm dùng một lần.
- Non-biodegradable: không phân hủy được.
- Short lifespan: vòng đời ngắn.
- Landfill: bãi rác.
- Eco-friendlier materials: vật liệu thân thiện với môi trường.
- Tax breaks: khoản miễn thuế.

Bước 4: Viết bài và ứng dụng vào chủ đề tương tự

Chủ đề: These days people in some countries are living in a "throwaway" society which means people use things in a short time then throw them away. Is it a positive or negative development?

Lập dàn ý

Positive	Negative (ứng dụng ý tưởng ở bài mẫu)
• Ý 1: Encourage change and innovation. • Ý 2: Contribute to economic development.	• Ý 1: Toxic waste and emissions from mass production → Pollution. • Ý 2: Short-lived products → increasing amount of waste → landfills → threaten the livelihood of animals & even humans.

Practice

Chủ đề 1: The availability of entertainment such as video games on handheld devices is harmful to individuals and to the society they live in. To what extent do you agree and disagree?

Bài mẫu

The increasing popularity of entertainment on portable devices is believed to have a negative effect on individuals and society. In my opinion, I think this development has both benefits and drawbacks.

To begin with, the availability of entertainment on handheld devices is advantageous in many ways. From an individual perspective, video games and other types of entertainment serve as excellent relaxation tools for people who suffer from high levels of work-related stress. These convenient sources of entertainment allow people to destress whenever they want, either during breaks or after a long day at work, without having any impact on their productivity. Also, many mobile games help to create global communities for people sharing the same interests. For example, PUBG mobile has successfully hosted international events and competitions, and thus connected millions of players together from all around the world.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Beneficial as it may be, too much easily accessible entertainment on handheld devices can bring about several negative impacts. Since video games could be addicting, many young people these days spend too much time on their devices, and therefore isolate themselves from their families and friends. This lack of face-to-face interaction not only hurts many real-life relationships but also increases the risk of mental health

.....
.....
.....
.....
.....
.....

issues among the youth. In addition, when people waste large amounts of time on video games, they tend to be less active, which can eventually lead to a society of people living sedentary lifestyles. Lack of exercise over a long period of time makes people vulnerable to metabolic diseases such as obesity, causing the deterioration of health and burdening a country's healthcare system.

In conclusion, although the accessibility of entertainment on portable devices can result in many health risks, they can also be effective stress relievers for many people, and encourage the networking of like-minded individuals across the globe.

Ứng dụng

1. Some people regard video games as a useful educational tool. However, others think that video games are harmful to people who play them. Do the advantages of video games outweigh the disadvantages?

2. Many children nowadays prefer playing video games to playing outdoor sports. What are the effects of this? What can be done to encourage those children to play more outdoor sports?

3. People are having less and less physical exercise. What are the reasons for this trend? What can be done to encourage people to do more physical exercise?

Chủ đề 2: Some people say cultural traditions are destroyed when they are used as money-making attractions aimed at tourists. Others say this is the only way to save such traditions.
Discuss both views and give your opinion.

Bài mẫu

Some people feel that cultural traditions are ruined when people use them to make money from tourists. Others claim that using these traditions as money-making ventures is the only way to save them. In my opinion, both views are true to a certain extent.

To begin with, many traditional customs are modified for commercialization, and end up losing their originality and value. For example, Vietnamese traditional dances such as the lion dance, which were traditionally performed only by martial artists during special occasions, are now often poorly performed by amateurs at tourist sites across the country. Such changes not only give foreign visitors a false impression, but can also make the dance less meaningful to the local people. Also, many traditionally sacred sites are heavily damaged by the irresponsible behaviors of tourists. For instance, a well-known Youtuber named Logan Paul recently visited Japan and filmed himself dumping a bag of coins into a sacred well, where people often drop coins for luck, and did permanent damage to one of Japan's most famous iconic traditions.

On the other hand, there are several reasons why monetizing from cultural traditions is the only way to protect them. Firstly, the revenue could be used for the preservation of such traditions. For example, many people in Bat Trang village in Vietnam make their living from selling traditional ceramic products, and thus are able to continue one of the oldest traditions in Viet-

nam. Secondly, by putting cultural tradtions on public display, the government could heighten people's awareness of preserving these traditions. For instance, the Vietnamese government has built several museums around the country that solely exhibit examples of ethnic minority cultures in an attempt to protect cultural values without affecting the lives of these ethnic people, yet successfully gathering much public attention and support.

In conclusion, using cultural traditions as money-making attractions has both positive and negative impacts on the preservation of such traditions.

Ứng dụng

1. Some people think that we cannot preserve our culture and develop our tourism at the same time. Do you agree or disagree with that statement?

2. Some people say that international travel causes tension between tourists and local people. Do you agree or disagree?

3. Tourism is one of the biggest industries in the world; and many countries depend on their tourism industries to create more incomes. What problems does tourism cause? Do the economic benefits of tourism justify the problem it causes?

Chủ đề 3: Fossil fuels, such as coal, oil and natural gas, are the main source for many countries. However, some nations are using alternative energy such as solar power and wind power.
Do you think this is a positive or negative development?

Bài mẫu

Although fossil fuels still remain the most important energy sources in many places, some countries are now already using alternative sources like solar or wind power. In my opinion, it can be difficult for a country to move towards using alternative energy at first, but this development brings about several benefits in the long run.

On the one hand, the change towards using alternative types of energy would probably put a heavy financial burden on the government and companies as they will have to invest millions of dollars in purchasing and developing new equipment and facilities for harnessing solar, wind or hydro-electric power. For example, the average cost of installing a wind turbine for generating electricity is about $3 million, and an average country would require a wind farm with hundreds of turbines to supply power to all companies and households. In addition, the production cost of large solar panels is still very high, which is why many countries, especially those with a poor economy, are still unable to use this power source.

However, I still believe that shifting towards using alternative energy is a worthwhile investment due to the great benefits it brings. Firstly, fossil fuels are the main cause of air pollution nowadays since petroleum-powered vehicles and factories are releasing tremendous amounts of CO2 into the atmosphere every day. Therefore, replacing coal and petroleum with wind or solar power will help to reduce the level of emissions in the

atmosphere and improve air quality. Secondly, fossil fuels, like natural gas or oil, are finite resources and will soon be depleted, which will potentially threaten the economy if there are no alternative sources. This fact emphasizes the need to develop renewable energy to gradually replace traditional sources when fossil fuels inevitably run out.

In conclusion, I hold the view that despite the high initial cost of new equipment and facilities, the switch from fossil fuels to renewable energy sources is still necessary for the long-term development of the planet.

Ứng dụng

1. Some people say that everyone should use renewable energy sources such as solar or wind power instead of fossil fuels. To what extent do you agree or disagree?

2. The use of fossil fuels is causing many environmental problems all over the world. What are those problems? What can be done to reduce the environmental impacts of fossil fuels?

Chủ đề 4: In some countries, small town-center shops are going out of business because people tend to drive to large out-of-town stores. As a result, people without cars have limited access to out-of town stores, and it may result in an increase in the use of cars. Do you think the disadvantages of this change outweigh its advantages?

Bài mẫu

In many countries the world over, small shops in city centers cannot compete with large stores that are based on the outskirts; therefore, many of those small businesses are threatened with closure. This leads to a number of consequences; and in my view, this change does more harm than good.

Increasing bankruptcies among small town-center shops are an unfortunate situation that puts local people to great inconvenience, with those who are not in possession of a car standing most affected, because they now have to travel to a distant place to shop. The time used for such journeys could be better spent on other activities that are of greater importance, be it work or entertainment. The situation's impacts are also far beyond individual levels. It causes a significant loss for the economy of any city where large numbers of such businesses are forced to shut down. This may inflict unexpected damage on the national economy as a whole.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

The rise in car usage caused by people's demand for long distance travel is also problematic. Traffic congestion will become worse due to the higher number of vehicles on streets. Furthermore, the quantity of pollutants emitted from car engines will rise, which heightens pollution levels in those places and adversely affects human health.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

However, this change in people's shopping preference may encourage them to move to out-of-town areas to live. Given the fact that modern cities are faced with overpopulation and consequently ever-growing pressure on housing supply systems, this could be considered a start of relieving such pressure.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

In conclusion, the trend towards shopping in large stores located away from city centers is having many negative impacts. Although it could encourage some people to move to places where these stores are established and help solving some population problems in modern cities, I doubt that the trend could promise any significant outcome.

Ứng dụng

An increasing number of people choose to shop at out-of-town stores instead of town-center shops.

What problems does this cause?

Do you think it is better to encourage businesses to move their stores to out-of-town areas?

Chủ đề 5: Some people say that it is necessary to use animals for testing medicines intended for human use. Others, however, think it is cruel and unnecessary. Discuss both views and give your own opinion.

Bài mẫu

People have different views about whether animal testing for medical research is necessary or not. From my perspective, animal testing plays an integral role in the medicine industry, in spite of the drawbacks it brings.

There are two major reasons why some people oppose the idea of using animals for medical experiments. Firstly, it is believed that such experiments are cruel and inhumane, and therefore should be prohibited. Every year, many animals are subjected to medical experimentation and have to suffer physical pain and even deprivation of food and water. Additionally, in order to implement research on animals, large amounts of money are expended on the establishment of facilities and human resources. This can be a burden on a country's national budget, preventing the government from investing in other more important aspects like education and housing.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Despite the above-mentioned disadvantages, in my opinion, animal testing is necessary. Humans are still reliant on animal testing for many purposes, including developing new medications and checking the safety of medical products. In fact, the most powerful supercomputers are currently unable to understand the workings of the human body, and complex organs such as the brain and heart, which is crucial for medical research and development. More importantly, due to biological similarities,

.....
.....
.....
.....
.....
.....

medical research needs to be implemented on animals, which will bring about better outcomes in medical research compared to other methods. Over many years, chimpanzees, the closest relatives of humans, have been used to investigate advanced treatments for cancer and heart disease, and until now, there is still no better alternative.

In conclusion, although animal testing may be cruel and cost a significant amount of money, it still needs to be conducted because of the unique benefits.

Ứng dụng

1. Some people think that wild animals are not important in the 21st century.
To what extent do you agree or disagree?

2. Many people regard animals as an important part of the world.
What are the roles of animals?
Is it our responsibility to protect some animal species from extinction?

Chủ đề 6: Many people are now spending more and more time travelling to work or school. Some people believe that this is a negative development while others think there are some benefits. Discuss both views and give your opinion.

Bài mẫu

These days, many people are spending an increasing amount of time commuting to their workplace or school. Although there may be some benefits to this development, I believe it is mostly negative.

There are only a couple of benefits that people could possibly gain from having to spend large amounts of time travelling to and from work or school, which are mostly related to those who commute via public transport. Firstly, travelling on public transport can allow people time to get things done that they have been too busy to complete. For example, some school kids have to spend up to one hour travelling by bus every day and this is a great opportunity for them to get their homework done. Likewise, some adults may use this time to catch up on some unfinished work on their laptop, or plan their work schedule for the day. Furthermore, sitting on a bus or train is also a great time to relax and read a book.

However, not all people can take advantage of these benefits. For example, in Vietnam, only a small percentage of people use public transport and therefore have no opportunity to read or catch up on work. Instead, most people are stuck in traffic jams during rush hours, sitting on a motorbike breathing in toxic fumes from other vehicles, which in the long term can lead to a number of serious health issues. Additionally, spending more

and more time commuting leaves less time for other more important activities, like spending time with loved ones, or pursuing one's hobbies. And lastly, from my observations, when travelling on public transport these days, the majority of people are not reading or working, but keep their eyes glued to their smartphone browsing social media, which could be considered as an unhealthy waste of time.

Overall, I believe this is a negative development, however it really depends upon how people spend their time while travelling.

Ứng dụng

1. Many people in big cities nowadays choose to live very far from their workplaces. What are the reasons for this trend? Is it a positive or negative development?

2. In many big, modern cities, people choose to go to work by public tranport and therefore spend a lot of time travelling. Why do people choose to do that? Do you think it is better to travel by private vehicles instead of public transport to save time?

Chủ đề 7: Although more and more people read the news on the Internet, newspapers will remain the most important source of news for the majority of people. Do you agree or disagree?

Bài mẫu

Some people believe that despite the spreading popularity of the online media, traditional newspaper will still hold the most vital position among news readers. In my opinion, this idea is rather absurd as the Internet has become increasingly dominant due to the benefits it offers.

The first thing that attracts people to reading news on the online sources is their easy access. With the presence of the Internet around almost every corner of the world, people with a portable device such as a mobile phone can access huge storage of news. In fact, latest events, for example IS Terrorist attacks, would be updated immediately on CNN or New York Times. By contrast, with prolonging procedures including editing and printing, traditional newspaper might not be able to compete with the Internet in terms of the updating speed.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Another benefit with which the Internet can, from my point of view, take over the position of printed newspaper is the new experience it brings to readers. One limitation of newspaper is that it cannot convey visual messages to the people who read news on a regular basis. Meanwhile, non-stop progress of the technology industry has unfolded the possibility to upload videos and voice records on various online websites. For instance, soccer fans these days can rewatch their favorite matches anytime they want with only a laptop connected to the Internet,

.....
.....
.....
.....
.....
.....

which a mere paper cannot do.

In conclusion, I disagree that printed newspaper would continue to be the crucial source of information because more and more people will be drawn to use the Internet.

Ứng dụng

1. An increasing number of people are reading news on the Internet. Some people think that printed newspapers are not needed anymore. Do you agree or disagree with that statement?

2. Some people think that news on the Internet is not reliable. What are the reasons? Are there more reliable sources of news available?

Chủ đề 8: In many countries, imprisonment is the most common solution to crimes. However, some people believe that better education will be a more effective solution. To what extent do you agree or disagree?

Bài mẫu

Although prison is considered as a powerful way to control crime, improvements on education have gained social endorsement as a means to eliminate the problem from its root. Personally, I agree with supporters of the second statement.

On the one hand, the reasons why prisons are of necessity for social security are varied. Advocates of maintaining prison systems insist that law breakers should be contained to ensure the safety of other citizens. Especially, dangerous criminals such as murderers have to be imprisoned for their felonies because this punishment is a symbol of justice and fairness. Furthermore, severe prison sentences are believed to be a deterrent against crimes. Knowing there might be a chance of getting caught and condemned to jail, which also means losing freedom and leading a miserable life in a cell, those who are having the intention of committing crimes would reconsider going down the path.

On the other hand, I would side with those who think education serves as a remedy for the origin of crimes. Education contributes greatly to heightening people's intellect and to forming a civilized society. With access to better educational services, citizens would be well-informed about the damage that committing crimes would cause to their community and themselves, which eventually will lead to a decline in crime rates. Additionally, the possession of certain qualifications through

fundamental education like vocational training could secure a person's stable life, which would dispel any ideas of committing crimes.

In conclusion, it seems to me that improving education systems would be the most justifiable to answer to the question of crimes even though the impacts of prisons are undeniable.

Ứng dụng

1. Some people think that longer prison time is the best way to reduce crime. To what extent do you agree or disagree?

2. It is thought that letting people who become good citizens after being released from prison talk to teenagers is the best way to deter these young people from committing crime. However, others believe that there are other better ways to do this. Discuss both views and give your opnion.

Chủ đề 9: International travel is becoming cheaper, and countries are opening their doors to more and more tourists.
Do the advantages of increased tourism outweigh disadvantages?

Bài mẫu

Travelling abroad is becoming more affordable than ever before, and many nations are implementing new approaches to attract more tourists. Although there are still drawbacks of international travel, I think its values are more significant.

On the one hand, the downsides of welcoming foreign visitors are varied. First, the local environment can be adversely affected due to facility and infrastructural development. For example, in Vietnam, many tourism companies are permitted to chop down a great area of forests to construct modern commodities such as hotels and golf courses, exerting dire consequences on natural habitats. As for the countries that play host to international tourists, the rise in costs of living may lay much pressure on local people and be a detriment to domestic travel. This is because the growth in the number of tourists from abroad would encourage costs of hotel rooms and other services to increase. People in the neighborhood and domestic visitors would suffer in comparison.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

On the other hand, I suppose the benefits of international travel would eclipse those analyzed disadvantages. First, the regional economy can enormously benefit from the burgeoning tourism industry as more occupations will be created to accommodate the needs of tourists. Local people can have more job opportunities in hotels or restaurants and therefore earn more money

.....
.....
.....
.....
.....
.....

to improve their living standards. Second, the increased number of foreign people coming to visit another country would evidently enhance tourism industries, contributing greatly to the wealth of that country. If tourists enjoy their trips, they will recommend the destination to their friends or perhaps they will come back in the future.

In conclusion, it appears to me that the merits of international tourism are more notable than its drawbacks.

Ứng dụng

1. Some people think that international travel makes people become more prejudiced rather than open-minned. To what extent to you agree or disagree?

2. Organized tours to remote areas and community is increasingly popular. Is it a positive or negative development for the local people and the environment?

3. Nowadays, international tourism is the biggest industry in the world. Unfortunately, international tourism creates tension rather than understanding between people from different cultures. To what extent do you agree or disagree with this opinion?

Chủ đề 10: Many young people now know more about international pop and movie stars than famous people in the history of their countries.
What are the causes? Give solutions to increase the number of people to know about famous people in history.

Bài mẫu

These days, young people tend to have more interests in international celebrities than historical figures in their country. This essay will present possible causes of this trend as well as the appropriate solutions to improve the situation.

There are several reasons why the young nowadays know more about famous movie and music stars instead of having knowledge of the history in their country. To begin with, social media contributes to the increasing interest of young people in celebrities. It is common to notice that famous people's lives are grabbing the headlines of the majority of newspapers, especially the online ones. Since teenagers now spend most of their spare time surfing the Internet, they are likely to be exposed to ubiquitous posts or articles about actors or singers more frequently, thus becoming more fascinated about such topics. In addition, another cause of this trend is the tedious teaching method of history at high school. It seems that history itself is not attractive, leading to the fact that students will suffer from utter boredom if their teachers fail to make history lessons more interesting.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Various solutions can be adopted to make young people more interested in history and historical people. First of all, film makers should be encouraged to produce movies based on key historical events. Young people will be eager to watch such movies, especially when their idols are chosen for the starring role. As a result, they will gain more knowledge about a particular

.....
.....
.....
.....
.....
.....

historical period by watching those films. Second, the teaching method in history classroom should be tailored in order to arouse students' interests. Instead of teaching merely a long list of names and dates in textbooks, teachers can add motion images and vivid sound effects to create more appealing lessons.

In conclusion, although young people these days do not pay as much attention to history as they do to celebrities, this problem can be dealt with by several suggested solutions.

Ứng dụng

1. Historical sites are often visited by tourists, not local people. What are the reasons for this? What can be done to encourage local people to visit such sites?

2. Some people think that celebrities in the entertainment industry are setting a bad example for young people who admire those celebrities. Do you agree or disagree?

Chủ đề 11: People think that countries should produce foods their population eats and import less food as much as possible.
To what extent do you agree or disagree?

Bài mẫu

Some people believe that countries should produce their own food for their citizens and reduce the amount of food that is imported. Personally, I totally agree with this point of view.

There are several reasons why a country should produce its own food for its population, one of which is the creation of more jobs. When the demand for domestically produced food grows within a country, there will be more job opportunities available for local people in farming and food processing industries, leading to a reduction in unemployment rates. Secondly, it may be easier to control food quality when it is produced domestically, as authorities can easily monitor farms and food processing plants, in order to maintain safe, hygienic food standards.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Additionally, food imports should be reduced due to a number of reasons. Firstly, putting barriers on importing food can help to boost a country's economy by eliminating the competition that local companies face with foreign products, allowing them to be more profitable and contribute to the national economy. Furthermore, food importation can have negative environmental impacts due to the large amounts of carbon emissions released from the transportation of products all around the world via planes, trucks, and ships. By reducing food imports, countries can play their part in helping to protect the environment,

.....
.....
.....
.....
.....
.....

rather than contributing to environmental issues such as climate change.

In conclusion, I believe that each country should invest in the development of its agricultural industry to provide food for the population itself, and import as little as possible.

Ứng dụng

1. In many countries, people tend to buy food products that are imported. What are the reasons for this? What can be done to encourage people to buy locally produced food products?

2. Food travels thousands of miles from producers to consumers. Some people think that it would be better for the environment and economy if people only ate the local food produced by local farmers. To what extent do you agree or disagree?

Chủ đề 12: Some people think that international car-free days are an effective way of reducing air pollution, however, others think there are other ways.
Discuss both views and give your opinion.

Bài mẫu

While international car-free days are thought to effectively reduce the level of air pollution, some people believe that there are other alternatives that are more effective. This essay will discuss both of these views.

It is true that exhaust fumes from cars are a major cause of air pollution as they contain a relatively high proportion of pollutants such as CO2. By having some days without cars on the road, no harmful smoke will be released into the atmosphere, and this will therefore improve air quality. This policy is extremely effective in big cities around the world, such as Beijing, which is known its atmosphere filled with smog. Since this car-free day policy has been introduced, the air quality of the city has greatly improved.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

On the other hand, local governments should try to further encourage the use of public transport, such as subways and buses, as they produce a smaller quantity of pollutants, which in turn is less likely to impact air quality. In addition to this, the disposal of waste, especially plastic waste which emits toxic fumes if burned, should be closely regulated and monitored. The final and most effective way of reducing air pollution is to use sustainable and environmentally-friendly energy sources, such as solar or wind power, to replace fossil fuels in the long term.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

In my view, these measures are all effective in addressing the problem of air pollution, but only to a certain extent. Such a problem needs to be dealt with by a number of different approaches and I believe that only implementing one approach will be ineffective.

Ứng dụng

1. Big cities nowadays are facing a number of environmental problems. What are those problems? Suggest some solutions to deal with those environmental problems.

2. Increasing car use is contributing to numerous problems that people are facing everyday. What problems does increasing car use cause? What can be done to discourage people from using their cars?

Chủ đề 13: It is better for college students to live far away from home than live at home with their parents. Do you agree or disagree?

Bài mẫu

There has been a question whether students should start an independent life in a dormitory on campus. Some people say it is better that way; however, my firm conviction is that it depends on the culture of the region where certain groups of students are living.

This practice is popular in Western-based societies, like the US or the UK. Independence from parents at young age is largely accepted and encouraged, especially when students reach 18 and are able to make a living on their own. The majority of them seek a temporary job near school to gain work experience, and others might spend time participating in youth clubs and activities on campus. This element, I think, is closely linked to their development and future success.

However, in many Asian countries, Vietnam for example, where traditional values of family bond have a significant role to play in youths' lives and national ethos, I suspect that it would bring more harm than good. It is, however, common for family members to live separately when they are pursuing tertiary education because most universities in Vietnam are located in major or municipal cities. Students from other provinces have to stay at dormitory or rent a room off campus in order not to disrupt their study. I would see this as a detrimental sign to family relationships because it would possible lead to the sad disappear-

ance of the country's long-standing culture.

Due to my aforementioned argument, I do not suppose living at schools away from family is always a better decision for a college student is a valid point.

Ứng dụng

1. More and more people choose study overseas. What are the reasons for this? Is it a positive or negative development?

2. More and more parents are sending their children to boarding schools. What are the reasons for this? Is it a positive or negative development?

Chủ đề 14: It is more important for schoolchildren to learn about local history than world history. To what extent to you agree or disagree?

Bài mẫu

Many people have valued the role of local history to schoolchildren over that of world history. In my opinion, I disagree with those people as both of them are equally essential for young learners.

Studying the history of their hometown is for sure an indispensable part of school's curriculum during students' early education. I believe having a thorough insight into what happened in the past at one's locality develops his patriotism. For example, children of primary and secondary schools in my village are taught about how their ancestors defended their land against outside intruders and reclaimed sovereignty. Therefore, those young children would take pride in their origin and treasure the life they have today. Additionally, I think it is not only students' privilege but also their responsibility to know about their own history to understand their hometown's traditional values and identity.

From another angle, learning about world history is equally important. Acquiring knowledge about the world's past events equips students with a more well-rounded perspective of life. Lessons about the World War or Feminism protest against women's abuse and discrimination would help those learners enhance their understanding about various aspects of the world. Furthermore, I think that being taught about the other

countries' historical backgrounds would benefit young learners in their future career. Students who accumulate knowledge of this particular field at an early age will be more likely to work for foreign enterprises, especially those who highly value company culture like Japan.

In conclusion, I believe the significance of local and world history cannot be brought into comparison because they hold different meanings to the development of young children.

Ứng dụng

1. Museums and art galleries should concentrate on works that show the history and culture of their own country rather than works of the other parts in the world. To what extent do you agree or disagree?

2. Many museums and historical sites are mainly visited by tourists but not local people. Why is this the case and what can be done to attract more local people to visit these places?

3. Some people say history is one of the most important school subjects. Other people think that, in today's world, subjects like science and technology are more important than history. Discuss both these views and give your own opinion.

Chủ đề 15: Many people say that universities should only offer places to young students with the highest marks, while others say they should accept people of all ages, even if they did not do well at school. Discuss both views and give your own opinion.

Bài mẫu

In today's society, where the acquisition of knowledge is the key to better career prospects, having access to tertiary education is a life-changing opportunity for many students. However, some claim universities should only accept young students with the highest grades, while others believe every student, regardless of age and academic ability, should be given equal educational opportunities. I will discuss both views and state my opinion in the following essay.

Firstly, high school students with higher grades are more deserved to attend university as their grades somewhat imply that they have superior academic skills compared to their peers, be it a better memory, logical thinking or time management skills. Therefore, such students are more likely to handle the immense workload and pressure at university. Moreover, offering university places to only a limited number of students would result in high-quality undergraduates. For example, most prestigious colleges in Vietnam, whose acceptance rates are low, only recruit the highest scorers in the national university entrance exam to make sure that all of the universities resources are available for students who have a higher chance of success.

As sensible and beneficial as it is, many people oppose the aforementioned idea since they believe that only accepting young academically-gifted individuals is unfair to older students or those who do not do well at school. Firstly, a student's s age or performance at school does not always reflect their potential to succeed at university. Thus, it is unethical to deny access to

tertiary education to some students, especially in a world where formal qualifications are of great importance in gaining employment. Also, there is more to college admissions than just academic performance. In fact, many well-known universities in America, like Harvard or Yale, not only accept academically gifted students but also those who are particularly gifted in sport or art. This helps to maintain a diverse community, where each student is valued and rewarded for what they are good at instead of just academic excellence.

In conclusion, although only accepting students with high marks is advantageous in some ways, I believe providing university places for all students is more just and beneficial in the long run.

Ứng dụng

1. Students should be taught academic knowledge so that they can pass exams, and skills such as cooking or dressing should not be taught. To what extent do you agree/disagree?

2. Some people think that schools should reward students with the best academic results, while others believe it is more important to reward students who show improvements. Discuss both views and give your opinion.

3. Education for young people is important in many countries. However, some people think that the government should spend more money on education in adult population who cannot read and write. To what extent do you agree or disagree?

Chủ đề 16: Some universities offer online courses as an alternative to classes delivered on campus. Do you think this is a positive or negative development?

Bài mẫu

Online learning has become a common feature of university education for some time. In my opinion, this has both positive and negative impacts on students' learning outcomes.

On the one hand, offering online courses at universities can be beneficial in several ways. Firstly, those courses allow students to have a flexible learning schedule because they are able to attend lessons at a particular time and place that they find most suitable. This is particularly advantageous for students who live far away from campus. Secondly, students can have access to an unlimited amount of resources on the Internet, the majority of which are free of charge. This can facilitate their learning process and improve their independent learning skills.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

On the other hand, online courses are a poor substitute for traditional classes delivered at universities. These courses do not offer learners face-to-face interaction which is still important to their understanding of the lessons. In addition, this type of learning does not allow discussions between classmates either, and without peer support, student's learning outcomes might be affected in an undesirable way. Furthermore, as a lot of self-discipline is required and there are so many distractions from the Internet while studying from an online website, students are more likely to procrastinate. This also contributes to lower results as students may tend to lose focus during online

.....
.....
.....
.....
.....
.....

lessons.

In conclusion, having online courses available to choose from while at university benefits students in a number of ways. However, their drawbacks in terms of decreased learning outcomes should be accounted for.
access to

Ứng dụng

1. Research shows that business meetings, discussions and training are happening online nowadays. Do the advantages outweigh the disadvantages?

2. In the modern world, it is possible to shop, work and communicate with people via the internet and live without any face-to-face contact with others. Is it a positive or negative development?

3. There are more workers who work from home and more students who study from home. This is because computer technology is more and more easily accessible and cheaper. Do you think it is a positive or negative development?

Phụ lục

Danh sách chủ đề

1. Nowadays, some employers think that formal academic qualifications are more important than life experience or personal qualities when they look for new employees. Is it a positive or negative development?

2. Some people believe that it is more important to teach children the literature of their own country than other countries. Do you agree or disagree?

3. The best way to ensure the growth of children is to make parents take parenting courses. Do you agree or disagree?

4. Some people think that developing countries need financial help from international organizations. Others think that it is practical aid and advice that is needed. Discuss these views and give your own opinion.

5. People have little understanding of the importance of the natural world. What are the reasons and how can people learn more about the natural world?

6. In many countries, people like to eat a wider range of food than can be grown in their local place. Therefore, much of the food people eat today has to come from other regions. Do you think the advantages of this development outweigh disadvantages?

7. Advertising are becoming more and more common in everyday life. Some people say that advertising has a positive impact on our lives. To what extent do you agree or disagree?

8. International tourism has brought enormous benefit to many places. At the same time, there is concern about its impact on local inhabitants and the environment. Do the disadvantages of international tourism outweigh the advantages?

9. People say that reading for pleasure helps people to develop imagination and better language skills than watch TV. To what extent do you agree or disagree?

10. The range of technology available to people is increasing the gap between the rich and the poor. Others think it has an opposite effect. Discuss both views and give your opinions.

11. Advertising are becoming more and more common in everyday life. Some people say that advertising has a positive impact on our lives. To what extent do you agree or disagree?

12. Large shopping malls are replacing small shops. Do you think it is a positive or negative development?

13. For schoolchildren, their teachers have more influence on their intelligence and social development than their parents. To what extent do you agree or disagree?

14. Some people think that the best way to improve road safety is to increase the minimum legal age for driving a car or motorbike. To what extent do you agree or disagree?

15. In most successful companies, some people think that communication between employers and workers is the most important factor, other people say that other factors are more important. Discuss both views and give your opinion.

16. In many countries, the costs of living are rising. What are the effects on individuals and society? Suggest solutions to this problem.

17. Many animal species are becoming extinct due to human activities both on land and in the sea. What activities can harm animal existence? What can be done to prevent this?

18. Children nowadays are spending too much time playing video games and very little time playing sports. Why is this happening? Is this a positive or negative development?

19. It is becoming increasingly popular for people to have a year off between finishing school and going to university. Do the advantages of having a gap year outweigh its disadvantages?

20. Fossil fuels, such as coal, oil and natural gas, are the main source for many countries. How-

ever, some nations are using alternative energy such as solar power, wind power. Is this a positive or negative development?

21. Some people work for the same organisation all their working life. Others believe it is better to work for different organisations. Discuss both views and give your opinion.

22. Some people think parents of children who commit crime should also be punished as they are responsible for their children's crime. To what extent do you agree or disagree?

23. Some people think that reading for pleasure can help people develop imagination and creativity better than watching TV. To what extent do you agree or disagree?

24. Many people now do not feel safe either when they are at home or out. Why is this happening? What can be done help people feel safer?

25. Some people think the government should ban dangerous sports. Others believe people should have the freedom to do any sports and activities they want. Discuss both views and give your opinion.

26. Some people think films are less important than other forms of art. To what extent do you agree or disagree?

27. The increase in people's life expectancy means that they have to work until an older age to pay for their retirement. One alternative is that people start to work at a younger age. Is this alternative a positive or negative development?

28. In the modern world, it is possible to shop, work and communicate with people via the Internet and live without any face-to-face contact with others. Is it a positive or negative development in your opinion?

29. Schools are no longer necessary because children can get so much information available through the Internet, and they can study just as well at home. To what extent do you agree or disagree?

30. Some people could be naturally good leaders. Others believe that people can learn leader-

ship skills. Discuss both views and give your opinion.

31. Some people say that what children watch on TV influences their behaviour while others say the amount of time children they spend watching TV influences their behavior. Discuss both views and give your opinion.

32. The availability of entertainment such as video games on handheld devices is harmful to individuals and to the society they live in. To what extent do you agree and disagree?

33. Some people regard video games as a useful educational tool. However, others think that video games are harmful to people who play them. Do the advantages of video games outweigh the disadvantages?

34. Some people say cultural traditions are destroyed when they are used as money-making attractions aimed at tourists. Others say this is the only way to save such traditions. Discuss both views and give your opinion.

35. Some people think that we cannot preserve our culture and develop our tourism at the same time. Do you agree or disagree with that statement?

36. Fossil fuels, such as coal, oil and natural gas, are the main source for many countries. However, some nations are using alternative energy such as solar power and wind power. Do you think this is a positive or negative development?

37. Some people say that everyone should use renewable energy sources such as solar or wind power instead of fossil fuels. To what extent do you agree or disagree?

38. In some countries, small town-center shops are going out of business because people tend to drive to large out-of-town stores. As a result, people without cars have limited access to out-of town stores, and it may result in an increase in the use of cars. Do you think the disadvantages of this change outweigh its advantages?
39. An increasing number of people choose to shop at out-of-town stores instead of town-center shops. What problems does this cause? Do you think it is better to encourage businesses to move their stores to out-of-town areas?

40. Some people say that it is necessary to use animals for testing medicines intended for human use. Others, however, think it is cruel and unnecessary. Discuss both views and give your own opinion.

41. Some people think that wild animals are not important in the 21st century. To what extent do you agree or disagree?

42. Many people regard animals as an important part of the world. What are the roles of animals? Is it our responsibility to protect some animal species from extinction?

43. Many people are now spending more and more time travelling to work or school. Some people believe that this is a negative development while others think there are some benefits. Discuss both views and give your opinion.

44. People often think about creating an ideal society, but most of the times fail in making this happen. What is your opinion about an ideal society? How can we create an ideal society?

45. In many countries, imprisonment is the most common solution to crimes. However, some people believe that better education will be a more effective solution. To what extent do you agree or disagree?

46. International travel is becoming cheaper, and countries are opening their doors to more and more tourists. Do the advantages of increased tourism outweigh disadvantages?

47. Many young people now know more about international pop and movie stars than famous people in the history of their countries. What are the causes? Give solutions to increase the number of people to know about famous people in history.

48. People think that countries should produce foods their population eats and import less food as much as possible. To what extent do you agree or disagree?

49. Many children nowadays prefer playing video games to playing outdoor sports. What are the effects of this? What can be done to encourage those children to play more outdoor sports?

50. People are having less and less physical exercise. What are the reasons for this trend? What

can be done to encourage people to do more physical exercise?

51. Some people say that international travel causes tension between tourists and local people. Do you agree or disagree?

52. Tourism is one of the biggest industries in the world; and many countries depend on their tourism industries to create more incomes. What problems does tourism cause? Do the economic benefits of tourism justify the problem it causes?

53. The use of fossil fuels is causing many environmental problems all over the world. What are those problems? What can be done to reduce the environmental impacts of fossil fuels?

54. Many people in big cities nowadays choose to live very far from their workplaces. What are the reasons for this trend? Is it a positive or negative development?

55. In many big, modern cities, people choose to go to work by public tranport and therefore spend a lot of time travelling. Why do people choose to do that? Do you think it is better to travel by private vehicles instead of public transport to save time?

56. An increasing number of people are reading news on the Internet. Some people think that printed newspapers are not needed anymore. Do you agree or disagree with that statement?

57. Some people think that news on the Internet is not reliable. What are the reasons? Are there more reliable sources of news available?

58. Some people think that longer prison time is the best way to reduce crime. To what extent do you agree or disagree?

59. It is thought that letting people who become good citizens after being released from prison talk to teenagers is the best way to deter these young people from committing crime. However, others believe that there are other better ways to do this. Discuss both views and give your opnion.

60. Some people think that international travel makes people become more prejudiced rather than open-minned. To what extent to you agree or disagree?

61. Organized tours to remote areas and community is increasingly popular. Is it a positive or negative development for the local people and the environment?

62. Nowadays, international tourism is the biggest industry in the world. Unfortunately, international tourism creates tension rather than understanding between people from different cultures. To what extent do you agree or disagree with this opinion?

63. Historical sites are often visited by tourists, not local people. What are the reasons for this? What can be done to encourage local people to visit such sites?

64. Some people think that celebrities in the entertainment industry are setting a bad example for young people who admire those celebrities. Do you agree or disagree?

65. In many countries, people tend to buy food products that are imported. What are the reasons for this? What can be done to encourage people to buy locally produced food products?

66. Food travels thousands of miles from producers to consumers. Some people think that it would be better for the environment and economy if people only ate the local food produced by local farmers. To what extent do you agree or disagree?

67. Some people think that international car-free days are an effective way of reducing air pollution, however, others think there are other ways. Discuss both views and give your opinion.

68. Big cities nowadays are facing a number of environmental problems. What are those problems? Suggest some solutions to deal with those environmental problems.

69. Increasing car use is contributing to numerous problems that people are facing everyday. What problems does increasing car use cause? What can be done to discourage people from using their cars?

70. It is better for college students to live far away from home than live at home with their parents. Do you agree or disagree?

71. More and more people choose study overseas. What are the reasons for this? Is it a positive or negative development?

72. More and more parents are sending their children to boarding schools. What are the reasons for this? Is it a positive or negative development?

73. It is more important for schoolchildren to learn about local history than world history. To what extent to you agree or disagree?

74. Some people say history is one of the most important school subjects. Other people think that, in today's world, subjects like science and technology are more important than history. Discuss both these views and give your own opinion.

75. Museums and art galleries should concentrate on works that show the history and culture of their own country rather than works of the other parts in the world. To what extent do you agree or disagree?

76. Many people say that universities should only offer places to young students with the highest marks, while others say they should accept people of all ages, even if they did not do well at school. Discuss both views and give your own opinion.

77. Students should be taught academic knowledge so that they can pass exams, and skills such as cooking or dressing should not be taught. To what extent do you agree/disagree?

78. Some people think that schools should reward students with the best academic results, while others believe it is more important to reward students who show improvements. Discuss both views and give your opinion.

79. Education for young people is important in many countries. However, some people think that the government should spend more money on education in adult population who cannot read and write. To what extent do you agree or disagree?

80. Research shows that business meetings, discussions and training are happening online nowadays. Do the advantages outweigh the disadvantages?

81. There are more workers who work from home and more students who study from home. This is because computer technology is more and more easily accessible and cheaper. Do you think it is a positive or negative development?

ZIM School of English and Test Preparation

ZIM, a trusted educational organization, focuses on Academic English Training and Test Preparation, and our mission is to make English the second official language in Vietnam.

Here we offer a range of high-quality Academic English Training courses and consultancy for students and adults who want to acquire international education and live overseas. Our coursework is designed thoroughly and systematically by our intensive training experts as well as specialists in English language and teaching methodology in order to help each student study effectively and succeed in their pathway to university. We always pride ourselves on our professional and efficiency-oriented training and student support systems that not only guarantee success but also provide a great deal of learning experience for our students. For putting such priority on quality, thousands of our students managed to obtain their certificates, and we are able to inspire great loyalty and trust from our students.

Hotline: 1900 2833
Website: https://zim.vn/

ZIM SCHOOL OF ENGLISH AND TEST PREPARATION

IELTS SPEAKING REVIEW VOL.5

Actual Tests in 2020
Task analysis and ideas
Band 7 sample answers
Topic vocabulary and phrases

ZIM SCHOOL OF ENGLISH AND TEST PREPARATION

IELTS SPEAKING REVIEW VOL.5

Actual Tests in 2020
Task analysis and ideas
Band 7 sample answers
Topic vocabulary and phrases